

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

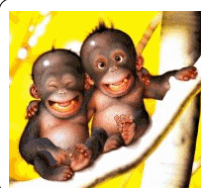
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

Xã luận

ISSN 1145-9557 * Số 178 - Năm thứ 17, tháng 02-2004

THẾ GIỚI AN NINH HƠN SAU HÒA GIẢI ẤN ĐỘ - PAKISTAN



Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên
và ban biên tập Thông
Luận kính chúc quý vị
một năm Giáp Thân
an khang và thành đạt.

Việc Ấn Độ và Pakistan hòa giải với nhau trong tháng qua phải được đánh giá là một biến cố rất lớn.

Trước hết là tầm quan trọng của hai nước này, Ấn Độ với 1 tỷ người và Pakistan với gần 150 triệu dân, cả hai đều có một quân đội mạnh và đều có bom nguyên tử. Một cuộc chiến tranh giữa hai nước này có thể là một thảm kịch cho cả thế giới. Một tầm quan trọng khác là do mức độ và bản chất của cuộc xung đột. Về mức độ, nó là cuộc tranh chấp đã kéo dài hơn một nửa thế kỷ, từ năm 1947, khi nước Anh trả độc lập cho Ấn. Từ đó đến nay xung đột biên giới xảy ra thường xuyên, hai quốc gia này cũng đã chính thức tuyên chiến và lâm chiến thực sự năm 1971 với hơn một triệu người thiệt mạng và hơn mười triệu người phải di tản trong vòng một năm. Cuộc chiến đã kết thúc với sự đầu hàng không điều kiện của quân đội phía Đông Pakistan và khai sinh ra quốc gia Bangladesh trên phần đất miền Đông Pakistan này. Lúc đó Pakistan chưa có bom nguyên tử. Ngày nay một cuộc chiến tương tự trên phần đất tranh chấp Kashmir có thể có những hậu quả kinh khủng.

Quan trọng hơn nữa, về bản chất, đây là một cuộc chiến tranh tôn giáo giữa Hồi giáo và Ấn giáo. Hòa giải giữa Pakistan và Ấn Độ có nghĩa là các cuộc chiến tranh tôn giáo đang đi vùi dĩ vãng, và đây là một may mắn cho loài người. Nếu ý thức rằng cuộc xung

đột này chủ yếu do các phần tử Hồi giáo cực đoan tại Pakistan gây ra và nuôi dưỡng thì người ta cũng có thể hiểu rằng hòa giải giữa Pakistan và Ấn Độ giáng một đòn nặng vào các phần tử Hồi giáo cực đoan không những tại Pakistan mà còn ở mọi nơi khác như Phi-líp-pin, Nam Dương và Soudan, v.v. Đó là lý do khiến chúng đã lỏng lẻo phản ứng; chỉ trong một tuần lễ tổng thống Pervez Musharraf đã bị mưu sát hai lần. Quyết định hòa giải với Ấn Độ, có nghĩa là chấm dứt cuộc tranh chấp vũ trang tại Kashmir, là một quyết định sáng suốt và can đảm của tổng thống Musharraf.

Hòa giải giữa Pakistan và Ấn Độ nếu thành công sẽ có những hậu quả rất tốt cho an ninh thế giới. Vùng Kashmir sẽ dần dần được ổn định và sẽ không còn là một sào huyệt cho các lực lượng khủng bố, như đám tàn quân Al Qaeda của Bin Laden nữa. Một thế giới hòa bình và an ninh sẽ là môi trường thuận lợi cho trào lưu dân chủ đang dâng lên.

Trong năm 2003, chế độ hung bạo Saddam Hussein đã bị đánh gục, Georgia đã chính thức trở thành một nước dân chủ, các chế độ độc tài Libya, Syria, Soudan đã phải từ bỏ thái độ thách thức xác xược với thế giới; Việt Nam và Miến Điện cũng đã phải xuống tay phần nào trong cách đối xử thô bạo đối với những người đối lập dân chủ; ngay cả Iran và Bắc Triều Tiên cũng đã phải tỏ ra nhân nhượng hơn. Các chế độ độc tài đang chịu những áp lực ngày càng lớn. Trào lưu dân chủ đã đạt những thắng lợi quan trọng.

Năm 2004, với hòa giải giữa Pakistan và Ấn Độ, chúng ta có quyền hy vọng những thắng lợi quyết định hơn nữa, vì một thế giới an bình chắc chắn sẽ quan tâm hơn đến các giá trị dân chủ và nhân quyền.

Thông Luận



Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc : một chiến lược đấu tranh cho dân chủ

Gần đây một số người đã xuyên tạc lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc như là một chủ trương bắt tay với chính quyền cộng sản, đồng thời cũng có người nhân danh "hòa hợp hòa giải" để phụ họa cho chính quyền độc tài cộng sản tại Việt Nam.

Để tránh mọi hiểu lầm, tôi, Nguyễn Văn Hiệp, thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một tổ chức chính trị đã không ngừng đề cao tinh thần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc trong hơn hai mươi năm qua, được phép thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên minh định như sau :

Cụm từ "hòa hợp hòa giải" thường được những người nói trên sử dụng là một cụm từ luộm thuộm, vô nghĩa, không có chỗ đứng trong tiếng Việt.

Khi một dân tộc đã trải qua một xung đột đẫm máu thì hòa giải là điều kiện tất nhiên để đất nước có thể tồn tại và tiến tới. Hòa giải bằng cách hàn gắn những vết thương do cuộc xung đột để lại, ít nhất là phục hồi danh dự cho những người đã bị xúc phạm, trong tinh thần bình đẳng và tương kính. Hòa giải để có thể hòa hợp với nhau trong cố gắng xây dựng một tương lai chung. Hòa giải dân tộc phải đi trước và là điều kiện bắt buộc để có hòa hợp, hay đoàn kết dân tộc.

Lập trường **Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc** của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên xuất phát từ một tình cảm tự nhiên muốn đất nước có thể tồn tại và vươn lên, nhưng nó cũng là một chiến lược cho phép kết hợp mọi người dân chủ Việt Nam, thuộc mọi cương vị và mọi quá khứ chính trị, đồng thời cô lập để đánh bại tập đoàn độc tài đang cầm quyền. Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là một lập trường tranh đấu, nó không thể lẫn lộn với thái độ đồng lõa với chế độ hiện nay trong mưu đồ danh lợi cá nhân.

Với lý tưởng đấu tranh để thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên bằng những phương thức bất bạo động, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã, đang và sẽ đề cao tinh thần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc trong nỗ lực tranh thủ sự hưởng ứng của mọi người dân chủ Việt Nam để cùng nhau đánh bại tập đoàn độc tài ngoan cố và đảm nhiệm sứ mạng làm lại đất nước trong tự do, dân chủ và giàu mạnh.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên lên án tập đoàn cầm quyền hiện nay đang ngoan cố duy trì chế độ độc tài và cũng lên án những ai, vì tham vọng cá nhân, đồng lõa với nó.

Dân chủ là hướng đi bắt buộc của thế giới và cũng là tương lai rất gần của dân tộc, ngoan cố duy trì chế độ độc tài đảng trị là mù quáng, tiếp tay cho nó là một chọn lựa vừa bất lương vừa thiển cận.

Ngày 30 tháng 1 năm 2004

Thay mặt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Nguyễn Văn Hiệp

Ghi nhanh :

TIẾN TỚI MỘT SỰ TỪ NHIỆM CỦA MỸ ?

Nguyễn Gia Kiểng

Tất cả mọi chỉ dấu đều rất thuận lợi cho một phục hồi kinh tế. Tình trạng trì trệ đã kéo dài khá lâu, các công ty đã thích nghi với tình thế khó khăn ; kinh tế Mỹ, đầu tàu của kinh tế thế giới, đã bắt đầu tăng trưởng khá mạnh. Tuy vậy, tăng trưởng vẫn chưa trở lại với châu Âu, Nhật và nhiều nước khác. Thủ phạm là đồng đô-la Mỹ.

Đồng đô-la Mỹ đã sụt giá khoảng 25% trong vòng một năm và gần 40% trong vòng hai năm qua. Các giải thích kỹ thuật đã được đưa ra : số thâm thủng ngoại thương của Mỹ ngày càng lên cao ; những lo âu về chi phí của Mỹ tại Iraq và Afghanistan ; lãi suất cơ bản của Mỹ (1%) quá thấp so với phần còn lại của thế giới. Nhưng còn lý do chính trị?

Giải thích thông thường là Mỹ đang ở năm bầu cử, ê-kíp Bush cần tăng trưởng kinh tế, giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp để có thể thắng cử, và muốn đạt được mục tiêu này thì phải để cho đồng đô-la xuống giá. Đồng đô-la sụt giá có nghĩa là hàng nhập cảng vào Mỹ sẽ đắt hơn trước, trái lại sản phẩm của Mỹ sẽ rẻ hơn, do đó bán được nhiều hơn tại Mỹ cũng như trên thế giới, các công ty Mỹ sẽ sản xuất được nhiều hơn và sẽ tuyển dụng nhiều nhân công hơn.

Giải thích này có cơ sở và nếu nó đúng, như nhiều người hy vọng, thì sau cuộc bầu cử tháng 11 sắp tới, khi cuộc bầu cử đã xong, đồng đô-la sẽ tăng giá trở lại, sinh hoạt kinh tế thế giới sẽ trở lại bình thường và phục hồi kinh tế sẽ mạnh như người ta có thể chờ đợi. Có thể đồng đô-la sẽ lên giá sớm hơn, ngay khi kết quả cuộc bầu cử, nghĩa là sự tái cử của tổng thống George W.Bush, đã chắc chắn. Tuy nhiên, trong giả thuyết Bush và bộ tham mưu của ông hành động theo một chủ thuyết mới, như người ta có thể nghĩ khi theo dõi những gì họ đã nói và làm, thì tình hình có thể khác.

Trong tác phẩm "*Lý Thuyết Tổng Quát*" nổi tiếng và để đời của ông, John Maynard Keynes lý luận rằng một số tiền chi tiêu có tác dụng tạo ra một gia tăng về sản xuất lớn hơn nhiều lần do hiệu ứng dây chuyền, nói một cách khác chi phí và tiêu thụ là động cơ của tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết của Keynes đã rất thời thượng trong suốt thập niên 1960 và đầu thập niên 1970, và đã khiến nhiều nước phá sản vì tưởng rằng bí quyết để phát triển chỉ giản dị là gia tăng đầu tư và chi tiêu công cộng. Còn gì thoải mái hơn cho một người lãnh đạo quốc gia là càng tiêu xài bao nhiêu càng phát triển đất nước nhanh chóng bấy nhiêu ! Nhưng hậu quả đã rất bi đát. Lý do là vì họ quên, đúng ra là cố tình quên, rằng điều kiện căn bản của Keynes là sự cân bằng giữa đầu tư và tiết kiệm. Nhưng lý do quan trọng hơn nhiều là Keynes lý luận trong một môi trường kinh tế khép kín, trong đó người này chi tất nhiên có người khác thu, trong khi kinh tế thế giới vận hành trên sự trao đổi, do đó gia tăng chi tiêu có thể chỉ giản dị là gia tăng nhập cảng và làm giàu cho nước ngoài thay vì kích thích sản xuất nội

địa. Bây giờ, nếu chúng ta nhìn cả thế giới như một đơn vị kinh tế thì lý thuyết của Keynes không sai bởi vì thế giới vẫn là một môi trường kinh tế khép kín chứ chưa buôn bán với một hành tinh nào khác cả. Như vậy đối với thế giới, tiêu thụ quả nhiên là động cơ của tăng trưởng và phát triển.

Do một diễn biến liên tục, đều đặn và không được tiên liệu, Hoa Kỳ đã trở thành "người tiêu thụ của hàng hóa thế giới" và đóng vai trò động cơ của kinh tế thế giới từ ít nhất hai thập niên vừa qua. Có một thay đổi lớn trong quan hệ thương mại giữa Mỹ và phần còn lại của thế giới : trước thập niên 1980 Mỹ là một nước xuất siêu (xuất cảng nhiều hơn nhập cảng), từ 1980 trở đi Mỹ là một nước nhập siêu, mua vào nhiều hơn bán ra, và sự thâm thủng trong cán cân thương mại này ngày càng gia tăng. Năm 2001, khi George W.Bush lên cầm quyền, số thâm thủng này là 360 tỷ USD. Một cách nôm na, mỗi ngày nước Mỹ chi ra quá một tỷ đô-la so với số tiền thu vào.

Từ 1980 nền tảng của sinh hoạt kinh tế thế giới là một đồng thuận bất thành văn : Mỹ phải tiêu thụ thật nhiều hàng hóa để thế giới có thể bán hàng. Mỗi tháng tất cả các thị trường chứng khoán trên thế giới theo dõi chỉ số lạc quan của giới tiêu thụ Mỹ. Một sự gia tăng hay sụt giảm của chỉ số này lập tức làm trị giá các cổ phần của các công ty lên hay xuống, nghĩa là làm thế giới giàu hơn hay nghèo hơn trong vòng vài phút sau khi nó được công bố. Nước Mỹ dĩ nhiên vẫn dẫn đầu khá xa trong nhiều ngành như tin học, nông nghiệp, sinh hóa, điện ảnh, v.v. và dĩ nhiên vũ khí, nhưng vai trò chính của nó từ đây là vai trò của một thị trường tiêu thụ. Đồng thuận này xem ra đã có lợi cho mọi người, nhưng cần nhấn mạnh tính cách tình cờ, nghĩa là không tiên liệu, và bất thành văn của nó. Nó đã ra đời như một hậu quả của một đồng thuận chính thức thường được gọi là "đồng thuận Washington", với một mục đích khác hẳn : chặn đứng lạm phát và ổn định tiền tệ, nói một cách khác giảm bớt các chi phí.

Nói rằng đồng thuận bất thành văn này, trong đó Hoa Kỳ đóng vai trò một thị trường tiêu thụ, có lợi cho mọi người thực ra không đúng hẳn, nhất là với Hoa Kỳ. Nhập siêu dĩ nhiên đưa đến nợ nần hoặc bó buộc phải bán tài sản của mình để trang trải số tiền thâm thủng. Để Hoa Kỳ có thể tiếp tục nhập siêu, tiền từ các nước khác đã phải liên tục đổ vào Mỹ để Mỹ có thể tiếp tục mua hàng hóa của thế giới. Số tiền khổng lồ đổ vào Mỹ này, khoảng 400 tỷ USD mỗi năm, được dùng để mua bất động sản, mua cổ phần của các công ty Mỹ, hoặc mua trái phiếu của chính phủ Mỹ và của các công ty Mỹ. Nếu tình trạng này cứ tiếp tục thì sẽ có một lúc mà rất nhiều bất động sản (nhà đất và các cao ốc), phần lớn vốn của các công ty Mỹ thuộc vào người nước ngoài, đồng thời chính phủ Mỹ cũng mắc nợ,

và do đó có thể bị chi phối bởi các nước ngoài.

Tình trạng không lành mạnh cho Mỹ này đã có thể tiếp tục trong hơn hai thập niên vì một số lý do. Trước hết là sự cởi mở và năng động của xã hội Mỹ khiến nhiều người và công ty một khi đã đầu tư vào Mỹ thường bị Mỹ hóa và tài sản của họ tại Mỹ biến thành tài sản của nước Mỹ. Mặt khác, các quốc gia và các công ty cũng đều ý thức được vai trò của Mỹ và do đó phải quan tâm bảo vệ sự ổn vững của Mỹ. Tuy vậy, đây chỉ là một lô-gíc chứ không phải là một bảo đảm chắc chắn.

Châu Âu luôn có mặc cảm với Mỹ, một mặc cảm phức tạp pha trộn sự thèm muốn trước thành công của Mỹ, sự ghen tức trước sức mạnh áp đảo về quân sự và chính trị của Mỹ và cả sự tủi nhục về thành tích của chính mình. Các thế kỷ 18 và 19 đã là những thế kỷ mà châu Âu thống trị thế giới về mọi mặt, nhưng Hoa Kỳ, nhờ công thức tự do khuyến khích ý kiến và sáng kiến cá nhân, đã vươn lên mạnh mẽ và qua mặt châu Âu. Trong thế kỷ 20, châu Âu đã phát minh ra các chủ nghĩa tẻ hại cộng sản và phát-xít, đã gây ra hai cuộc thế chiến và phải cầu cứu Mỹ. Đến cuối thế kỷ 20 thì ngay cả các vấn đề thuần túy của châu Âu hoặc do châu Âu gây ra, như cuộc khủng hoảng tại Nam Tư và các cuộc xung đột Do Thái - Palestine, cũng phải nhờ Mỹ giải quyết hộ. Từ mặc cảm này xuất hiện một thái độ chống Mỹ rất sơ đẳng, như một ám ảnh. Không thiếu những cuốn sách bán chạy nhất tổ giác Mỹ như là một đế quốc, thành trì của chủ nghĩa "chuyên chính tự do" (dictature du libéralisme), coi khối lượng tiền đổ vào Mỹ như là những triều cống của thế giới cho đế quốc Mỹ, tố cáo sự "lộng hành" của Mỹ ngay cả khi Mỹ làm những quyết định bắt buộc cho an ninh thế giới hay ít nhất cho an ninh của chính họ, thí dụ như việc tấn công tiêu diệt chế độ Saddam Hussein tại Iraq. Các tác giả này còn đẩy sự bất lương trí thức tới độ tổ giác ách thống trị ngày càng gia tăng của Mỹ trên kinh tế thế giới, trong khi thực sự trọng lượng kinh tế của Mỹ giảm đi khá nhanh chóng. Sau thế chiến 2, Hoa Kỳ chiếm quá 50% thương mại thế giới, năm 1980 tỷ lệ này là 25%, hiện nay nó xấp xỉ 18% (*).

Nếu thái độ chống Mỹ này chỉ dừng lại trong giới trí thức, phần lớn là trí thức khuynh tả trước đây đã từng ít nhiều ủng hộ khối cộng sản, thì nó chưa hẳn là điều đáng lo ngại cho Mỹ. Nhưng khi hai chính phủ Pháp và Đức liên kết với nhau để chống lại Mỹ trong quyết định tấn công Iraq, và chống lại một cách quyết liệt, thì Mỹ coi như một báo động. Hai quốc gia mạnh nhất châu Âu này vốn là những đồng minh cố hữu của Mỹ, Pháp đã được Mỹ giải phóng trong thế chiến 2, Đức đã trỗi dậy và trở thành giàu mạnh chủ yếu là nhờ Mỹ. Cả hai nước này cho tới nay vẫn là những nước rất được lợi trong buôn bán với Mỹ, Đức xuất siêu mỗi năm 30 tỷ USD với Mỹ, Pháp 10 tỷ USD. Cả hai có mọi lý do để ủng hộ Mỹ, nhưng cả hai đã chống Mỹ và bảo vệ Saddam Hussein đến cùng vì những quyền lợi ích kỷ (họ đã ngầm ký những tiền hợp đồng với Saddam Hussein ; Pháp để khai thác dầu khí, Đức để giành phần lớn thị trường cơ khí và điện tử, cả hai cần duy trì chế độ Saddam Hussein).

Riêng Pháp đã đẩy rất xa sự coi thường các giá trị đạo đức chính trị. Trước tình trạng này, Mỹ thấy trước hết phải trông cậy vào sức mạnh của chính mình chứ không thể chờ đợi ở một thái độ biết điều của các đồng minh quan trọng nữa. Mỹ lại càng lo ngại khi số nợ liên bang đã vượt quá 6 ngàn tỷ USD, 60% GDP của Mỹ, và phần lớn chủ nợ là người nước ngoài. Mặt khác một phần khá lớn tích sản của các công ty Mỹ cũng đã vào tay tư bản nước ngoài. Nếu tình trạng này trầm trọng lên thì có ngày chính Mỹ sẽ lệ thuộc nước ngoài, chưa nói là có quyền quyết định trong các vấn đề quan trọng của thế giới.

Một cách không phải ngẫu nhiên, đồng đô-la Mỹ đã bắt đầu xuống giá sau cuộc chiến Iraq mặc dầu kinh tế Mỹ phục hồi nhanh hơn mọi quốc gia giàu mạnh khác. Đồng đô-la xuống giá bởi vì chính phủ Mỹ không những không lấy một quyết định nào để nâng đỡ nó và còn có vẻ muốn nó xuống giá. Hậu quả là kinh tế Mỹ tiếp tục phát triển nhanh bởi vì hàng Mỹ trở thành rẻ, các công ty sản xuất nhiều hơn, không còn sa thải công nhân nữa, mà ngược lại bắt đầu tuyển dụng thêm nhân viên, thâm thủng ngoại thương của Mỹ giảm một cách nhanh chóng. Trong ngắn hạn, Mỹ không có lý do gì để làm cho đồng đô-la lên giá cả. Nếu ngân hàng trung ương Mỹ quyết định tăng lãi suất căn bản, như có triển vọng họ sẽ làm trong một vài tháng sắp tới, thì cũng chỉ vì mục tiêu ngăn chặn lạm phát trong một giai đoạn tăng trưởng nhanh mà thôi. Khi các cấp lãnh đạo Mỹ tuyên bố họ theo đuổi chính sách của một đồng đô-la mạnh, họ nói thực. Nhưng họ muốn một đồng đô-la mạnh trong một bối cảnh khác : một đồng đô-la mạnh trong một thế cân bằng ngoại thương, nói cách khác mạnh trong một nền kinh tế Mỹ thực sự mạnh, nghĩa là mạnh nhờ chính mình.

Thông điệp của Mỹ đối với thế giới, và nhất là châu Âu, có thể chỉ giản dị là : "Các ngài đã kích chúng tôi là đế quốc, vậy chúng tôi không là đế quốc nữa và các ngài sẽ phải tự lo liệu lấy trong một thế giới không còn vai trò đế quốc của chúng tôi !".

Châu Âu đang khốn khổ vì sự sụt giá của đồng đô-la so với đồng Euro. Hy vọng sự phục hồi nhanh chóng đang ngày càng trở thành mong manh. Năm 2004 sẽ chưa phải là năm trỗi dậy của kinh tế châu Âu, trong trường hợp tốt nhất nó chỉ là năm châu Âu ra khỏi sự suy thoái.

Tuy nhiên, sẽ là một suy nghĩ thiển cận, nếu ê-kíp Bush tiếp tục chính sách tiền tệ này một cách lâu dài. Đồng đô-la yếu đang ngăn cản sự tăng trưởng của kinh tế thế giới, và Hoa Kỳ không thể tiếp tục tăng trưởng trong một bối cảnh kinh tế thế giới trì trệ. Sự từ nhiệm của Hoa Kỳ trong vai trò của một thị trường tiêu thụ chính của thế giới về lâu về dài cũng tai hại cho chính họ.

Nguyễn Gia Kiểng

(*) Về những lập luận chống Mỹ, chống chủ nghĩa tự do kinh tế, cũng như những lập luận phản bác lại, có thể đọc "L'horreur économique" (Vivianne Forrester), "Après l'Empire" (Emmanuel Todd), "La Grande Parade" (J-F. Revel), "L'Obsession Anti-américaine" (J-F. Ravel).

Việt Nam và khả năng chuyển hóa

LTS : Sau bài tham luận nhan đề 'Hoạch định chính sách trong quá trình chuyển đổi ở Việt Nam và Trung Hoa - các khía cạnh so sánh', (in talawas, 19-11-2003) do tiến sĩ Gerhard Will, chuyên viên nghiên cứu về Trung Quốc và Việt Nam của Quỹ khoa học và chính trị Berlin, trình bày tại hội thảo Chính sách đào tạo và nghiên cứu trong quá trình chuyển đổi (16/17-9-2003, Hà Nội), xin giới thiệu bài phỏng vấn tiến sĩ Gerhard Will do Phạm Việt Vinh - cộng tác viên của Thông Luận và của đài SFB Berlin, thực hiện. Bài phỏng vấn bằng tiếng Đức dài khoảng 90 phút, được Phạm Việt Vinh dịch sang tiếng Việt và talawas biên tập lại. Người dịch có lược bỏ một số đoạn với sự đồng ý của các tác giả.

Phạm Việt Vinh (PVV) : Thưa ông Gerhard Will, trước hết, xin ông giới thiệu ngắn gọn về Quỹ khoa học và chính trị ở Berlin, đặc biệt là về chức năng và ảnh hưởng của nó đối với các quyết định chính sách của chính phủ Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Gerhard Will (GW) : Quỹ chúng tôi được thành lập từ đầu những năm 60 với tư cách là một viện cố vấn chính trị. Năm 2001, Quỹ được chuyển về Berlin làm cố vấn cho Thủ thủ tướng, Tổng cục ngoại vụ và các bộ khác. Hình thức viện cố vấn này ở Đức còn ít được biết đến, trong khi nó đã rất phổ cập, ví dụ như ở Mỹ, và được gọi là "think tank". Chúng tôi không đưa ra những quyết định chính sách, mà chỉ đưa ra ý kiến cố vấn, những đề nghị hoặc là những phương án để chọn lựa. Chúng tôi có hai phần : một bộ phận làm công tác nghiên cứu và đưa ra những đề nghị mang tính cố vấn, một bộ phận quan trọng hơn với nhiệm vụ chọn lọc, thu thập các tài liệu và thông tin quan trọng để cung cấp cho viện.

PVV : Và ông có thể giới thiệu một chút về mình được không ? Ví dụ như về công việc cụ thể của ông ?

GW : Tôi đã trải qua quá trình nghiên cứu khoa học chính trị và Hán ngữ hiện đại ; nhưng sau khi làm xong bằng cử nhân, tôi lại tập trung nghiên cứu về Việt Nam nhiều hơn là về Trung Quốc. Tôi đã lấy bằng tiến sĩ về sự phát triển tại Việt Nam sau chiến tranh từ 1975 đến 1979. Tại cơ quan nghiên cứu này, tôi tập trung nghiên cứu về các nước Đông Nam Á trong lục địa, từ Miến Điện, Thái Lan, Lào, cho đến Việt Nam.

PVV : Xin ông cho biết mục đích của cuộc hội thảo "Chính sách đào tạo và nghiên cứu trong quá trình chuyển đổi" trong hai ngày 16 và 17-9-2003 tại Hà Nội. Cơ quan nào đứng ra tổ chức một hội thảo như vậy ?

GW : Đây là một chương trình làm việc hợp tác giữa Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn quốc gia tại Hà Nội và Vụ Châu Á của Quỹ Rosa Luxemburg, tập trung vào những vấn đề về đào tạo và nghiên cứu trong quá trình chuyển đổi tại Việt Nam. Vấn đề mà tôi trình bày không liên quan trực tiếp tới đề tài trên, mà tập trung vào một so sánh tổng quát quá trình biến đổi tại Việt Nam và Trung Quốc, tức là nói đến điều kiện khung cho các chuyển biến riêng như đào tạo và nghiên cứu.

PVV : Vấn đề bao trùm trong bài tham luận của ông là "sự chuyển đổi"- về nguyên tắc, là một sự thay đổi, tuy dần dần, nhưng là để tiến tới một cái mới, một cái khác ; trong khi đó sự phát triển hiện nay ở Việt Nam lại được giới

lãnh đạo định nghĩa là một tiến trình "đổi mới"- cũng là một sự chuyển hướng, nhưng về căn bản là dựa trên sự cải tiến những cái đang có, những cái đã đạt được. Đó có phải là những xuất phát điểm khác nhau của các bên tham gia hội thảo này không ?

GW : Vâng, ông đã đề cập đến một vấn đề khá thú vị liên quan tới dịp hội thảo này, vì trong thực tế, khái niệm "chuyển đổi" hàm chứa một nội dung khác. Nó không phải là sự cải biến một tình trạng cũ, mà là sự chuyển hóa từ một trạng thái này sang một trạng thái khác ; và cả tiến trình "đổi mới" cũng phải như vậy, khi mà người ta phải quan tâm tới những vấn đề mới trong những điều kiện khung đang có. Vào những ngày hội thảo, điều này không được quan tâm lắm, nhưng khi thảo luận, người ta đã tranh cãi nhiều rằng nên đẩy cái tổ tiên xa tới đâu, rằng có thể có một giải pháp trung hòa không, và liệu có thể tồn tại cái gọi là "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" hay không, hay là nếu đã sử dụng kinh tế thị trường thì bắt buộc phải có những xác quyết dứt khoát về chính trị. Tôi cho rằng, vấn đề cơ bản là ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc, người ta đã nhận ra rằng : nếu sự cạnh tranh trong kinh tế đã làm sống động nền kinh tế thì tại sao sự cạnh tranh trong chính trị - gồm cả vấn đề đa đảng, lại không có thể mang lại những kết quả tốt đẹp về mặt chính trị, ví dụ như có thể triệt tiêu hay kiểm chế được nạn tham nhũng.

PVV : Về vấn đề này, tôi muốn được trở lại vào lúc sau. Nay xin đi trực tiếp vào bài tham luận của ông. Tại phần thứ nhất nói về những nét chung trong quá trình chuyển đổi tại Việt Nam và Trung Quốc, ông cho rằng sự chuyển hướng vào những nhiệm vụ hoàn toàn mới mẽ diễn ra ở Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tương đối dễ dàng và nhanh chóng hơn so với ở Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bởi cuộc Cách mạng văn hóa những năm 60 đã làm rung chuyển tận gốc một số nguyên lý cơ bản của Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ở Việt Nam thì ngược lại, người ta đã và đang vẫn rất tự hào về những chiến thắng trong quá khứ. Câu hỏi được đặt ra là : phải chăng, từ những đổ vỡ do cuộc Cách mạng văn hóa gây ra mà giới lãnh đạo Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã trở nên khôn ngoan hơn, và có khả năng cách tân hơn ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam ?

GW : Đúng, đấy là một sự hài hước của lịch sử. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng văn hóa là một xuất phát điểm quan trọng cho quá trình chuyển đổi tại Trung Quốc. Nếu so sánh với bước đi đổi mới của Liên Xô trước đây ở thời Gorbachov, điều dễ nhận thấy là cuộc Cách mạng văn hóa

tại Trung Quốc đã làm rung chuyển toàn bộ bộ máy đảng cộng sản từ trên xuống dưới. Người ta đã bàng hoàng nhận ra rằng cái gì hôm qua là chân lí, hôm nay đã không còn đúng nữa. Lòng tin cứng nhắc vào những nguyên lí ý thức hệ được củng cố từ hàng chục năm trời đã bị lay chuyển cực mạnh sau cuộc Cách mạng văn hóa. Nếu so sánh với Việt Nam, điều dễ nhận thấy là tình hình ngược lại : Sau chiến thắng đối với Mĩ năm 1975, lòng tự tin của người Việt Nam đã tăng lên cao độ. Giới lãnh đạo Việt Nam tâm niệm : "Tất cả đã khuyến cáo rằng ta không thể thắng nổi Mĩ, vậy mà chúng ta vẫn đi theo đường lối của mình, chúng ta vẫn kiên định lập trường và thực tế đã chứng minh rằng chúng ta đúng". Điều này dẫn đến thái độ hiện nay của Đảng Cộng Sản Việt Nam khi ứng phó với các biểu hiện khủng hoảng, tức là : "Nếu xuất hiện khủng hoảng, thì chúng ta vẫn có thể vượt qua, không phải bằng sự đổi thay, mà là bằng sự tuân thủ nghiêm ngặt đường lối đã được lựa chọn". Nó trái ngược hoàn toàn so với những gì đã xảy ra ở Trung Quốc sau những sự kiện "nổi da nấu thịt" cực kỳ đau đớn mà cuộc Cách mạng văn hóa đã gây ra.

PVV : *Có nghĩa là trong tâm thức, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam nghĩ rằng họ luôn luôn đúng. Nhưng thực tiễn có xác nhận và tiếp sức cho tâm thức ấy không ?*

GW : Ở Việt Nam người ta thường rút kinh nghiệm trong những cơn khủng hoảng. Từ cuộc khủng hoảng cuối những năm 70, đầu những năm 80, người ta nhận thấy rằng đường lối chính trị đã chạm tới vạch giới hạn, rằng không thể đi theo cách cũ nữa, và phải tiến hành cải tổ. Nhưng tôi cho rằng người Việt Nam vẫn chưa nhận thức được những điều cơ bản của một cuộc cải tổ, người ta vẫn nghĩ là nếu sửa sai chỗ này chỗ nọ thì kinh tế sẽ thăng tiến. Tôi cho rằng, đó cũng chính là vấn đề cấp bách của công cuộc cải tổ hiện nay, và khi mức độ tăng trưởng kinh tế ở mức 7% như năm ngoái, thì ý thức sẵn sàng cải tổ sẽ rất thấp. Nói chung thì cải tổ chỉ được thúc tiến khi khủng hoảng xảy ra. Khi kinh tế phát triển thì người ta không nhận ra mọi vấn đề, vì nghĩ rằng : "Kinh tế đang đi lên, vậy thì tại sao lại phải cải tổ ?", và người ta sẽ không ý thức được các vấn đề trong tiến trình kinh tế hiện nay của Việt Nam, như việc ưu tiên các xí nghiệp quốc doanh với những chi phí bù trợ quá lớn (giá một kg đường sản xuất tại Việt Nam cao hơn hẳn giá đường trên thị trường thế giới, xi măng và thép cũng hết như vậy). Nếu Việt Nam muốn tham gia Tổ chức thương mại thế giới WTO vào năm tới, thì những điều đó phải thay đổi, người ta bắt buộc phải cải tổ. Nhưng có lẽ, bước quyết định để làm điều này, hoặc nói cách khác là quyết tâm phát triển cải tổ, hiện nay là không có, do kinh tế đang đi lên. Nhưng khi khủng hoảng xảy ra, người ta sẽ bắt buộc phải cải tổ.

PVV : *Ông đã theo dõi tiến triển trong hơn 25 năm qua tại cả Việt Nam lẫn Trung Quốc và nhận định rằng, cải tổ ở Trung Quốc chủ yếu là được bắt đầu từ bên trên, từ giới lãnh đạo trung ương, còn cải tổ ở Việt Nam lại chủ yếu là do áp lực từ bên dưới, nhiều khi chỉ là sự hợp pháp hóa các hiện tượng mà ông gọi là "phá rào". Đồng thời, ông cũng tổng kết rằng, vì nhiều lí do- ví dụ như bởi tiềm năng khác*

nhau, nên công cuộc cải tổ ở Trung Quốc tuy tiến triển có thể chậm hơn, nhưng chắc chắn và liên tục hơn, trong khi cuộc cải cách ở Việt Nam hiện nay đang bị ngưng trệ. Vậy thì phải chăng, một sự cải tổ được khởi xướng từ bên trên cũng là điều tốt hơn đối với Việt Nam ?

GW : Về điều này, tôi muốn bổ sung một ý : ngay cả khi có cải tổ do sáng kiến từ bên dưới, thì ở trên, người ta cũng cần phải có một ban lãnh đạo có khả năng đưa những sáng kiến này vào chính sách và thực thi nó. Tôi cho rằng đó là một vấn đề cơ bản. Hiện nay, ở Việt Nam cũng như tại hải ngoại, ngày càng có nhiều người xác quyết rằng Việt Nam cần phải tiến hành một cuộc "Đổi Mới 2" - một giai đoạn 2 của quá trình cải tổ. Có thể phóng đại, hoặc có thể tóm tắt như sau : Giai đoạn 1 đã là sự hợp pháp hóa các cải tiến từ bên dưới, thì Giai đoạn 2 sẽ liên quan ở mức độ cao tới tổ chức nhà nước, ví dụ như đối với câu hỏi : làm thế nào để có một cơ cấu quyền lực pháp trị. Đó là những vấn đề không thể giải quyết được từ những sáng kiến bên dưới, mà là những thử thách lớn đối với bộ máy chính quyền, đòi hỏi giới lãnh đạo phải đưa ra những luật lệ và điều kiện mới để cải tổ tiếp tục phát triển.

Vấn đề sẽ là : ban lãnh đạo Việt Nam có đủ khả năng để tiến hành bước đi cải tổ này hay không ? Tôi nghĩ, một trong những khác biệt lớn so với Trung Quốc là Trung Quốc đã may mắn có một nhân vật là Đặng Tiểu Bình. Đặng có một ưu thế là xuất thân từ lớp lãnh đạo tiền bối, đã từng giữ chức tổng bí thư lâu năm, có uy tín sâu trong quân đội và qua kinh nghiệm sống, Đặng đã chân nhận ra rằng Trung Quốc phải được trải qua một cuộc cải tổ rất mạnh để có thể đổi thay, nhưng ông ta cũng là người có khả năng thuyết phục được bộ máy lãnh đạo cũ đồng ý với chính sách cải tổ của mình. Tôi thấy là, hiện nay Việt Nam đang thiếu một cá nhân như vậy : một cá nhân vừa có quyết tâm cải tổ, vừa có uy tín cao trong bộ máy Đảng và quân đội để có thể thuyết phục cải tổ đối với bộ máy đó, hoặc là đối với nhiều nhân vật lãnh đạo trong các bộ máy đó.

PVV : *Có nghĩa là để cải tổ tiến triển, Việt Nam còn thiếu một cá nhân như Đặng Tiểu Bình ? Hay Việt Nam còn thiếu những gì nữa ?*

GW : Việt Nam còn thiếu rất nhiều thứ. Tất nhiên, cải tổ là một quá trình rất khó khăn, nó không phải chuyện thường nhật ai cũng có thể làm được, và chúng ta không nên bỏ qua những câu hỏi phức tạp. Nhưng tôi vẫn nghĩ, Việt Nam cần một cá nhân có khả năng lãnh đạo cải tổ. Khác với Phương Tây, chính trị ở Đông Nam Á và Đông Á, đặc biệt là ở Việt Nam và Trung Quốc, được định hướng rất nhiều bởi một nhân vật nào đó. Do vậy, điều đáng mong là ở đó xuất hiện một cá nhân có khả năng dẫn dắt cải tổ. Nếu quan sát kĩ sự phát triển của Việt Nam, ví dụ như các đời tổng bí thư, cứ 4 hay 8 năm lại bị thay đổi một lần, thì ở đây hoàn toàn thiếu vắng tính liên tục về mặt nhân sự như ở Trung Quốc. Đó là vấn đề một cá nhân đầu tàu được thúc đẩy bởi một đội ngũ cộng sự tin cậy và có khả năng ; còn một điều khác không phụ thuộc vào vấn đề cá nhân- và tôi cho rằng đây là lợi thế của Việt Nam, tức là do điều kiện lịch sử, người Việt Nam học hỏi kinh

nghiệm bên ngoài nhiều hơn người Trung Quốc. Tôi thấy rằng ngay cả ở các cấp bên dưới, người ta cũng rất sẵn sàng quan sát và ứng dụng những bài học từ nước ngoài. Sự cởi mở đối với bên ngoài là một ưu thế lớn của Việt Nam so với Trung Quốc.

PVV : *Trong bài thuyết trình, ông cho rằng lý thuyết kinh tế Phương Tây đã gặp khó khăn khi giải thích sự tăng trưởng mạnh về kinh tế tại Trung Quốc và Việt Nam, nơi thiếu vắng những điều kiện khung cần thiết cho một nền kinh tế thị trường. Tìm lời giải cho một hiện tượng mới trên thế giới đương nhiên là điều không dễ, nhưng phải chăng, những diễn biến như ở Trung Quốc và Việt Nam là sự biện minh cho một hình thức kinh tế mới, một dạng thức "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" ?*

GW : Không, dứt khoát đây không phải là một sự biện minh! Nhưng người ta phải thấy rõ sự khiếm khuyết của khoa học kinh tế chính thống mang đậm sắc thái học thuyết Tân tự do hiện nay khi nó cho rằng mọi sự đều có thể được điều chỉnh bởi thị trường. Điều vô lý ở đây là trong sự phát triển kinh tế, có những vấn đề không thể giải quyết được thông qua thị trường, thậm chí có thể làm tổn hại đến thị trường nếu tất cả chỉ được dựa vào cội trụ thị trường. Để trả lời câu hỏi "biện minh", người ta cần phải thấy rằng mặc dù phát triển ở mức độ cao như hiện nay, nhưng biện pháp "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" ở Việt Nam đã bị rơi vào khủng hoảng, và mức tăng trưởng đã sút giảm mạnh sau cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á. Cũng do sự giảm sút này mà người ta đã phải phát động một số bước cải tổ. Thực tế phát triển hiện nay ở Việt Nam được điều chỉnh bởi thị trường, và ở một vài khía cạnh nào đó, có thể được coi như một sự biện minh ; nhưng điều rõ rệt hơn cả là người ta cần phải cải tổ mạnh mẽ hơn nữa để có thể duy trì được mức tăng trưởng cao. Một vấn đề là pháp trị, các vấn đề khác là cấu trúc hạ tầng, làm ăn thua lỗ - giải quyết chúng là những sách lược để hòa nhập vào thế giới, nhất là khi Việt Nam phụ thuộc ở mức độ cao vào thị trường quốc tế. Một kinh tế gia rất thông thạo Việt Nam đã nói rằng : Kinh tế Việt Nam như là một cái nút bấc trôi nổi trên mặt biển thị trường thế giới, và bị chao đảo bởi bất kỳ một biến động nào trên trường quốc tế.

PVV : *Về yếu tố con người trong quá trình biến đổi ở Việt Nam : nhiều người cho rằng người Việt nói chung và nền chính trị Việt Nam nói riêng có khả năng thích ứng rất cao. Nhưng có lẽ, đi đôi với khả năng thích ứng này là sự thiếu hụt một khả năng có tầm nhìn khoa học và lâu dài. Ông nghĩ sao về nhận định này ? Và theo ông, thì người Việt thiếu, hoặc còn thiếu cái gì để có khả năng nghĩ xa, nhìn xa ?*

GW : Đây cũng là một vấn đề rất thú vị và đã được tranh cãi từ khá lâu. Một mặt, người ta nói rằng chính trị Việt Nam có khả năng thích ứng cao - Việt Nam có khả năng thay đổi đối tác khá nhanh, mặt khác, Việt Nam lại rất thích các khuôn mẫu, hay tự định hướng theo khuôn mẫu, sao chép khuôn mẫu. Nhiều nhà tâm lý xã hội học Việt Nam đã phê phán điều này và cho rằng quan tâm học hỏi bên ngoài là một ưu điểm, nhưng đồng thời cũng là một

nhược điểm lớn khi Việt Nam thích sao chép mẫu hình ngoại quốc. Một thời gian dài người ta sao chép, hoặc tìm cách sao chép mô hình Liên Xô, bây giờ thì người ta sao chép mô hình Trung Quốc.

Vấn đề quan trọng trong chính sách cải tổ không chỉ là thích ứng, mà còn là tổ chức thực hiện. Ví dụ như trên lĩnh vực chính trị, người Việt Nam cho rằng đã chiến thắng những kẻ thù rất mạnh, đã đạt được độc lập ; nhưng vấn đề sẽ được đặt ra là : Nền độc lập đó phải được tổ chức thực hiện ra sao ? Phải làm thế nào để sự độc lập quốc gia trở thành một nền tảng cho sự phát triển kinh tế ? Tôi cho rằng người ta còn ít nhận thức được điều quan trọng này. Đó là trường hợp vào năm 1975 : Việt Nam đã phải hi sinh cực lớn để dành độc lập và thống nhất, nhưng khi độc lập, thống nhất đã đến thì phải khẳng định rằng, người ta đã hoàn toàn không có một phương án rõ ràng và khả thi cho quốc gia, người ta hoàn toàn không biết phải thực hiện thống nhất đất nước như thế nào, phải làm gì để thúc đẩy phát triển kinh tế trên một quốc gia có hai cấu trúc kinh tế khác hẳn nhau. Người ta đột nhiên đứng giữa Sài Gòn và giết mình tự hỏi : "Phải làm gì bây giờ ?". Điều này có thể là đương nhiên khi hàng chục năm trời người ta chỉ chú ý đến những tính toán quân sự và không thể quan tâm tới các vấn đề kinh tế. Nhưng ngày nay, sẽ là một sai lầm lớn nếu như người ta quá quan tâm đến các khuôn mẫu và ít bận tâm suy nghĩ rằng : Chúng ta có thể tự làm được gì ? Đây là một phương án kinh tế đặc thù của Việt Nam ?

PVV : *Có một chi tiết trong chuyện cướp nhật mô hình từ bên ngoài : hình như giới lãnh đạo Việt Nam chỉ quan tâm tới những khuôn mẫu đảm bảo quyền lực độc tôn của họ, còn đối với những mô hình ví dụ như của Phương Tây, người ta không chú ý đến những ưu điểm của chúng, mà chỉ nghĩ là, nếu theo mô hình này thì chúng ta sẽ phải cuốn gói ra đi. Ông có nghĩ thế không ?*

GW : Tôi cho là có nhiều con đường khác nhau, và sẽ quá là đơn giản nếu nghĩ rằng một bên là con đường Trung Quốc, một bên là con đường dân chủ nghị viện như ở Âu Châu. Sự phát triển trên thế giới ngày càng đa dạng, và chắc chắn là không chỉ có mô hình Trung Quốc hay mô hình Phương Tây : Ngay cả thể chế dân chủ ở Đức, Pháp, Anh hay Mỹ - tuy là theo những nguyên tắc giống nhau, nhưng lại có những nét đặc thù riêng, những dạng thái khác nhau. Do vậy, ở Việt Nam có thể sẽ có một hệ thống xã hội khác biệt, dân chủ được hợp pháp hóa, nhưng theo một dạng thái khác. Ngay như ở Thái Lan, nơi có một nền dân chủ thực sự, nhưng lại có những sắc thái rất riêng, và có lẽ Việt Nam cũng nên như vậy. Theo tôi, do truyền thống đặc thù, một cơ cấu dân chủ như ở Phương Tây sẽ không thể có tại Việt Nam.

PVV : *Một vấn đề nữa cũng về yếu tố con người : nhiều người ở Việt Nam cho rằng sau tình trạng đói khổ trong quá khứ thì hiện nay, tham nhũng lại có chức năng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, rằng không phải ý thức hệ, mà chính là tham nhũng, hối lộ mới là những yếu tố kích thích, thậm chí còn là cần thiết cho sự thăng tiến kinh tế.*

GW : Tôi tin rằng, trong giai đoạn đầu của cải tổ thì

tệ tham nhũng có một vai trò quan trọng, và nhiều khi là vai trò tích cực. Lí do là có rất nhiều thứ không thể đi được bằng con đường hợp pháp. Nhưng, đến một giai đoạn phát triển nào đó thì tham nhũng, trước hết là sẽ bùng phát, và sau nữa là sẽ ngày càng cản trở mạnh hơn tiến trình phát triển. Với mức độ phát triển kinh tế hiện nay, nhất là trên lĩnh vực công nghiệp, thì tham nhũng đã không còn chức năng tích cực như ở giai đoạn đầu nữa, nó đã trở thành một vấn nạn lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài và cho cả giới doanh gia Việt Nam. Một vấn đề lớn phía Việt Nam cần phải giải quyết nữa là hệ thống tài chính nhà nước, là hệ thống thuế khóa. Có thể nói rằng ngân sách thu thuế của Việt Nam thấp đến mức hầu như không đáng kể. Tất cả những vấn đề này phải được giải quyết dựa trên những bước đi đáng tin cậy để kinh tế tiếp tục thăng tiến, để có thể được tiếp nhận vào WTO, và để có thể tránh được thực trạng hiện nay là 30% ngân sách quốc gia được thu từ thuế nhập cảnh. Người ta phải tính đến khả năng thu thuế nội địa. Hiện nay, công ti nào ở Việt Nam mà đóng thuế vẫn bị coi là công ti "ngớ ngẩn, không biết cách làm ăn". Chẳng có một nhà nước nào có thể được vận hành một cách lâu dài dựa trên thực tế này.

PVV : *Nếu tham nhũng đã trở thành một thói quen thì có lẽ nó không chỉ gây tổn hại đối với kinh tế, mà còn là một hủy hoại đạo đức xã hội. Đối với tiến triển lâu dài của một quốc gia, phải chăng sự hủy hoại này sẽ mang lại những hậu quả khôn lường ?*

GW : Đó chính là một vấn đề mấu chốt. Nạn tham nhũng không chỉ cản trở kinh tế, mà còn phá hoại cả sự phát triển chính trị. Thành thật mà nói thì tệ tham nhũng không phải chỉ là vấn đề của riêng Việt Nam. Ở Đức, nếu giờ báo ra thì có lẽ cứ hai ngày lại thấy một vụ tham nhũng lớn bị phanh phui, nhưng về mức độ thì tham nhũng vẫn bị ngăn chặn mạnh. Khi người ta có thể đọc nó trên báo, khi nó bị khám phá và trừng trị, thì tham nhũng sẽ được hạn chế rất nhiều.

PVV : *Trong phần tổng kết bài thuyết trình, ông nói : "Mặt khác thì cũng dễ nhận thấy rằng một khi không có cạnh tranh chính trị và không tồn tại một khung thiết chế có khả năng chuyển tải sự cạnh tranh này mà không cần đến bạo lực thì cũng không thể nào hạn chế được các tệ nạn xã hội, trước hết là vấn đề tham nhũng và lạm dụng chức quyền". Xin đặt cho ông những câu hỏi cuối cùng : Thứ nhất, có phải cạnh tranh chính trị ở Việt Nam chỉ là nhằm chống nạn tham nhũng và tệ nạn xã hội, hay là nó còn có những tác dụng khác, ví dụ tiến hành cải tổ không phải chỉ là để hợp pháp hóa sáng kiến hay do áp lực từ bên dưới, hoặc để không kìm hãm và làm ngưng trệ cải tổ ?*

GW : Cạnh tranh chính trị không phải chỉ để chống tham nhũng và tệ nạn xã hội. Cạnh tranh chính trị, có thể nói là làm sống động mọi sinh hoạt xã hội. Người ta đã thấy là trên địa hạt kinh tế, sự cạnh tranh là một thành tố quan trọng để thúc đẩy phát triển, vậy thì điều hợp lý và tất nhiên là cạnh tranh chính trị cũng sẽ thúc đẩy các sự thăng tiến khác. Điều cần lưu ý là không hề có một mô hình chung, không hề có một "vương đạo" mở sẵn cho Việt

Nam. Con đường hợp lí mà Việt Nam nên theo đuổi phải là một quá trình được dựa trên những tranh luận mở, dựa trên những sự cọ xát chính trị. Điều này có thể đòi hỏi những cố gắng lớn, nhưng chắc chắn là một điều bắt buộc. Người ta nhiều khi cứ mong muốn có một mẫu hình tiện lợi, nhưng tôi cho rằng, với thực trạng phát triển hiện nay, Việt Nam ngày càng cần phải có một hệ thống mở. Trong giai đoạn đầu của cải tổ, một nhân vật như Đặng Tiểu Bình có thể là rất quan trọng, nhưng khi tình hình phức tạp hơn thì ngay cả Đặng hay một ban lãnh đạo chính trị nào đó cũng không còn khả năng thúc đẩy, mà lúc này, người ta cần có sự thảo luận mở đối với mọi vấn đề, cần có sự cạnh tranh chính trị. Việc cạnh tranh quyền lực chính trị dĩ nhiên cũng đã có ở Việt Nam, nhưng điều quan trọng mà Việt Nam còn thiếu là một định chế khung để chuyển tải cạnh tranh chính trị một cách công bằng, một cách phi bạo lực.

PVV : *Theo ông, cái cơ cấu chuyển tải, hay là cái định chế khung này có hình dáng ra sao ?*

GW : Cũng như đối với các vấn đề khác, ở đây cũng không thể có một mẫu hình chung, không thể có một đề nghị cụ thể được đưa ra từ bàn giấy. Đồng thời, cũng có rất nhiều kinh nghiệm tương ứng đáng nghiên cứu mà Việt Nam có thể ứng dụng tùy hoàn cảnh cụ thể. Điều quan trọng nhất ở đây là phải thỏa thuận được những điều kiện khung, những "luật chơi" chắc chắn. Khi xem xét phát triển hiện nay tại Việt Nam, rõ ràng là có sự cạnh tranh quyền lực, như giữa trung ương và địa phương, hay trong nội bộ trung ương, v.v., nhưng tất cả sự cạnh tranh này đều không theo những "luật chơi" cố định- ví dụ như trong một thể chế dân chủ nghị trường với những diễn biến rõ ràng làm cho mọi người xác định được sự khác biệt chính kiến và phải cùng nhau tìm kiếm những giải pháp trung hòa. Vấn đề của Việt Nam là mọi tranh giành quyền lực đều được diễn ra "sau cánh cửa đóng kín" và được giải quyết bằng những mạng lưới quan hệ cá nhân ở mức độ cao, dẫn đến những quyết định chính trị không hợp lí, không hợp lòng dân. Đây là một vấn nạn làm cho bất kì ai ở Việt Nam cũng phải dè dặt : người nào cũng có suy nghĩ riêng, vậy thì phải chăng quyết định này quyết định nọ được đưa ra là do ông này là bạn ông kia, hay là do ông kia là kẻ thù của ông nọ. Đối với một tiến trình chính trị, đây là một điều hết sức nguy hiểm vì nó liên quan tới những sách lược quan trọng của một quốc gia.

PVV : *Nếu nói về sự trong sáng, rõ ràng trong các tiến trình chính trị, thì gần đây, giới truyền thông ở Việt Nam đã đăng tải rất nhiều về chuyện tranh luận công khai ở quốc hội, về chuyện bộ trưởng này bộ trưởng kia bị đại biểu quốc hội chất vấn, phê phán. Liệu rằng thế đã đủ là "dân chủ"?*

GW : Gọi là "dân chủ" thì rõ ràng là chưa đủ. Nhưng chắc chắn đó cũng là một tiến bộ quan trọng phải tiếp tục phát huy, tới khi mà bộ trưởng không những chỉ bị chất vấn, mà còn bị truất quyền bởi quốc hội, chứ không phải bởi ban lãnh đạo Đảng. Người ta thấy rõ trong vụ án Năm Cam vừa qua, khi mà có hàng loạt cán bộ - kể cả cán bộ cao cấp, bị ra tòa và bị tuyên án nặng, nhưng ai bị điều tra, ai bị tuyên án thì đã được chỉ đạo từ trước đó. Tại đây, người

ta cũng thấy rõ sự lúng túng của giới lãnh đạo Việt Nam: một mặt họ muốn quảng bá vụ này để chứng tỏ nền pháp quyền của Việt Nam, mặt khác, họ lại không muốn công khai hết mọi sự thật, ví dụ như tổng cộng có bao nhiêu quan chức nhà nước và cảnh sát đã dính líu tới vụ bê bối. Tức là ai bị phê phán, ai bị mất chức thì đã được quyết định từ trên xuống, chứ không phải từ dưới lên.

PVV : *Có nghĩa là câu hỏi được đặt ra đã nằm trong quy định, câu trả lời hay cả người trả lời cũng phải nằm trong ranh giới, và cả giới truyền thông cũng chỉ có thể chuyển động trong những khuôn khổ đó. Tức là hoàn toàn không có dân chủ theo đúng nghĩa ?*

GW : Không, đó chưa phải là dân chủ thực sự. Nhưng phải nói rằng khi một bộ trưởng bị chất vấn công khai, thì người ta cũng sẽ mạnh dạn hơn khi đối đáp với các cấp lãnh đạo tỉnh và địa phương. Rõ ràng là ở Việt Nam còn chưa có dân chủ thực sự, nhưng ý niệm về dân chủ đã gia tăng, và điều này có tác dụng tích cực của nó. Người dân sẽ nghĩ: "Lần này đã thế, vậy thì lần sau cũng không có gì phải ngại".

PVV : *Vâng, đó là một điều tích cực. Nhưng khi ông đề cập đến "cạnh tranh chính trị" ở hội thảo, phản ứng của cử tọa ra sao ?*

GW : Dĩ nhiên là có những ý kiến phản bác. Người ta nói rằng ở Việt Nam cũng đã từng có cạnh tranh chính trị, rằng họ không muốn có một tiến triển chính trị như ở Liên Xô. Giới lãnh đạo Việt Nam vẫn coi sự kiện ở Liên Xô cũ như một con ngoáo ộp có tác dụng răn đe. Theo tôi, thí dụ này không thuyết phục, vì sự phát triển tại hai quốc gia là hoàn toàn khác biệt. Ở Liên Xô, sự thay đổi chính trị diễn ra quá nhanh và không được dân chủ lắm, nó đã tạo ra một thể chế dân chủ hình thức trong khi toàn bộ xã hội lại không được trải qua một quá trình dân chủ hóa và cũng không được dựa trên một nền tảng kinh tế tương ứng. Ở Việt Nam thì tình hình lại khác : chúng ta có một sự thăng tiến kinh tế, trong nhiều lĩnh vực chúng ta đã có sự tản quyền - ai cũng biết rằng khi mất quyền kinh tế thì quyền lực chính trị cũng chẳng còn, trong khắp xã hội đã phát sinh những lực lượng không phụ thuộc có khả năng đóng góp những vai trò quan trọng. Nếu Việt Nam không tạo lập những điều kiện khung để cho những lực lượng này có tiếng nói thì sẽ có nguy cơ dẫn đến những phát triển bột phát bất lợi hơn nhiều so với dự tính của giới lãnh đạo hiện nay, ví như càng đẩy kín một cái nồi áp suất cao thì đến một lúc nào đó nó sẽ nổ tung. Có nghĩa là con ngoáo ộp vẫn được mang ra hù dọa sẽ có thể xuất hiện tại Việt Nam nếu như người ta không tạo điều kiện cho những lực lượng đã độc lập về kinh tế không những được nói lên chính kiến của mình, mà còn phải được tham gia vào quá trình quyết định chính trị.

PVV : *Vậy thì ông đánh giá thế nào về khả năng cải tổ của ban lãnh đạo Việt Nam ? Liệu họ có muốn cải tổ không? Hay là họ có khả năng dẫn dắt cải tổ không ?*

GW : Ý muốn thì có, nhưng giới lãnh đạo Việt Nam vẫn chưa có một khái niệm rõ rệt về đường bước cải tổ, cải tổ nên đến mức độ nào, phải đến mức độ nào. Tôi cho rằng

ban lãnh đạo Việt Nam nhiều khi tự đánh giá mình quá cao trong việc lèo lái, lãnh đạo một tiến trình chính trị, và đánh giá quá thấp những diễn biến đang thực sự xảy ra. Vấn đề chính không phải ở chỗ là phải đối phó với "cánh bảo thủ đầu óc bê tông", mà điều quan trọng nhất là phải nhận biết được mức độ và những yêu cầu cơ bản của quá trình cải tổ.

PVV : *Khi thảo luận ở Hà Nội, liệu đã có ai đưa ra một lịch trình thời gian cho quá trình cải tổ không ?*

GW : Hoàn toàn không, và tôi nghĩ điều này rất khó. Cảm giác của tôi, kể cả khi trao đổi riêng với các đồng nghiệp Việt Nam là trong hoàn cảnh hiện nay, khi mà kinh tế đang phát triển, thì chính trị ngày càng trở nên ít năng động. Người ta nghĩ rằng : kinh tế đang lên, vậy thì thay đổi làm gì? Và nếu thay đổi, thì tấm gương Liên Xô đang còn đó. Tôi cho rằng, ý thức về cải tổ chính trị và xã hội chỉ có thể nảy nở khi xuất hiện một cuộc khủng hoảng. Khi xem xét sự phát triển của Việt Nam thì những cải tổ mang tính quyết định, thậm chí rất vội vã đã chỉ xảy ra trong một tình trạng khủng hoảng : đợt khủng hoảng lương thực vào cuối những năm 70 đã dẫn đến nghị quyết 6 năm 1979, rồi 10 năm sau đó, sự sụp đổ đột ngột của hệ thống xã hội chủ nghĩa vào năm 1989 đã bắt người ta ngay lập tức phải có những phản ứng đối phó, và đó là những tác dụng tích cực của khủng hoảng. Còn nếu như tình hình đang có vẻ thuận buồn xuôi gió, thì ý thức cách tân sẽ biến mất.

PVV : *Trong bài tham luận, ông có nhận định là sau giai đoạn trì trệ hiện nay, kinh tế Việt Nam sẽ phát triển. Điều này có nghĩa là không thể xuất hiện một đợt khủng hoảng sắp tới, tức là không thể trông chờ vào cải tổ chính trị trong một tương lai gần ở Việt Nam ?*

GW : Không, tôi không nghĩ như vậy ! Liệu kinh tế có tiếp tục tiến triển ở mức độ cao hay không, đó vẫn còn là một câu hỏi ngỏ, nhưng chắc chắn là với sự gia nhập WTO vào năm 2005, Việt Nam sẽ phải chịu một sức ép cải tổ cực kì lớn. Người ta phải chuyển hướng mạnh- như tôi đã nói lúc trước, ví dụ như toàn bộ hệ thống tài chính quốc gia, người ta không thể cứ tiếp tục đánh thuế nhập khẩu cao, mà phải bắt đầu thu thuế nội địa v.v. Sức ép cải tổ to lớn này sẽ không cho phép Việt Nam tiếp tục cách đi hiện nay như nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam vẫn tưởng. Trên địa hạt chính trị, áp lực cũng gia tăng. Chúng ta đều biết chính phủ Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn đối với vấn đề Internet. Người ta đã ra những bản án lố bịch cho nhiều người vô hại, ví dụ như đối với một thanh niên đã dịch ra tiếng Việt bài Thế nào là dân chủ lấy từ Website của Sứ quán Mỹ, trong khi bất kì một người Việt Nam biết tiếng Anh nào cũng có thể đọc nó thoải mái từ Website trên. Đầu tiên họ kết án anh ta 12 năm tù, rồi lại giảm xuống còn 5 năm. Điều này chứng tỏ ban lãnh đạo Việt Nam hoàn toàn không có một kế sách. Cách hành xử đối với Phật Giáo hiện nay cũng vậy. Tất cả cho thấy người ta vẫn sử dụng những biện pháp từ cách đây 10, 15 năm để tìm cách đối phó với những biến chuyển hiện tại. Nhưng thời thế đã đổi khác. Những biện pháp ngày nay, dù là cứng rắn, cũng không thể ngăn cản được những diễn biến chính trị như

TÌNH CA ĐA NGUYÊN



Này em yêu
Hãy hát với anh
Bài "Tình Ca Đa nguyên"
Hát đi em,
Dù hôm qua nắng đỏ
Hát đi em,
Dù ngày mai mưa dồn
Hôm nay ta vẫn trông
Một mầm xanh hy vọng
Hát đi em
Hát vang lên cho tình yêu quê
hương rực sáng

Đêm thê lương thoi quẩn quanh bên mảng
Tình Đa Nguyên sẽ đầm ấm con tim
Mặt trời Đa Nguyên đánh thức mọi miền
Hồi sinh những lương tâm, nhân phẩm
Cho tám mươi triệu người Việt Nam có quê hương đáng
sống
Cho trẻ thơ đâu phải lang thang xó chợ đầu đường
Cho mẹ già một nắng hai sương
Đâu phải nhọc nhằn ở phần đời còn lại
Cho thế hệ cha anh kẻ mở đường người khai lối
Cùng nhau nhìn lại anh em
Thấm thía câu «máu chảy ruột mềm»
Bồi vun nghĩa tình dân tộc
Góp sức chung lưng, góp lòng đấu cật
Nối lại tình thương lấy hòa giải làm cầu
Đất nước chỉ thiếu số thống trị là sự giàu
Còn đại đa số nhân dân thì xác xơ nghèo
Ta từng bước ăn no mặc ấm
Ăn chắc mặc bền, ăn ngon mặc đẹp
Chắc chắn rồi cũng sẽ không lâu
Từ giếng mối đạo đức bút tung, nhân nghĩa gục đầu
Từ những lớp học, những ngôi trường đi xuống
Từ những giả trá gian manh, những lọc lừa thủ đoạn
Những gạt găm lòng tin, tội phạm kế thừa
Lý do gì ta phải chịu thua
Nhân danh quyền làm người ta thẳng thừng làm lại
Từ những đàn ông muốn tiến thân đi bằng hai đầu gối
Từ những đàn bà không nói chuyện bằng miệng để vinh
thân
Từ những kêu than quốc nạn xếp hàng

Tham nhũng cửa quyền, tham quyền cửa đảng
Từ lòng đất, từ đại dương, từ núi rừng phá sản
Chẳng chịt sông ngòi... Sao huê lợi chẳng bao nhiêu?
Khẩn cổ kêu sương «xóa đói giảm nghèo»
Sao phải thế? Hỡi lương tâm nhân loại
Từng bước khiêm nhường ta đập bằng trở ngại
Vì thế hệ mai sau, vì khát vọng muôn đời
Nếu hôm qua phải bất hạnh làm người
Phải bất hạnh là nạn nhân của hận thù và chia rẽ
Thì em ơi,
Hãy ngẩng mặt nhìn về phía tương lai rạng rỡ
Tình Đa Nguyên sẽ đầm ấm con tim
Sen trắng tinh khôi nở giữa sinh bùn
Ta hãnh diện làm người Việt Nam thế kỷ
Này em yêu,
Em có thấy gì không ?
Ngoài kia mùa xuân đang bùng bùng nắng dậy
Trên những cánh đồng, trên những chồi cỏ non
Cây rét trơ xương cô quạnh bên đường
Cựa quậy hồi sinh
Và những cánh chim trời trốn lạnh mùa đông
Ríu rít tìm về chốn cũ
Em ơi !
Em đang cầm tay bài thơ tình quyến rũ
Bài "Tình Ca Đa Nguyên"
Khi yêu nhau thì lý lẽ con tim
Sẽ nói hộ những điều chân thật
Giản dị, đơn sơ mà vô vàn ấm áp
Bắt đầu làm lại nghe em
Dẹp phăng đi quá khứ đen ngòm
Những họng súng vô lương bạo lực
Bắn loạn xạ vào nhau, hao công tốn sức
Giận quá mất khôn
Khôn quá hóa hèn
Những viên đạn bẽ bàng kích động vô tâm
Chưa đạt mục tiêu đã vội vàng dưới sức
Đi giữa hai làn bạo lực
Có Tình Đa Nguyên rộ nở tinh khôi
Có lòng Đa Nguyên bao dung hòa giải con người
Xấn tay áo ta cùng làm lại

Sông Lô (Munster)

trong quá khứ. Người ta có thể còn khả năng ngáng trở chỗ này chỗ kia, nhưng không thể có khả năng kiểm soát tiến trình phát triển này một cách lâu dài và liên tục. Tôi có cảm nhận là cách hành xử này không thuyết phục được, ngay cả đối với những người trung thành với chế độ. Trong tiếp xúc, tôi không hề thấy ai cho rằng điều này là hợp lý, rằng các cá nhân này là phản động hay là phá hoại quốc gia.

Nhưng đó có vẻ là một đề tài bị cấm kỵ, không chỉ từ

phía những người lãnh đạo, mà cả từ phía những người tôi có cảm giác là cởi mở và có thể nói chuyện thẳng thắn. Đó là chuyện mà người ta “không bàn luận với người nước ngoài”. Họ chỉ xua nhẹ tay, nháy nháy mắt : "Trời hôm nay đẹp quá..."

PVV : *Thưa tiến sĩ Gerhard Will, cảm ơn ông về cuộc nói chuyện và xin hẹn ông vào dịp khác.*

Phạm Việt Vinh thực hiện
Berlin, 17-12-2003

Tổ chức xã hội và phát triển :

HỆ THỐNG DỤC, HỆ THỐNG NGANG

Tôn Thất Thiện

Trong gần một thế kỷ qua, những người Việt thuộc hai thế hệ - sinh sau Thế Chiến I và sau Thế Chiến II, nghĩa là ở lứa tuổi 70-80, hoặc 50-60 - đã dồn rất nhiều, nếu không nói là hầu hết, thì giờ và tâm trí vào việc thực hiện mục tiêu độc lập và xây dựng chủ nghĩa cộng sản, hoặc độc lập và xây dựng dân chủ chống cộng sản. Nhưng, ngày nay, qua thời gian và những chuyển biến ở Việt Nam và trên thế giới, càng ngày ta càng thấy rõ rằng những mục tiêu trên đây, thực sự, không phải là mục tiêu căn bản của dân tộc Việt Nam.

Mục tiêu căn bản thật sự của Việt Nam là sửa đổi xã hội Việt Nam làm sao để có điều kiện cải tiến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của đại đa số dân chúng, đặc biệt là mang lại cho họ sung túc, tự do, và một nền văn minh hiện đại hóa. Thay đổi chính trị - nhân sự và thể chế -, nếu có thay đổi thực sự, chỉ là một bước đầu, và nhỏ, trong tiến trình trên đây. Phần chính là phát triển, đặc biệt là phát triển kinh tế vì nó cung cấp phương tiện cho tất cả các loại phát triển khác. Nhưng điều kiện căn bản của phát triển là toàn thể xã hội phải chấp nhận những sự thay đổi cần thiết về văn hóa - cách suy nghĩ, hành động - để thích hợp với đòi hỏi của hiện đại.

Ta sẽ thấy rõ sự thực trên đây nếu ta làm một cuộc xét lại sâu rộng, triệt để, hết sức vô tư, khách quan, lương thiện, "không khoan nhượng", như anh Nguyễn Gia Kiểng nói trong *Tổ Quốc Ấn Năn*.

Qua cuộc xét lại như vậy ta thấy rõ ràng rằng, trong hơn nửa thế kỷ qua, lật đổ các chế độ thực dân, phong kiến, tư bản, thiết lập (hay chống đối) chế độ cộng sản, chẳng đem lại cho dân chúng Việt Nam những cải tiến căn bản về đời sống mà họ mong mỏi vì xã hội Việt Nam đã không có thay đổi gì cả, ngoài thay đổi giới cai trị, trong khi bản chất xã hội vẫn giữ nguyên như cũ : một xã hội xây theo hệ thống văn hóa Khổng Nho.

Như ta biết, tác phẩm *Tổ Quốc Ấn Năn* của anh Nguyễn Gia Kiểng đã gây nhiều sôi nổi, chống đối, tố giác gắt gao. Nhưng nó có một tác dụng rất quan trọng, là nó đã góp một phần rất lớn vào việc làm sáng tỏ vai trò tai hại của Khổng Nho trong lịch sử của chúng ta. Cho đến thế kỷ XVII, có thể hệ thống này thích hợp với tình cảnh và có đủ điều kiện để đáp ứng những nhu cầu và giải quyết những vấn đề của thời đó. Nhưng, từ thế kỷ XVIII trở đi, nó gặp phải một loạt vấn đề mới xuất phát từ sự tiếp xúc với một nền văn minh và một văn hóa khác - văn minh và văn hóa Tây phương - với những nhu cầu và những vấn đề khác.

Chế độ Khổng Nho : hệ thống dục

Chế độ quân chủ chuyên chế mô hình Trung Quốc nhà

Thanh, được thành lập sau khi chúa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế, và được củng cố dưới các triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, là một chế độ Khổng-Nho cực đoan. Đặc điểm của nó là quốc gia-xã hội xuất phát từ nó là một hệ thống tổ chức theo chiều dọc chỉ có một nhánh duy nhất.

Đứng đầu hệ thống trên đây là Vua, Thiên Tử, Con Trời, do Trời chọn theo số mạng. Trong thực tế, người đó là người đã dành được quyền lực nhờ đánh bại kẻ ngoại xâm, hay tất cả các địch thủ trong nước sau một cuộc nội chiến, không còn ai thách thức mình nữa. Dưới Vua là lớp sĩ phu Khổng Nho, một phần làm quan chức của Triều Đình, một phần đang chuẩn bị làm quan, đồng tham vọng và đồng quan điểm với lớp quan chức. Trọng tâm của quan điểm này là khái niệm "trung quân" : họ tuyệt đối chấp nhận quy thuận Vua, và tự coi như những kẻ thừa hành mệnh lệnh Vua, vì Vua là kẻ mang mệnh Trời.

Kế đến là dân, gồm ba thành phần (nông, công, thương), trong đó thành phần nông là quan trọng hơn cả, theo thứ tự xếp đặt : sĩ, nông, công, thương. Cũng như Sĩ đối với Vua, dân phải tuyệt đối quy thuận quan, vì quan là đại diện của Vua. Đối với dân, quan là những kẻ có quyền hành rất lớn ; ngoài ra, nhờ bổng lộc, điều kiện vật chất của họ cũng cao hơn là điều kiện của dân nhiều.

Trong một hệ thống dọc với một nhánh duy nhất như vậy, điều mà các nhà xã hội học Tây phương gọi là "upward social mobility" - con đường tiến thân trong xã hội - duy nhất là làm quan. Mà muốn làm quan thì phải thi đỗ. Và muốn thi chắc đỗ thì phải học - trau dồi thi phú, kinh sử, đặc biệt là kinh sử Tàu của các thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn của mấy ngàn năm về trước - những chuyện không ăn nhằm gì đến thực tại hiện đại của Việt Nam.

Trong một xã hội tổ chức như trên, tài năng sức lực, tâm trí, của cả một dân tộc chỉ dồn vào một mục tiêu duy nhất là làm sao giỏi thơ phú, kinh sử Tàu của các thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Văn, để có thể tiến thân qua con đường duy nhất mở ra cho cả xã hội, là làm quan, vì ngoài ra, không có con đường nào khác có thể đưa người có tài, dù có xuất sắc bao nhiêu, ra khỏi thân phận cơ cực của giới nông dân, hay bị khinh khi của giới công thương, được.

Ta có thể hình dung tổ chức xã hội trên đây như một cây gừa sét (paratonnerre), chỉ có một nhánh, như trong Hình I sau đây.

Quốc gia - xã hội, xuất phát từ một nền văn hóa Khổng Nho như trên là một quốc - gia xã hội khép, nhất nguyên, yếu, không đương đầu được với những quốc gia Tây Phương, với một nền văn minh xuất phát từ một văn hóa mở, đa nguyên, với khoa học kỹ thuật đa dạng, tinh xảo, cho phép chế biến dụng cụ có hiệu lực lớn đủ các loại, đặc biệt là dụng cụ chiến tranh.

Điều trên đây rất rõ kể từ cuối triều Thiệu Trị, và suốt triều Tự Đức. Sau cuộc thủy quân Pháp bắn phá Đà Nẵng lần thứ nhất, năm 1847, dưới triều Thiệu Trị, và lần thứ hai, năm 1858, dưới triều Tự Đức, rồi vụ đánh chiếm Gia Định và các tỉnh Miền Đông, rồi Miền Tây Nam Kỳ, một cách dễ dàng, các giới Pháp chủ trương chiếm Việt Nam thấy rõ tình trạng yếu ớt cực cùng của Việt Nam, và sẽ dần dần khai thác tình trạng này để đô hộ toàn Việt Nam. Tiến trình lần chiếm đô hộ Việt Nam này, khởi đầu

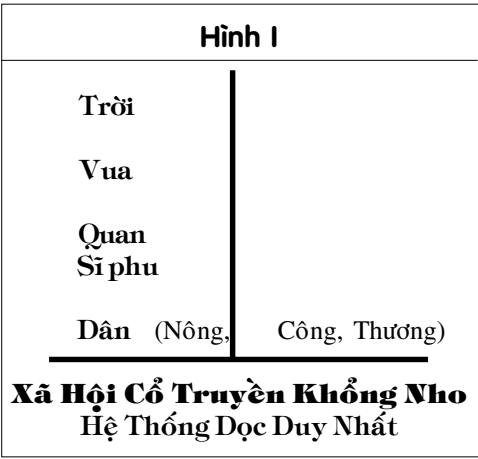
với Hoà Ước năm 1862 (nhường ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ), rồi với Hòa Ước năm 1874 (chấp nhận chế độ bảo hộ Pháp) và các thoả hiệp kế tiếp, đến triều Khải Định (1925) chế độ quân chủ chuyên chế Khổng Nho mô hình nhà Thanh Trung Quốc của Việt Nam biến thành chế độ cũng quân chủ chuyên chế Khổng Nho mô hình nhà Thanh, nhưng trong đó Vua thực sự của Việt Nam là viên Toàn Quyền Pháp, còn người mang danh "Hoàng Đế" Việt Nam chỉ là một quan chức do Toàn Quyền Pháp lựa chọn, và phát lương hàng tháng cho, như tất cả những quan của Triều Đình Việt Nam hay công chức Liên Bang làm việc trực tiếp dưới quyền quan chức Pháp.

Chế độ người Pháp dựng lên, trên danh nghĩa, là một chế độ mang danh hiệu "bảo hộ", vẫn còn "Vua" Việt Nam, nhưng "Vua" này chỉ là một bình phong mà người Pháp dùng để duy trì một chế độ với hệ thống tổ chức hàng dọc với một nhánh duy nhất không khác gì hệ thống Khổng Nho trước đó, với tất cả các đặc điểm của nó, đặc biệt là người Việt Nam chỉ có một con đường tiến thân là chấp nhận làm quan hay công chức theo những điều kiện do Pháp định. Tất nhiên là họ phải học hành, thi cử, theo chương trình do Pháp định, cũng trong tinh thần "dùi mài" văn chương và kinh sử, nhưng văn chương kinh sử Pháp.

Trên đây là tình trạng Việt Nam đến năm 1945. Xã hội "cổ truyền" kiểu Khổng Nho của Việt Nam, tổ chức theo hệ thống dọc, nhất nguyên, với một nhánh duy nhất, vẫn được tiếp tục áp dụng, với những hậu quả phung phí tài năng, và làm trì trệ sức tiến của dân Việt Nam, như hơn một trăm năm trước đó.

Phong trào Văn Thân

Ở đây cần nhấn mạnh trách nhiệm nặng nề của các giới mang danh là "Văn Thân" trong việc đưa Việt Nam vào tình trạng bị Pháp bảo hộ dưới Triều Tự Đức. Trong các sách và tài liệu viết về phong trào Văn Thân, những người này được đề cao như là những người yêu nước đáng làm gương cho người Việt khác. Nhưng nếu ta xét lại thật kỹ và thật vô tư vai trò của họ trong những năm xáo trộn mà kết quả là Việt Nam bị thảm bại trong công cuộc chống xâm lăng Pháp thì ta sẽ thấy một số sự thực cần làm cho ta suy nghĩ về cách yêu nước chống ngoại bang kiểu Khổng



Nho. Danh xưng "Văn Thân" được dùng để chỉ những sĩ phu Khổng Nho, hoặc làm quan trong Triều Đình, hoặc ở ngoài, tuy đỗ đạt, nhưng không thuộc giới quan trường. Là sĩ phu Khổng Nho, họ tiêm nhiễm tinh thần nhất nguyên, cho rằng nền văn minh Trung Quốc mà họ đại diện là đỉnh cao của văn minh nhân loại ; họ khinh khi những kẻ nghĩ khác, làm khác, không biết đạo lý, không biết lễ nghi Khổng Nho, như những người từ Tây phương đến, tóc đỏ ("Hồng mao"), mũi cao, da trắng, không biết "phép tắc" - không biết vái lạy - là "man di".

Cho nên những người trong giới Văn Thân chủ trương không nên giao dịch với những kẻ "man di" này, phải nhất quyết đóng cửa không cho họ vào, từ chối giao lưu với họ, và từ chối cả nghiên cứu văn minh mà họ đại diện, không cần đặt vấn đề học hỏi văn minh này - cương quyết chống canh tân -, tuy rằng đại bác họ bắn chìm thủy quân và phá tan đồn phòng thủ của Việt Nam, mà Việt Nam không thể nào chống đỡ nổi. Phần khác, theo Hịch của Cần Vương năm 1874, đạo Gia-tô là một đạo "vô phụ, vô quân" - không biết cha, không biết vua, nghĩa là không biết tam cương - là "khuyến dương tộc loại" (thuộc loài dê chó), và những kẻ vào thuyết giảng đạo đó hoặc theo đạo đó trong xứ thì phải diệt trừ họ đi.

Thái độ trên đây làm cho Việt Nam yếu đi ngay lúc cần canh tân gấp để đương đầu với một lực lượng mạnh mẽ ; đồng thời nó dồn vua Tự Đức vào thế khiêu khích đối với các nước Tây phương, và cung cấp cho họ cớ chính đáng để dùng binh xâm lấn Việt Nam, trong tình trạng Việt Nam hết sức yếu kém về binh bị, không ngăn chặn được quân địch. Yếu (vì không canh tân, do sự chống đối của giới sĩ phu Khổng Nho) nên đánh không thắng được, hòa không chịu (cũng vì cũng giới Văn Thân chống đối), phải tiếp tục chiến để chuốc lấy bại thê thảm, bị Pháp ép buộc đủ điều, và, qua thời gian, tước hết quyền hành của một vương quốc độc lập.

Xét kỹ lại lịch sử giai đoạn này, ta thấy vua Tự Đức không phải không thấy nguy cơ cho đất nước, không muốn canh tân, và không muốn tránh cảnh binh đao, nhưng vì áp lực của giới Văn Thân - giới sĩ phu Khổng Nho - Vua bị đẩy vào con đường rút cục đưa đến thế mất Nam Kỳ, rồi bị ngoại bang áp đặt chế độ bảo hộ luôn trên toàn thể Việt Nam (*).

Những điều trên cần được nêu ra, không phải để phủ nhận lòng yêu nước của giới sĩ phu Văn Thân, nhưng để vạch rõ ra sự tai hại của sự bám víu vào văn hóa Khổng Nho với hậu quả là thái độ này đã ngăn cản sự phát triển của tiềm năng của dân tộc Việt Nam, không cho nó chấp thu những thay đổi cần thiết về văn hóa để canh tân, cho có khả năng thích ứng với điều kiện mới.

Chế độ cộng sản : Khổng giáo hiện đại hóa

Từ 1945 đến 1975 xã hội Việt Nam trải qua một cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng : cộng sản mô hình Xô-Viết - Lêninít-Bôn-sê-vích -, và dân chủ mô hình Tây Phương. Rốt cuộc, xu hướng cộng sản thắng. Đảng Cộng Sản Việt Nam, người cổ xúy xu hướng này, nay hoàn toàn tự do thực hiện "cách mạng" xã hội Việt Nam mà họ hằng tuyên bố là mục tiêu của họ.

Nhưng, kinh nghiệm từ 1975 cho thấy rõ rằng họ chỉ lập lại chế độ xã hội theo hệ thống hàng dọc, nhất nguyên, với một nhánh duy nhất - hệ thống Khổng Nho - mà các chế độ phong kiến và bảo hộ Pháp đã áp dụng trước 1945. Cái "cách mạng" mà họ đã thực hiện là đưa ra một nhãn hiệu khác các nhãn hiệu trước : "xã hội chủ nghĩa".

Danh xưng "xã hội chủ nghĩa" mà Đảng Cộng Sản Việt Nam dán lên trên các danh xưng "Bảo hộ Pháp" hay "Vương quốc" Việt Nam là nhãn hiệu của một mô hình xã hội Lêninít-Bôn-sê-vích. Mô hình này là căn bản của một hệ thống xã hội hàng dọc, nhất nguyên, chỉ có một nhánh. Cách tiến thân duy nhất của những người trong chế độ là quy thuận và hòa nhập vào hàng ngũ của đảng cộng sản, một loại triều đình mà bản chất không khác gì hệ thống Khổng Nho đã được áp dụng từ ngàn năm trước ở Việt Nam. Kinh sử mới là chủ nghĩa Mác-Lê ; hệ thống quan trường mới là Đảng ; tham vọng mới là được thăng nập vào Đảng, rồi lên cán bộ, bí thư, ủy viên và vào cấp trung ương, tương đương với cấp đại thần của Triều đình xưa. Như anh Nguyễn Gia Kiểng viết trong *Tổ Quốc Ấn Nãi*, "chế độ cộng sản là một chế độ Khổng giáo hiện đại hóa".

Đảng Cộng Sản Việt Nam, tuy tự xưng là đảng "cách mạng", nhưng cũng chỉ là một tổ chức bảo thủ nặng, thực ra nặng hơn các chế độ thực dân và phong kiến trước họ. Họ chỉ mang mấy cái ghế cũ ra, phủ bụi đi, sơn quét lại với màu khác - màu đỏ - rồi ngồi vào đó.

Cũng như các tập đoàn nắm quyền cai trị Việt Nam trước họ, ưu tư tối thượng của họ là bảo vệ quyền lợi của nhóm cầm quyền. Nhiệm trách tối trọng của một chính quyền Việt Nam thực sự lo cho dân - tạo điều kiện cho toàn thể xã hội Việt Nam đi tới - không phải là một ưu tư lớn của họ.

Từ hơn 100 năm nay, về phương diện cạnh tân Việt Nam, không có gì thay đổi. Ba chế độ kế tiếp nhau - Vương quốc, Bảo hộ Pháp, Xã hội chủ nghĩa - mang nhãn hiệu, hình thức, mục tiêu công bố, khác nhau, nhưng về thực chất vẫn là hệ thống Khổng Nho.

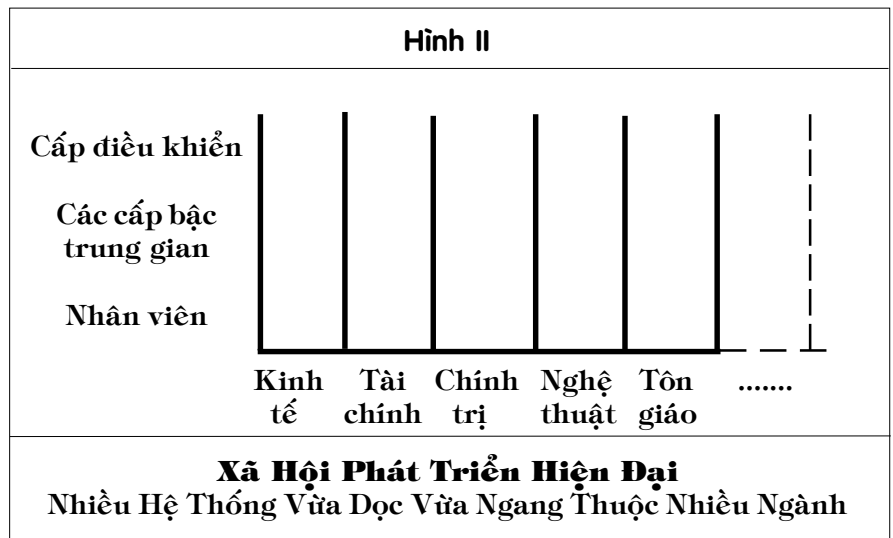
Công cuộc hiện đại hóa Việt Nam vẫn là một công cuộc chờ thực hiện. Mọi việc phải bắt đầu từ đầu. Như người Mỹ nói : "We are back to square one".

Hiện đại hóa : dọc lẫn ngang

Ở đây có ba câu hỏi lớn cần được trả lời :

1. Công cuộc hiện đại hóa xã hội Việt Nam là gì ?
2. Nó đòi hỏi những gì ?
3. Ai là người phải lo về việc này ?

Trả lời câu hỏi thứ nhất, nói một cách tổng quát, hiện đại hóa xã hội Việt Nam là biến xã hội này thành một xã hội có khả năng thích ứng với thời đại, giải quyết những vấn đề mới được đặt ra. Xã hội này tổ chức theo một hệ thống vừa ngang, vừa dọc. Nó có nhiều nhánh song song. Ta có thể hình dung nó như một cái ăng-ten TV với nhiều nhánh, như trong Hình II dưới đây.



Xã hội Việt Nam hiện đại hóa này là một xã hội đa nguyên, đa dạng, trong đó tất cả những người tài ba, có khả năng khác nhau, dù chính kiến khác nhau, đều có cơ hội tiến thân. Vấn đề "upward social mobility" được giải quyết vừa theo chiều dọc, vừa theo chiều ngang. Vì số ngành không giới hạn, mà tầm quan trọng của các ngành lại đều nhau, nên tất cả những công dân tài ba, có khả năng, đều có chỗ thi thố. Hơn nữa, trong mỗi ngành, người xuất sắc có thể lên đến tột đỉnh của ngành mình, được thăng nập vào cấp điều khiển, do tài đức của mình. Như vậy dân chủ được bảo đảm.

Trong một xã hội như trên, cơ hội tiến thân thật là vô hạn, vì số ngành hoạt động vô hạn : kinh tế, tài chính, kỹ nghệ, thương mại, nghệ thuật, văn chương, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật. v.v. Vấn đề tài năng của xã hội bị phung phí không còn nữa. Tiềm năng của xã hội được phát triển tối đa. Vấn đề "giàu, mạnh" của xã hội được giải quyết. Sự phát huy của tất cả tài năng của xã hội đưa đến sự chấp nhận dễ dàng, hay phát minh nhiều cái mới. Xã hội cải tiến không ngừng. Trong một xã hội như vậy, không còn vấn đề một thiểu số nào có thể áp đảo kẻ khác nhờ nắm độc quyền chính trị. Chính trị chỉ còn là một trong hàng trăm, hàng ngàn ngành hoạt động. Hơn nữa, cơ cấu chính quyền cũng tổ chức theo hệ thống vừa ngang vừa dọc, theo nguyên tắc phân quyền, gồm ba ngành song song - hành

pháp, lập pháp, tư pháp -, biệt lập nhau. Đó là một sự bảo đảm cho tự do của người công dân.

Câu hỏi thứ hai là : biến một xã hội tổ chức theo hệ thống dọc duy nhất sang một xã hội tổ chức theo hệ thống dọc lẫn ngang đòi hỏi những gì ? Trả lời là : nó đòi hỏi rất nhiều sửa đổi, hay thay đổi, trong rất nhiều ngành, nhiều lãnh vực. Nhưng nói chung, nó là một vấn đề thái độ, một vấn đề văn hóa. Tất cả những sửa đổi, hay thay đổi đó, đều liên quan đến cách suy nghĩ, xử sự, của đại đa số dân chúng, đặc biệt là sự sẵn sàng chấp nhận thay đổi, bỏ một số tập quán, giá trị cũ, "cổ truyền", để chấp nhận một số cách thức, giá trị mới, "hiện đại". Nói tóm, sự biến chuyển trên đòi hỏi một sự thay đổi văn hóa cũ, hẹp hòi, cứng rắn, và chấp nhận một văn hóa mới, phong phú đa dạng hơn, có khả năng đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của thời đại hơn.

Câu hỏi thứ ba : ai là người phải lo việc trên đây ? Tất nhiên là những người có nhiệm vụ trách lo việc đó. Những người này là những người nắm chính quyền. Nhưng, như ta đã thấy ở trên, những người này đã không làm nhiệm vụ của họ. Tất nhiên, họ sẽ bị hất đi.

Tuy nhiên, sau đó, vấn đề vẫn còn nguyên. Những người nắm chính quyền chỉ là công cụ trong sự thay đổi văn hóa để cải biến xã hội. Ngoài họ ra, phải có một số người nghiên cứu vấn đề để biết phải thay đổi những gì, phải thay đổi thế nào. Đây là một công việc mà những người thuộc thế hệ thế chiến I và thế chiến II tự nhận là lãnh đạo tư tưởng phải làm. Cho đến nay, phần lớn những người thuộc hai giới này đã để quá nhiều thì giờ vào công cuộc tranh đấu chính trị, cho tự do, dân chủ, dân quyền v.v. Tôi thiết tưởng họ nên chuyển hướng suy tư và hành động, dồn thì giờ và chú tâm vào việc xét lại lịch sử của Việt Nam, đặc biệt là về phương diện tâm lý, xã hội, sưu khảo khía cạnh văn hóa của xã hội ta, nhận diện những yếu tố nội tại nào đã cản trở sự tiến của dân tộc, và đề nghị những giải pháp để loại bỏ những tập quán, những tư tưởng, những giá trị tiêu cực, và thay thế chúng với những giá trị mới (giá trị nào ?) thích hợp hơn. Như vậy họ sẽ làm một công việc cụ thể, hữu hiệu, và căn bản hơn là đấu tranh chính trị. Không phải là đấu tranh chính trị không cần, nhưng đã có nhiều người, có thể nói là quá nhiều người, làm việc đó rồi, trong khi những vấn đề thật căn bản và lớn hơn, các vấn đề văn hóa, xã hội, được rất ít người chú ý đến. Nhưng nghĩ cho kỹ, những vấn đề này mới là vấn đề then chốt trong công cuộc hiện đại hóa nước Việt Nam.

Tôn Thất Thiện

(Ottawa, ttháng 2-2004)

Chú thích :

(*) Chi tiết về giai đoạn lịch sử này được trình bày trong các tác phẩm sau đây : Phan Khoan, *Việt Nam Pháp Thuộc Sử (1884-1945)*, Sống Mới, P.O. Box 2744, Fort Smith, AR., 1961 ; Nguyễn Thế Anh, *Monarchie et Fait Colonial au Viet-Nam (1875-1925)*, Editions L'harmattan, Paris, 1992 ; Yoshiharu Tsuboi, *L'Empire Vietnamien face à la France et à la Chine (1847-1885)*, L'harmattan, Paris, 1987.

Đề chấm dứt chế độ độc tài đảng trị

Võ Xuân Minh

"Vấn đề trọng đại trước mắt của chúng ta là chấm dứt chế độ độc tài đảng trị trong một thời gian ngắn nhất và trong những điều kiện tốt đẹp nhất. Chúng ta đã quá chậm trễ so với thế giới và không còn thì giờ để phí phạm. Chúng ta không thể chấp nhận một tình trạng hỗn loạn hậu cộng sản".
(*Thành Công Thế Kỷ 21*, trang 83)

Chấm dứt độc tài là một ước mơ chung của nhân loại. Đối với Việt Nam đó là một nhu cầu bức thiết. Độc tài đã làm cho đất nước ta tụt hậu, giềng mối xã hội tan rã và tuyệt đại đa số người dân sống trong nghèo nàn, trong lo sợ thường trực và với một tương lai rất bấp bênh.

Những bản án thô bạo đối với những thanh niên ưu tú của đất nước như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình chứng tỏ đảng cộng sản không hề quan tâm đến tương lai của quốc gia. Những cuộc đàn áp tàn nhẫn dân tộc thiểu số và tôn giáo cho thấy rằng đảng cộng sản vẫn tiếp tục vi phạm nhân quyền. Những vụ bắt bớ, sách nhiễu những người dân vô tội, kể cả những nhà cách mạng lão thành đã đóng góp rất nhiều cho đảng cộng sản như Phạm Quế Dương, Vũ Cao Quận, Trần Dũng Tiến cũng cho thấy đảng cộng sản đã mất hết lương tri. Chính quyền cộng sản hiện nay chỉ là một tập đoàn tham nhũng và sẵn sàng hy sinh tương lai của quốc gia cho quyền lợi của họ và của tập đoàn tư bản đỏ. Không thể chờ đợi một thay đổi tích cực nào ở đảng cộng sản cả. Để đưa đất nước ra khỏi bế tắc chúng ta phải chấm dứt chế độ độc tài đảng trị này.

Làm sao để chấm dứt chế độ độc tài cộng sản này ? Đây là một câu hỏi đã chất vấn nhiều người, nhiều tổ chức chính trị Việt Nam.

Ba lập trường căn bản

Trước hết, chúng ta cần phải nhìn lại đất nước mình, dân tộc mình và thế giới. Công cuộc đấu tranh nào muốn thành công cũng phải phù hợp với bối cảnh của đất nước, với nguyện vọng của người dân và với xu hướng của thời đại.

Đất nước Việt Nam đã trải qua một cuộc nội chiến dài với nhiều tổn thương, người dân Việt Nam đã quá nhiều thất vọng và chán chường. Cuộc đấu tranh hôm nay chỉ có thể thành công nếu hội đủ 3 điều kiện : trước hết là có một mục đích cao đẹp, thật sự phục vụ cho quốc gia, dân tộc ; kế đến là có một phương thức đấu tranh không đòi hỏi hy sinh xương máu, không gây thêm đổ vỡ ; và cuối cùng là vận động được sự tham gia của mọi tầng lớp dân chúng thuộc mọi quá khứ chính trị.

Mục tiêu chính trị mà loài người nhắm đến hiện nay là

dân chủ đa nguyên, một thể chế chính trị bảo đảm chỗ đứng và tiếng nói cho mọi người, cho phép và tạo điều kiện để mỗi người có quyền và có khả năng xây dựng đời mình theo ý muốn của mình. Phương thức đấu tranh tránh được cho người dân những tang thương, chết chóc cũng như tránh được cho quốc gia những đổ vỡ trầm trọng là đấu tranh bất bạo động. Những diễn biến gần đây trên thế giới đã chứng tỏ phương thức đấu tranh này có khả năng đánh đổ các chế độ độc tài, kể cả độc tài cộng sản. Và với một cuộc nội chiến tàn khốc kéo dài trên hai mươi năm thì chỉ có chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc mới có thể vận động được toàn dân, thuộc mọi quá khứ chính trị, tham gia vào cuộc đấu tranh này.

Để đánh đổ được chế độ độc tài đảng trị và đưa tự do dân chủ đến thắng lợi trong một thời gian ngắn nhất và trong những điều kiện tốt đẹp nhất, cuộc đấu tranh này phải dựa trên ba lập trường căn bản : *lý tưởng dân chủ đa nguyên, tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, và phương thức đấu tranh bất bạo động.*

Bốn điều kiện cần và đủ của một cuộc cách mạng dân chủ

Lịch sử thế giới cho thấy bốn điều kiện cần và đủ để một cuộc cách mạng - được hiểu theo nghĩa là thay đổi toàn diện chế độ và định hướng quốc gia - thành công là :

Điều kiện thứ nhất là mọi người trong nước đồng ý rằng chế độ hiện hữu là tệ hại và phải thay đổi .

Điều kiện thứ hai là đảng hay giai cấp cầm quyền, vì mất đồng thuận trên lý tưởng chung hay vì bị ung thối, đã chia rẽ, phân hóa và mất bản năng tự tồn của một đoàn thể.

Điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

Điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm tựa cho những khát vọng đổi mới (Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 84).

Có bốn điều mà chúng ta cần chú ý :

Một là, không bao giờ có điều kiện nào được thực hiện xong 100% cả, một điều kiện được coi là đã đạt được khi đã chín muồi tới một mức độ nào đó. Chỉ cần vào khoảng 80% dân chúng chán ghét chế độ hiện tại thì điều kiện thứ nhất coi như đã đạt được. Hai là, các điều kiện này hỗ trợ, bổ túc lẫn nhau và không cần phải chờ đợi điều kiện trước thực hiện xong mới tạo dựng điều kiện sau. Chúng ta không phải chờ đợi đảng cộng sản tan rã mới đưa ra một dự án chính trị. Một dự án chính trị đáp ứng được nguyện vọng của toàn dân, phù hợp với xu hướng của thời đại và có tính khả thi giúp cho người dân thấy rõ sự tồi dở hay gian trá của chính quyền (điều kiện thứ nhất). Dự án này có khả năng làm mất niềm tin vào chế độ của ngay cả những cán bộ nòng cốt và tạo phân hóa trong nội bộ đảng (điều kiện thứ hai). Và nó cũng là nền tảng để xây dựng một tập hợp chính trị mới (điều kiện thứ tư). Ba là, tùy theo bối cảnh của đất nước và di sản văn hóa quốc gia mà một điều kiện có thể thực hiện dễ dàng tại quốc gia này nhưng lại rất khó tại một quốc gia khác. Và bốn là, tùy theo mục đích của

cuộc cách mạng - chẳng hạn như mục đích chính là giành quyền lãnh đạo hay là đặt nền tảng vững chắc để đưa quốc gia vào quỹ đạo tiến bộ phồn vinh - mà mỗi điều kiện có tầm quan trọng khác nhau.

Nhìn vào bối cảnh hiện tại của đất nước chúng ta có thể khẳng định là hai điều kiện đầu đã có. Mọi chế độ độc tài đều tồi dở trong việc quản lý quốc gia. Dù bộ máy tuyên truyền của giai cấp cầm quyền có tinh vi đến đâu cũng không thể che giấu được sự kém cỏi của họ, nhất là trong thời đại giao thông và truyền thông phát triển như hiện nay. Đất nước Việt Nam dù có phát triển nhưng so với thế giới thì sự thua kém đã quá rõ rệt. Hơn nữa, những vi phạm nhân quyền đã làm cho toàn dân phẫn nộ, kể cả thành phần đã góp phần xây dựng đảng cộng sản. Các cụ lão thành cách mạng Cao Hồng Lĩnh, Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến, Nguyễn Cao Phong,... đã lên tiếng tố cáo sự tàn ác của đảng cộng sản. Lê Hiếu Tử - một cựu quân nhân, tham chiến 10 năm, 12 năm công tác tổ chức đảng, đoàn, báo chí, truyền thông - đã lên tiếng kêu gọi thống thiết các chiến binh Việt Nam đứng lên "loại trừ" chính quyền này (*).

Mọi chế độ độc tài đều thoái hóa. Nguyên nhân của độc tài là ý muốn giành, giữ quyền lực bằng mọi phương tiện và do đó đưa đến những xung đột, chia rẽ, phân hóa. Lý tưởng, nếu có, chỉ là một chiêu bài bịp bợm với mục đích thu phục những người lương thiện phục vụ cho ý đồ của họ. Nhưng với thời gian sự gian trá này chẳng còn lừa gạt được ai. Lý tưởng cộng sản đã bị thế giới kết án và vứt bỏ, các chính quyền cộng sản hầu hết đã sụp đổ. Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay, trong đại bộ phận, chỉ là một tập đoàn tham nhũng, tham quyền, thi đua nhau giành giật tài sản quốc gia, cướp đoạt của cải và bóc lột công sức của người dân. Tất cả những ai sống hay kinh doanh tại Việt Nam đều thấy rõ điều này.

Như trên đã trình bày, các điều kiện để chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ bổ túc và hỗ trợ cho nhau. Dù hai điều kiện đầu đã đạt được, chúng ta cũng phải tiếp tục củng cố và khai thác. Sự chán ghét của người dân càng nhiều, sự phẫn nộ của người dân càng cao thì chế độ cộng sản càng bị cô lập. Đảng cộng sản càng suy yếu thì đối lập dân chủ càng có cơ hội để lớn mạnh. Chúng ta phải tiếp tục tố cáo những lập luận gian trá, những vi phạm nhân quyền của chính quyền này với đồng bào trong và ngoài nước, với các chính phủ dân chủ trên thế giới và các cơ quan bảo vệ nhân quyền. Đặc biệt là chúng ta phải sử dụng mọi phương tiện truyền thông để phổ biến những bài viết, tiếng nói của những người dân chủ trong nước. Điều quan trọng là phải thành thực và chính xác, vì chỉ như vậy mới có thể làm cho người dân và thế giới tin tưởng.

Dù đảng cộng sản đã ruồng nát chúng ta vẫn tiếp tục phân hóa hàng ngũ của họ. Hai yếu tố chính đã giúp cho đảng cộng sản tiếp tục tồn tại đó là sự sợ hãi và phần tiêu cực của di sản lịch sử, văn hóa để lại. Phá bỏ được hai yếu tố này chúng ta không những loại bỏ được một chế độ độc tài mà còn xây dựng được dân chủ.

Những biến cố gần đây cho thấy đảng cộng sản vẫn

luôn luôn dùng bộ máy đàn áp thô bạo để đe dọa người dân, làm người dân sợ hãi không dám đứng lên chống lại chính quyền. Nhưng không phải chỉ có vậy, tập đoàn lãnh đạo lại sử dụng sự phẫn nộ của người dân để răn đe đảng viên, cán bộ với mục đích củng cố một hàng ngũ đã phân hoá với luận điệu: "Nếu thay đổi chế độ thì sẽ có trả thù báo oán và do đó muốn cứu mình và gia đình mình thì phải củng cố và bảo vệ đảng". Để chấm dứt độc tài đảng trị chúng ta phải phá vỡ sự sợ hãi ngay từ trong nội bộ đảng. Nếu mọi người tin rằng chuyển hóa về dân chủ không mang lại tang thương cho một ai, trái lại còn mang lại phúc lợi cho mọi người thì tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên sẽ đứng về phe dân chủ và khi đó đảng cộng sản không còn lý do để tồn tại. Lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc không những là điều kiện bắt buộc phải có để xây dựng đất nước mà còn là một giải pháp tốt nhất để cô lập bạo quyền, để phân hóa đảng cộng sản. Dù hiện nay lập trường này đã được đa số ủng hộ nhưng đảng cộng sản, vì sự sống còn, đã tìm mọi cách để xuyên tạc, đánh phá. Chúng ta cần phải tiếp tục bảo vệ và cổ súy cho lập trường này.

Điều kiện thứ ba cũng đã gần đạt được. *Đại bộ phận quần chúng, kể cả đảng viên cộng sản, đều đồng ý rằng chế độ chính trị tương lai của Việt Nam bắt buộc phải là một thể chế dân chủ đa nguyên, dành chỗ đứng ngang nhau cho mọi người và cho mỗi người; mọi người đã đồng ý rằng nền kinh tế của Việt Nam phải là kinh tế thị trường lấy tư doanh làm nền tảng, lấy cạnh tranh làm sức mạnh và lấy lợi nhuận làm chất kích thích. Hơn thế nữa chúng ta còn ý thức được rằng phải thực hiện cuộc cách mạng dân chủ này bằng đường lối bất bạo động, trong tinh thần hòa giải dân tộc (Thành Công Thế Kỷ 21, tr. 85).*

Ngoài ra, chúng ta cũng đã có được một dự án chính trị - *Thành Công Thế Kỷ 21* - được thành hình do sự đóng góp của nhiều người dân chủ trong và ngoài nước. Dự án này đã được bổ túc, cập nhật nhiều lần và cũng đã được thử thách trong 20 năm qua. Cho đến nay những người biết đến nó đều công nhận đó là một dự án có giá trị. Trong mọi đấu tranh chính trị đều cần có một dự án. Dự án chính trị giúp cho mọi người thấy rõ được bối cảnh của quốc gia và thế giới, thấy rõ được những nhu cầu của đất nước, những mục tiêu quốc gia và đường lối đấu tranh. Thành công hay thất bại của cuộc cách mạng dân chủ tùy thuộc rất nhiều vào dự án chính trị. Một dự án chính trị tồi dở, đưa ra những nhận định sai lầm về mục tiêu hay đường lối thì khó có thể đưa cuộc cách mạng đến thành công. Trái lại, một dự án có giá trị sẽ vận động được đại khối dân tộc, thống nhất được những hành động đấu tranh và là nền tảng của một kết hợp có tầm vóc.

Một trở ngại lớn cho cuộc đấu tranh hôm nay là ít người Việt Nam quan tâm và coi trọng dự án chính trị. Không thiếu những tổ chức đấu tranh không cần có một dự án hay chỉ có một dự án rất sơ sài. Một dự án chính trị đúng nghĩa phải là kết quả trí tuệ của những con người tự do ưu tư về tương lai của đất nước. Không có dự án, chúng ta thường giải quyết những vấn đề lớn của quốc gia theo ý muốn của người lãnh đạo hay của giai cấp cầm quyền và lâu ngày

trở thành một tập quán. Để điều kiện thứ ba được thực hiện chúng ta cần phải phá bỏ tập quán này, phải coi dự án chính trị là trọng tâm của công cuộc đấu tranh và phải tích cực phổ biến một dự án mà chúng ta đánh giá cao đến với mọi người. Để chấm dứt bạo quyền và xây dựng dân chủ chúng ta cần đạt tới một đồng thuận trên một dự án chính trị.

Điều kiện thứ tư là *có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm tụ cho những khác vọng đổi mới. Đây là điều kiện sau cùng và do đó cũng là điều kiện quan trọng nhất. Dự án chính trị là trọng tâm của cuộc tranh đấu, nhưng nếu chỉ ngừng tại đó thì cuộc đấu tranh này không bao giờ thành công.*

Thực trạng của đất nước và những diễn biến gần đây cho chúng ta thấy những điều kiện để hình thành một lực lượng dân chủ đã hội đủ : 1/Người dân đã chán ghét và mong muốn thay đổi chế độ hiện tại. 2/Đảng cộng sản hiện nay đã thoái hóa và chỉ là một tập đoàn tham nhũng, đang xâu xé lẫn nhau vì quyền và vì lợi. Không có một chỗ đứng nào dành cho những người lương thiện, yêu nước trong đảng cộng sản cả. 3/Đại đa số quần chúng đã đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới. Một đồng thuận trên một dự án chính trị đang thành hình. 4/Và quan trọng hơn, chúng ta đang có những biểu tượng dân chủ. Những Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Đan Quế, Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương, Trần Khuê... Một đối lập dân chủ đã xuất hiện ngay tại trong nước đó là Nhóm dân chủ, gồm những người được các nhà trí thức, các lão thành cách mạng, các quân nhân, cựu chiến binh ủng hộ và được thế giới biết đến.

Nhưng mặt khác, chúng ta cũng phải thành thật nhìn nhận rằng cho tới nay, trong gần 30 năm, trước một chế độ độc tài bạo ngược, đã ruồng nát, bị toàn dân chán ghét và thế giới kết án nhưng đối lập dân chủ vẫn chưa xây dựng được một tập hợp chính trị có tầm vóc. Tại sao ?

Có một nguyên nhân gần là vì chúng ta gặp phải một liên minh gắn bó giữa, một bên, là chính sách đàn áp thô bạo của một đảng cầm quyền cực kỳ lì lợm và, bên khác, là sự thụ động của một dân tộc đã rã hàng sau quá nhiều thất vọng và thương tổn. Nhưng cũng có một nguyên nhân sâu xa hơn, và quan trọng hơn, đó là phần tiêu cực của di sản lịch sử, văn hóa để lại.

Để chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ đa nguyên, chúng ta một mặt cần phải tiếp tục xây dựng và củng cố ba điều kiện đầu, như đã trình bày ở trên, và mặt khác chúng ta bình tĩnh phân tích một cách khách quan và thẳng thắn tất cả những nguyên nhân đã cản trở việc thành hình một lực lượng chính trị dân chủ lớn mạnh. Một khi đã thấy rõ những nguyên nhân chúng ta sẽ tìm ra những giải pháp thích ứng.

Võ Xuân Minh (Paris)

(*) Lê Hiếu Tử, "Tự do hay chờ chết mòn trong đói khát và sợ sệt" , *Thông Luận* tháng 7&8-2003.

Xuất khẩu lao động :

Giải quyết nạn thất nghiệp hay buôn bán nô lệ ?

Nguyễn Văn Huy

Xuất khẩu lao động hiện nay là một chính sách lớn của đảng và nhà nước Việt Nam. Từ tháng 9 đến cuối năm 2000, Việt Nam đã xuất khẩu được 46.468 lao động ra nước ngoài. Năm 2001, số lao động xuất khẩu giảm xuống còn 36.168 người ; năm 2002 tăng lên 46.122 người và đến cuối năm 2003 thì đạt con số kỷ lục 75.000 người, vượt chỉ tiêu kế hoạch 134% (dự trù là 60.000 người).

Hồ hởi trước thành quả này, chính quyền cộng sản giữ nguyên chỉ tiêu xuất khẩu lao động ra nước ngoài trong năm 2004 : 60.000 người nhưng trong thực tế có thể sẽ lên tới 100.000 người. Hà Nội cũng đang hoàn tất kế hoạch tuyển mộ và đào tạo hơn 150.000 người, dự trù sẽ đưa sang nước ngoài lao động trong năm 2005.

Thấy gì qua hiện tượng này ?

Một nguồn lợi mới cho đảng và nhà nước ?

Một sự kiện bất hạnh cho Việt Nam là kể từ 1999 đến nay không một tập đoàn tư bản lớn nước ngoài nào muốn vào đầu tư nữa. Lý do đưa ra là hệ thống hạ tầng cơ sở của Việt Nam chưa phát triển, trình độ kỹ thuật và tay nghề của công nhân Việt Nam còn quá kém, luật pháp không rõ ràng và được giải thích hay áp dụng một cách tùy tiện. Thêm vào đó là tệ quan liêu bần giấy làm mất thì giờ và gây phiền phức cho những nhà đầu tư, nạn tham nhũng hoành hành mạnh ở khắp mọi nơi và trong mọi cấp...

Vì các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đều thất bại, để cứu vãn tình thế, chính quyền cộng sản đã vận dụng mọi sáng kiến để "phát huy nội lực", kêu gọi người trong nước xuất vốn đầu tư. Hà Nội cũng mời mọc cộng đồng người Việt hải ngoại về nước đầu tư. Nhưng kết quả đã không như mong muốn. Ở thành thị, người có tiền trong nước chỉ thành lập những công ty nhỏ có tính gia đình và tập trung vào dịch vụ ăn uống và giải trí. Thành phần Việt kiều về nước cũng chỉ thành lập những công ty nhỏ và đầu tư chủ yếu vào một số ngành như tin học, truyền thông và áo quần thời trang. Nạn thất nghiệp trong nước chính vì thế đã không những không suy giảm mà còn có phần tăng lên, mỗi năm có khoảng một triệu học sinh tốt nghiệp cấp 3 gia nhập thị trường lao động.

Nhận thấy sự yếu kém của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc điều hành quốc gia, thay vì bỏ vốn vào Việt Nam đầu tư để sử dụng trực tiếp nguồn nhân công rẻ tiền, những tập đoàn tư bản lớn trong vùng chủ trương tuyển dụng nhân công Việt Nam đưa sang làm việc tại những quốc gia mà họ đã có cơ sở. Sự kiện này đáng lẽ phải là một bất hạnh cho đất nước nhưng đối với đảng cộng sản, đó là một cái may vì vừa giúp giải quyết được nạn thất nghiệp vừa có thêm lợi tức. Chưa bao giờ người ta thấy toàn bộ các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước hăng say tình nguyện làm trung gian tuyển mộ và xuất khẩu lao động

Việt Nam sang nước ngoài để ăn hoa hồng và bòn rút tiền của những thành phần nghèo khổ nông thôn.

Đúng, xuất khẩu lao động là một nguồn lợi mới cho những người sinh sống trong guồng máy của chế độ !

Cũng nên biết trung bình mỗi đầu người xuất khẩu, nhà nước thu vào 2.000 USD/năm. Năm 2002 chính quyền cộng sản đã thu được 1,3 tỷ USD do xuất khẩu lao động mang lại, năm 2003 số tiền đó tăng lên gần 2 tỷ. Đó là chưa kể những số tiền dành dụm mà những lao động xuất khẩu này gửi về cho thân nhân trong nước : năm 2002 số tiền đã gửi về 1,5 tỷ, năm 2003 tăng lên 3,5 tỷ USD. Đây là những nguồn ngoại tệ độc lập với số tiền do Việt kiều từ các quốc gia phương Tây và Đông Âu gửi về hàng năm.

Về mặt chính quyền, cơ quan chịu trách nhiệm xuất khẩu lao động là Bộ lao động, thương binh và xã hội. Bộ này đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của một phó thủ tướng, được thành lập riêng để chuyên lo dịch vụ xuất khẩu lao động. Cơ quan quản lý lao động xuất khẩu là "Cục quản lý lao động với nước ngoài", trực thuộc bộ lao động, thương binh và xã hội. Cục này có toàn quyền đối với các cơ quan và doanh nghiệp có liên hệ gần xa với người lao động xuất khẩu, kể cả các tòa đại sứ nơi có người lao động xuất khẩu làm việc.

Nghiep vụ xuất khẩu lao động của quân đội cũng rất quan trọng nhưng không nằm trong đường dây này, nó trực thuộc quân ủy trung ương đảng và bộ quốc phòng.

Khi nghị định số 152-/999/NĐ-CP, ban hành ngày 20-9-1999, chính thức cho phép xuất khẩu lao động ra nước ngoài, các ban ngành trực thuộc các bộ, các cấp chính quyền địa phương, các hội đoàn thanh niên và phụ nữ thi nhau thành lập doanh nghiệp, công ty xuất khẩu lao động để kiếm lời, không phải với đối tác nước ngoài mà là trên đầu những người bị đưa đi lao động xuất khẩu.

Từ sau ngày đó, chưa bao giờ tại Việt Nam xảy ra một phong trào qui mô sản lòng người thất nghiệp để đưa đi xuất khẩu lao động như hiện nay. Toàn bộ hệ thống tuyên truyền và tài chánh của chính quyền được huy động để vận động báo chí và các cơ quan tín dụng khuyến khích dân chúng Việt Nam vay tiền để làm thủ tục đi lao động nước ngoài. Công đoàn nhà nước trên nguyên tắc là cơ quan bảo vệ quyền lợi của người lao động cũng đang vận động xin thành lập công ty xuất khẩu lao động để kiếm lời. Cho đến nay trên toàn quốc đã có 154 doanh nghiệp nhà nước chuyên làm dịch vụ xuất khẩu lao động trên khắp 45 tỉnh và thành phố lớn. Sự cạnh tranh giữa các công ty này với nhau, để lấy lòng đối tác nước ngoài và người lao động trong nước, rất là hung bạo : gian lận, tố cáo, hứa hẹn ầu, cướp hồ sơ, nói xấu, mua chuộc xảy ra hàng ngày. Báo chí trong nước đã phanh phui nhiều vụ lừa đảo và thanh toán lẫn nhau bởi những người làm việc trong các công ty dịch vụ này, rất là tàn nhẫn.

Một vài thí dụ. Ngày 7-4-2001, các báo *Công An Nhân Dân* và *Thanh Niên* cho biết đã bắt giữ chánh và phó phòng tuyển dụng lao động xuất khẩu của CIEPICO (công ty đầu tư xuất khẩu trung ương) Nguyễn Văn Tự (33 tuổi) và Đàm Văn Mạnh (24 tuổi), về tội chiếm đoạt 800.000 USD của 580 người "có nhu cầu đi lao động ở nước ngoài" trong thời gian từ tháng 10-2000 đến 3-2-2001. Những vụ đưa người ra nước ngoài giả dạng khách du lịch, hoặc du học sinh để ở lại lao động chui bị đổ bể không biết bao nhiêu mà kể.

Một lối thoát mới cho người thất nghiệp ?

Tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam hiện nay đang làm việc ở nước ngoài khoảng 340.000 người, trong đó hơn 200.000 người được đưa đi theo diện xuất khẩu lao động, đa số là thành phần thanh niên nam nữ tuổi từ 18 đến 35, bộ đội xuất ngũ.

Từ tháng 9-1999 đến nay, đã có gần 100.000 người được đưa đi làm việc tại Mã Lai, khoảng 50.000 người tại Đài Loan, trên 20.000 người tại Nam Hàn, trên 10.000 tại Libya, khoảng 9.000 người tại Nhật và Lào.

Quân đội cũng đã cho "thuê dài hạn" trên 16.000 sĩ quan và thuyền viên cho các chủ tàu buôn, tàu dầu và tàu đánh cá đăng ký tại Nhật Bản, Nam Hàn, Na Uy, Hy Lạp, Đài Loan... và cũng đã gởi khoảng một ngàn "chuyên viên nông nghiệp" bảo vệ một số chính quyền độc tài tại châu Phi như Congo Brazaville.

Theo những số liệu đăng trên các báo trong nước, trong những năm sắp tới Mã Lai có khả năng tiếp nhận 200.000 người, Đài Loan 70.000 người, Nam Hàn 50.000 người, các quốc gia Trung Đông 20.000 người, Nhật 15.000 người, các quốc gia châu Phi da đen 10.000 người... Do đó trong những ngày sắp tới, Hà Nội dự trù sẽ tăng lên gấp nhiều lần nguồn lao động xuất khẩu. Nhiều thị trường lao động lớn khác đã và đang được khảo sát như Liên Bang Nga, Cộng Hòa Czech, các quốc gia Trung Đông, các nước châu Phi da đen...

Về trình độ kỹ thuật, chỉ Nhật, Nam Hàn và Đài Loan đòi hỏi người lao động phải có tay nghề cao, những quốc gia nhập khẩu lao động còn lại chấp nhận trình độ lao động giản đơn và tay chân. Cũng nên biết hiện nay chỉ 1/3 (35,5%) lao động xuất khẩu có tay nghề (bậc thợ hạng 2 và hạng 3), Hà Nội dự trù sẽ nâng trình độ kỹ thuật của người lao động xuất khẩu lên 45% vào năm 2005.

Về lợi tức, lương gộp trung bình của một người lao động tại Mã Lai là 216 USD/tháng, sau khi trừ hết mọi chi phí còn lại 130 USD (khoảng 2 triệu VND), nếu trừ đi các chi phí ăn uống, nhà ở họ chỉ còn từ 80 đến 90 USD. Cũng nên biết, các công ty nước ngoài thuê mượn lao động xuất khẩu Việt Nam phải trích 40% tiền lương gộp để nộp cho nhà nước Việt Nam (30%) và công ty môi giới (10%). Lương gộp của một lao động xuất khẩu tại Nam Hàn từ 500 đến 600 USD/tháng (sau khi trừ mọi chi phí còn lại khoảng từ 300 đến 350 USD/tháng). Tại Anh, Pháp, Đức và Hoa Kỳ mức lương này sẽ từ 1.500 đến 2.000 USD/tháng, nhưng chưa ai được trúng tuyển.

Nói chung, đối với thành phần thất nghiệp khu vực nông thôn, được đưa đi lao động xuất khẩu là một lối thoát khỏi cảnh nghèo đói. Nơi nào trả lương trên một triệu đồng Việt Nam, từ 80 đến 90 USD/tháng, là họ sẵn sàng vay tiền đăng ký ra đi. Thống kê hiện nay cho thấy 80% lao động xuất khẩu xuất phát từ những vùng nông thôn miền Bắc, đa số là tại các tỉnh Phú Thọ, Hải Dương, Hưng Yên, Hòa Bình, Hải Phòng, Thái Bình, Hà Nội...

Thành phần thất nghiệp thành thị, 6% dân số, khoảng 5 triệu người hiện còn rất dè dặt trước những khuyến dụ làm việc tại nước ngoài, nhất là tại miền Nam. Chính quyền cộng sản đang lập kế hoạch xuất khẩu mỗi năm 200.000 người thất nghiệp khu vực Sài Gòn và 100.000 người thất nghiệp khác tại 12 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ra nước ngoài trong thời gian sắp tới. Thật ra số người thất nghiệp thành thị cũng đã sẵn sàng ra nước ngoài làm việc, nhưng chỉ chịu đi làm tại quốc gia nào trả lương cao, từ 500 USD trở lên, như Nam Hàn, Nhật Bản và Đài Loan.

Một hình thức buôn bán nô lệ ?

Sử dụng cụm từ "buôn bán nô lệ" vào đầu thế kỷ 21 này là một xúc phạm lớn đối với người có liên hệ và quốc gia chủ xướng, nhưng tại Việt Nam, với những điều kiện xuất khẩu người lao động như hiện nay, đó là một hình thức buôn bán nô lệ.

Thứ nhất, sự bóc lột những người lao động xuất khẩu rất là dã man, từ khâu làm thủ tục đến khi được đưa đi làm việc tại nước ngoài. Mỗi tháng, 40% lợi tức do họ làm ra phải nộp cho nhà nước và công ty dịch vụ môi giới. Khi làm thủ tục, mỗi người phải đóng ít nhất 8 loại lệ phí : phí đặt cọc (tối đa là một lượt vé máy bay và ba tháng lương theo hợp đồng), phí dịch vụ xuất khẩu lao động (350 USD cho lao động nhà máy, 400 USD cho lao động xây dựng...), phí học ngoại ngữ, phí đào tạo và giáo dục định hướng, chi phí khám sức khỏe, chi phí làm hồ sơ, thủ tục xuất nhập cảnh đi làm việc ở nước ngoài. Trung bình người lao động xuất khẩu phải chi từ 1.500 USD đến 4.000 USD, tức từ 20 đến 50 triệu VND trở lên, để lập hồ sơ, giá cả tùy theo quốc gia muốn vào làm việc. Những người không đủ điều kiện để được chính thức đi lao động nước ngoài phải chi nhiều hơn (có khi lên tới 10.000 USD) để được đưa đi qua những đường dây khác như du lịch, du học, đám cưới giả, hội tụ gia đình. Chưa hết, tại nhiều nơi, các chính quyền địa phương còn khuyến khích người nghèo thất nghiệp vay ngân hàng để đóng cho các công ty dịch vụ làm thủ tục xuất khẩu. Trung bình một người nghèo đi lao động xuất khẩu phải làm việc ít nhất 2 năm mới trả được hết nợ vay lúc ban đầu, năm thứ ba mới có lợi nhưng hợp đồng lại hết hạn.

Thứ hai, điều kiện làm việc rất là khắt khe và nhân phẩm người lao động bị chà đạp. Trong hội nghị tổng kết công tác xuất khẩu lao động tổ chức tại Hà Nội ngày 18-12-2003, đại sứ Việt Nam tại Mã Lai Nguyễn Quốc Dũng cho biết : "*Năm 2002 có 5 trường hợp chết tại chỗ do bệnh tim mạch, năm 2003 con số này lên đến 85 trường hợp*". Ngày 4-9-2002, Cục quản lý lao động với nước ngoài cho

biết "60% số lao động từ Mã Lai về nước vì lý do sức khỏe". Cũng nên biết, vì không có tay nghề và thiếu kiến thức kỹ thuật, những người lao động xuất khẩu khỏe mạnh (tuổi từ 18 đến 35) thường đảm nhiệm những công việc mà người bản xứ không muốn làm. Nam Hàn chỉ tuyển dụng nhân công Việt Nam vào làm việc trong những ngành công nghiệp độc hại mà người bản xứ không dám làm, gọi là 3 D (dangerous, difficult, dirty-nguy hiểm, khó nhọc, bẩn thỉu). Phụ nữ Việt Nam thường được mướn để làm những nghề phục dịch, được gọi một cách văn minh bằng tiếng Nga là "ôsin" (thật ra đó là nghề "ở đợ"), trong các gia đình giàu có. Cực khổ và nhục nhã nhất là nghề phu tàu đánh cá : *"Phải làm việc quần quật từ 24 đến 36 giờ liên tục và chỉ được nghỉ từ 4 đến 5 giờ, nếu làm liên tục 48 giờ thì được nghỉ 6 giờ ; nặng nhọc nhất là làm việc từ 13 đến 16 giờ ở hầm đá (nhiệt độ -60 độ C), có người bị sặc máu mũi, máu họng ngay tại hầm đá ; các cai tàu và phó cai dữ dằn như gấu, lúc nào cũng lăm lăm gậy gỗ hoặc gậy sắt sẵn sàng đánh vào những ai không tuân lệnh chúng"* (Lao Động ngày 11-7-2001).

Thứ ba, tình trạng xuất khẩu lao động tại Việt Nam hiện nay giống tại lục địa châu Phi da đen trong những thế kỷ 18 và 19. Việc truy lùng, phân loại và tồn trữ nguồn lao động do chính người bản địa thực hiện, sau đó mới giao cho khách hàng. Trả lời ký giả Xuân Quang, báo *Lao Động* ngày 11-10-2002, phó cục trưởng Cục quản lý lao động với nước ngoài, Đào Công Hải, hãnh diện cho biết : *"Phía Hàn Quốc có yêu cầu tuyển 10.000 người để chọn ra chỉ 1.000 người. Sau lần tuyển đó, chúng tôi đã kiến nghị và phía bạn đã thấy được vấn đề, rằng cách tuyển 10 lấy 1 không phù hợp với điều kiện của chúng ta. Phía bạn hiện đã đồng ý cách thức tuyển chọn 3 lấy 1 mà thôi, đồng thời bạn cũng giao quyền chủ động tuyển chọn, đào tạo cho 8 doanh nghiệp Việt Nam mà bạn đã chỉ định"*. Phía Nhật Bản còn khó hơn, 30 lấy 1.

Thứ tư, hình phạt dành cho những người vi phạm kỷ luật rất là tàn nhẫn. Do điều kiện làm việc khắc nghiệt và đồng lương thấp, số lao động xuất khẩu bỏ nhà máy trốn ra ngoài làm việc rất là phổ biến : gần 60% tại Nam Hàn, 27% tại Nhật, 7% tại Đài Loan. Lý do rất giản dị là nếu được ra ngoài làm việc thì lợi tức của họ sẽ cao hơn vì không phải nộp tiền cho những "cai thầu". Để ngăn chặn tình trạng lao động bỏ trốn này, Cục quản lý lao động với nước ngoài yêu cầu những công ty chủ quản người lao động làm áp lực với gia đình người bỏ trốn, kêu gọi người đó về nước để bị kỷ luật. Bản án dành cho người bỏ trốn thường rất nặng : ngoài việc phải bồi hoàn mọi chi phí khác, người vi phạm bị phạt tiền ít nhất bằng 2 năm lương gộp và án tù nếu nghiêm trọng. Có khi người lao động xuất khẩu bỏ trốn ra ngoài làm việc bị tịch thu nhà đất nếu đã đóng tiền thế chân bằng giấy tờ nhà, đất. Ngoài điều khoản ghi trong hợp đồng buộc thân nhân đền tiền thay khi người lao động xuất khẩu bỏ trốn, công ty TCL-Transico còn tuyên bố sẽ thưởng từ 1 đến 3.000 tiền Đài Loan (90 USD) cho bất cứ ai (công dân Đài Loan) bắt được một lao động (Việt Nam) thuộc quyền sở hữu của Transico bỏ trốn.

Thấy gì qua chính sách xuất khẩu lao động ?

Đây là một hình thức buôn bán nô lệ của chính quyền cộng sản Việt Nam. Trong Hội nghị tổng kết công tác xuất khẩu lao động ngày 18-12-2003 tại Hà Nội, phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm nói : *"Việt Nam có 3 triệu học sinh cấp 3, số dự thi đại học, cao đẳng dao động từ 1,1 đến 1,5 triệu, và chỉ 10% trong số đó đạt nguyện vọng. Số học sinh còn lại phải được khai thác, đào tạo các ngành công nghệ cao như tin học, y tế để đưa đi xuất khẩu lao động"*. Như vậy bắt đầu từ nay, bất cứ ai không có việc làm, tại thành thị hay nông thôn, đều "phải được khai thác" để đưa đi xuất khẩu. Trong thực tế tình trạng này đang xảy ra, việc khảo sát nguồn lao động thất nghiệp tại 12 tỉnh vùng châu thổ sông Cửu Long, các quận huyện chung quanh thành phố Sài Gòn và các tỉnh duyên hải miền Trung đã hoàn tất và đang được lập kế hoạch để đưa đi xuất khẩu.

Đối với một chính quyền có tự trọng, tổ chức xuất khẩu người lao động ra nước ngoài là một xúc phạm lớn đến thể diện quốc gia, vì nó chứng tỏ sự bất lực của chính quyền trong việc đào tạo công ăn việc làm cho người trong nước. Nhưng đối với chính quyền cộng sản Việt Nam, sự tự trọng này không có. Thay vì khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, vừa nâng cao tổng sản lượng nội địa quốc gia vừa tạo ra công ăn việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp, chính quyền cộng sản đã hành xử như những người nghiện ma túy : bán tất cả những gì có thể bán được trong nhà để lấy tiền, bất kể đó là tài sản chung của tổ tiên để lại. Các quan chức hữu quyền chỉ nghĩ có thể bỏ bao nhiêu tiền vào túi khi xúi dục dân nghèo vay tiền để làm thủ tục đi lao động xuất khẩu. Không những các cấp lãnh đạo chính quyền chấp nhận đối tác ngang hàng với những công ty nhập khẩu lao động, mà còn nhận chỉ thị từ những tập đoàn này để làm trung gian tuyển chọn nhân công.

Chính quyền cộng sản đã nhượng đất và biển cho Trung Quốc, bây giờ đang bán cả con người Việt Nam cho người nước ngoài để trục lợi. Mà có bán được giá cao nào đâu? Người lao động Việt Nam tại nước ngoài đang làm những công việc nặng nhọc và mất danh dự, với đồng lương rẻ mạt, mà người bản xứ chê. Chính quyền cộng sản đang đóng vai "cai thầu đồn điền ác ôn", bóc lột và đối xử tàn tệ với chính công dân của họ - những người nghèo khó không có công ăn việc làm trong nước. Chỉ riêng trong năm 2003, các quan chức cộng sản đã bỏ vào túi riêng ít nhất trên 150 triệu USD do dịch vụ xuất khẩu lao động mang lại (75.000 người * 2.000 USD/đầu người tiền làm thủ tục).

Lao động là nguồn tài nguyên quý báu còn lại của đất nước. Chính quyền cộng sản đã không những bán rẻ sức lao động cho người nước ngoài, để trốn tránh trách nhiệm vì không tạo ra công ăn việc làm trong nước, mà còn khai thác và bóc lột mồ hôi nước mắt của những người cùng khổ muốn được sống trong danh dự, để trục lợi riêng.

Hãy tố cáo chính sách chà đạp nhân phẩm con người này trước dư luận quốc tế.

Nguyễn Văn Huy

HUYỀN THOẠI HOÀN KIẾM

*Tết, nhìn về Việt Nam qua VTV4 thấy Hồ Gươm tôi cứ nao cả lòng.
Lại nhớ chuyện hồ mới cạn, rùa sắp tuyệt chủng càng buồn hơn.
Tôi viết bài này như khai bút, hơn là một nghiên cứu tỉ mỉ, khoa học.
Kính tặng bạn bè gần xa câu chuyện trà dư tửu hậu.*

Người Việt Nam ai cũng nhìn thấy giữa hồ Gươm bàng bạc sương mù quá khứ một câu chuyện nhiều dị bản. Tự chung là : "Thuở hàn vi, Lê Lợi nhặt được thanh kiếm cổ quý giá có khắc hai chữ triện THUẬN THIÊN. Ông mang nó bên mình suốt cuộc kháng chiến cam go giành độc lập cho dân tộc, cởi bỏ ách đô hộ giặc Minh. Ngày thái bình đến, trong một lần ngồi thuyền rồng du ngoạn giữa hồ Lục Thủy, rùa thần đã nổi lên đòi Lê Lợi trả lại gươm thiêng".

Nhìn từ nhiều góc độ dân gian, câu chuyện lung linh tầng tầng lớp lớp vẻ đẹp huyền ảo. Những người kinh viện lại diễn tả cực kỳ đa nghĩa. Trần Quốc Vượng và Vũ Tuấn Sán (*Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn Hóa Thông Tin Hà Nội, 1975, tr.39-40) tìm hiểu rất sâu xa ý nghĩa hồ Hoàn Kiếm:

"Sử Lý-Trần hầu như chẳng nói đến hồ Gươm [...].

Chuyện "Trả gươm thần", người Hà Nội nghe kể đã nhiều, song ý nghĩa câu chuyện thì chưa mấy ai đào sâu tìm hiểu. Trên đại thể, người ta cho truyền thuyết ấy kể việc Lê Lợi được gươm thần đề chữ "Thuận Thiên" từ nước : ý trời trao sứ mệnh cho người anh hùng đứng lên xướng nghĩa cứu dân, giúp nước, quét giặc ngoại xâm. Mười năm khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, người anh hùng lên làm vua, đi thuyền trên hồ, trời sai Rùa Vàng hiện lên lấy lại thanh gươm. Chủ đề bất tuyệt : "Chiến tranh và Hòa bình"...

"Thực ra đây là vang bóng của một mẫu đề thần thoại và một lễ tiết cổ xưa. Nếu về mặt chính trị-xã hội, thanh gươm là biểu tượng của quyền uy thì về mặt thần thoại-lễ thức, thanh gươm là biểu tượng của Tia chớp-Lửa. [...] Nhúng gươm xuống nước là nghi lễ biểu thị sự hòa hợp Nước-Lửa, một nghi lễ phồn thực. Lại vì gươm là tượng trưng của chớp lửa nên nghi lễ nhúng gươm xuống nước cũng là một nghi lễ chống lụt [...].

Sự tích hồ Gươm - gắn liền với một vị anh hùng lịch sử Lê Lợi - là sự diễn tả về mặt thần thoại một lễ nghi cổ xưa chung cho cả vùng Đông Nam Á : nghi lễ chống lụt và cầu mong sự hài hòa của non nước ...".

Trước thời Lê, hồ gươm vốn là một khu đầm lầy rộng và không sâu lắm, có cửa thông ra sông Hồng. Có lẽ Lê Lợi đã cho nạo vét, đắp đập, biến đầm lầy thành một cái hồ rồi bắt rùa từ Lam Kinh, Thanh Hóa về thả.

Ngược dòng lịch sử ta thấy : năm 1400, Hồ Quý Ly thoán ngôi họ Trần, đổi tên nước và tiến hành cải cách. Tuy nhiên sự nghiệp của ông không thành. Một mặt quý tộc Trần nổi lên khắp nơi, cầu viện nhà Minh phục quốc. Lê nữa là dân Việt mông muội, cứ khư khư thờ vua cũ, không coi họ Hồ ra gì. Năm 1407, nhà Minh triệt được họ Hồ, sát nhập An Nam vào đế quốc Trung Hoa. Năm 1418 Lê Lợi khởi nghiệp. Trong quá trình kháng chiến chống

Minh giành lại độc lập ông đã áp dụng nhiều chính sách quân sự, chính trị rất khôn khéo trên cơ sở biết người biết ta. Việc cầu phong cho Trần Cao làm An Nam quốc vương, gửi cống vật và dần hòa với Minh để là kế sách nhất thời quan trọng.

Vậy là sau 10 năm đăng đắng nằm gai nếm mật, Lê Lợi lại ở vào vị thế giống Hồ Quý Ly trước đây. Phải chăng vì vậy mà truyền thuyết "Hoàn kiếm" được thêm dặt ?

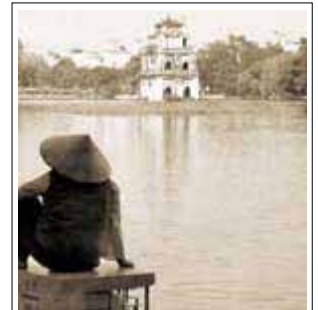
Nếu các nghiên cứu về rùa đã dẫn hoàn toàn đúng, rõ ràng Lê Lợi đã ra lệnh hoặc ủng hộ việc ngăn hồ, thả rùa. Do đó không có lý do gì để nghi ngờ Lê Lợi cũng can dự vào cuộc xây dựng màn kịch trả gươm.

Cho dù huyền thoại "hoàn kiếm" ra đời trên bất cứ nền tảng văn hóa nào, mục đích duy nhất và cuối cùng của nó vẫn là hợp thức hóa, chính thống hóa sự ra đời của Lê triều. Hình ảnh rùa thần mang tính chất siêu nhiên, nó là bản sao của "Thăng long" thời Lý Công Uẩn, và xa lạ với khái niệm "thiên tử - con trời" trong triết lý Khổng giáo. Điều này chứng tỏ xã hội Việt Nam khi đó vẫn còn hơi hóm thần quyền lạc hậu. Để lấy lòng dân, Lê Lợi phải làm cho họ tin tưởng rằng mình có sự hậu thuẫn của các lực lượng siêu nhiên.

Nếu nhìn nhận lịch sử là sự vận động đa chiều của xã hội, thời điểm ra đời của huyền thoại Hồ gươm chính là bước ngoặt đáng lưu ý. Từ đó về sau, những truyền thuyết hoang đường như vậy vẫn còn xảy ra nhưng ở mức độ cường điệu khá thấp, và tác dụng ngày càng hạn hẹp. Nó chỉ ra chiều hướng thượng của dân trí.

Nói chung chuyện rùa đòi kiếm thực sự nằm trong dòng chảy những chiêu thức mị dân hoang đường đầy rẫy trong cổ sử Á đông. Trước Lê Lợi đến 1.600 năm Hán Cao tổ Lưu Bang đã chém rắn trắng, con của Bạch Đê. Vậy mà cuối thế kỷ 20, không ít người Việt vẫn còn hết sức tâm đắc dẫn câu sấm : "Bò đái thất thanh, Nam đàn sinh thánh".

Việc tuyên truyền của bất cứ chế độ nào cũng rất quan trọng. Tuy nhiên cái cách hạ thấp dân trí, thực hành thô thiển những công thức cổ xưa, sáo mòn của nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay không khác gì một âm mưu ngu dân.



**Hồ Hoàn Kiếm
Hà Nội**

Trương Lương Trung

Hồng Kông mừng 3 tết Giáp Thân 2004

Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ

Một công trình lịch sử - văn hóa lớn giữa thế kỷ 19

Lê Văn Hảo

Mới đây đã được giới thiệu một công trình địa lý học lịch sử lớn của Quốc Sử Quán triều Nguyễn ra đời cuối thế kỷ 19 : *Đồng Khánh địa dư chí* (1). Nay một công trình lịch sử - văn hóa, được xếp vào loại đồ sộ bậc nhất của triều Nguyễn vào giữa thế kỷ 19, cũng cần được giới thiệu : *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*.

Có thể xem đây là hai nét son rực rỡ của văn hóa và khoa học nhân văn thời đại quân chủ đã qua. Minh Mạng, một trong những vị vua có văn hóa (cultivé) của thời đại, trị vì từ 1820 đến 1840, đã thành lập hai cơ quan văn hóa lớn : Quốc Sử Quán và Nội Các.

Quốc Sử Quán và Nội Các

Quốc Sử Quán đã để lại ngót một trăm công trình sử học, địa lý học, văn hóa, mỹ học... như *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*, *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, *Minh Mạng chính yếu*, *Minh Mạng tấu nghị*, *Minh Mạng ngự chế văn*, *Tự Đức ngự chế thi*, *Ngự đề Danh thắng đồ hội thi tập*, *Ngự đề Thần kinh nhị thập đồ hội thi tập*, *Ngự đề Nhân vật đồ hội thi tập*, *Ngự đề Cổ tích đồ hội thi tập*, v.v... (2).

Bên cạnh Quốc Sử Quán, triều Nguyễn có một cơ quan nửa chính trị, nửa văn hóa : Nội Các. Định chế này vừa chuyên giữ công việc ấn chương, giấy tờ, sổ sách các cơ quan của triều đình, vừa có nhiệm vụ ghi chép lời nói, việc làm của các vua, công tác của các bộ, viện, ty, phủ, các điển chế của triều đình đã đem thi hành. Với chức năng ấy, Nội Các đã soạn thảo một khối lượng công văn khổng lồ được các vua xem xét ("ngự lãm") và phê duyệt bằng mực son ("châu phê" hay "châu bút"). Đó là bộ "*Châu bản*" gồm 3.200 tập về các triều vua, từ Gia Long đến Bảo Đại, mỗi tập khoảng 600 trang giấy lệnh hội. Có thể xem đó là bộ *Công báo* (Journal officiel) của triều Nguyễn (1802-1945) mà đến năm 1955, sau nhiều cơn binh lửa, chỉ còn sót lại 611 tập (3) !

Trong số những bộ sách do Nội Các soạn thảo và xuất bản, công trình có giá trị nhất là *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* (từ nay gọi tắt là *Hội điển*).

Trong lịch sử các chế độ quân chủ ở Đông Á (Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên), mỗi triều đại đều tổ chức biên soạn hội

điển (còn gọi là đại điển, chính điển) của triều đại mình. Ở Trung Quốc các triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đều có hội điển, bộ sách ghi lại các công văn và các sự kiện lớn của triều đại. Giáo sư Trần Văn Khê, khi tham khảo *Đại Thanh hội điển sự lệ* đã phát hiện những ghi chép chi tiết về 9 loại nhạc nước ngoài có mặt tại triều đình nhà Thanh cuối thế kỷ 18, trong đó có đoàn *An Nam quốc nhạc* do vua Quang Trung gửi sang cùng với sứ bộ Đại Việt (4).

Hội điển

Các thời Trần, Lê, Nguyễn đều biên soạn hội điển, đó là bộ mặt văn hóa, tinh thần của mỗi thời đại.

Thời Trần có *Hoàng triều đại điển*, thời Lê trung hưng có *Quốc triều hội điển* (còn gọi là *Lê triều hội điển*), thời Lê mạt có *Quốc triều chính điển lục*. Nhưng *Hội điển* triều Nguyễn đã vượt xa các hội điển, đại điển hay chính điển các triều đại trước. Nếu được dịch thuật (từ chữ Hán) và xuất bản đầy đủ, đó sẽ là một bộ sách dày hơn một vạn trang.

Hội điển ghi chép khá đầy đủ các công văn (chiếu chỉ, tấu sớ, phiến dụ) của triều đình về các việc đã đem ra thi hành thuộc tất cả các bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công), các phủ (Tôn nhân, Nội vụ), các viện (Cơ mật, Tập hiền, Hàn lâm, Thái y), các ty (hơn mười mấy ty), các tự (Đại lý, Thái thường, Quang lộc), các giám (Khâm thiên, Quốc tử), các Các (Nội Các, Đông Các...).

Hội điển ghi chép lại các công văn và các sự kiện chính, các sinh hoạt lớn từ Gia Long năm thứ nhất (1802) đến Duy Tân năm thứ 8 (1914) trong

ba phần :

- Phần thứ nhất, có thể gọi là phần chính biên, là *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ*, ghi chép từ 1802 đến 1851 (Tự Đức năm thứ 4), một quyển thủ và 262 quyển, mỗi quyển trên dưới 30 tờ in trên giấy lệnh hội khổ 30x20cm, tổng cộng hơn 8.000 tờ.

- Phần thứ hai là *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên*, ghi chép từ 1852 đến 1889 (Thành Thái năm thứ nhất), 61 quyển, khoảng 2.000 tờ.

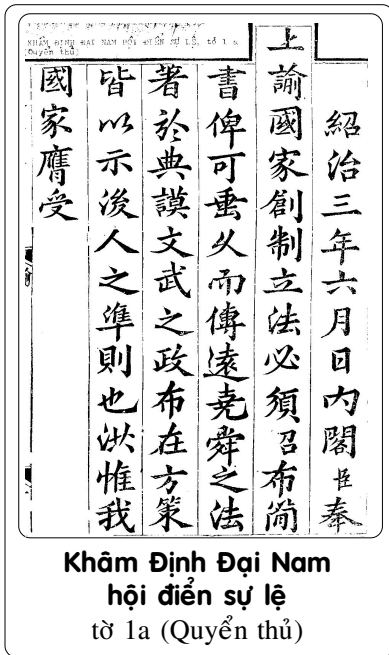
- Phần thứ ba là *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên hậu thứ*, ghi chép từ 1890 đến 1914 (Duy Tân năm thứ 8), 28 quyển, khoảng 850 tờ (tất cả được viết bằng chữ Hán) (5).

Như vậy bộ sách này đếm được hơn một vạn tờ và được biên soạn công phu liên tục trong hơn 70 năm kể từ chỉ dụ đầu tiên của Thiệu Trị (1843) đến những trang bản thảo



Trang bìa bộ
Khâm Định
Đại Nam
hội điển
sự lệ





cuối cùng (1914). Hơn mười bản in và bản chép tay hay sao chụp hiện đang được tàng trữ tại Việt Nam, Pháp, Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Phải đợi gần một thế kỷ rưỡi mới có được bản dịch một công trình văn hóa - lịch sử lớn, vì nguyên văn *Hội điển* là chữ Hán nên việc sử dụng, khai thác nó đã rất hạn chế. Trong những năm 1965-1968, *Hội điển* đã được trích dịch và xuất bản một phần nhỏ tại Sài Gòn (6).

Mãi đến năm 1993

bản dịch toàn bộ *phần chính biên* do các bậc túc nho và chuyên gia Viện Sử Học, Viện Hán Nôm Việt Nam thực hiện mới được nhà xuất bản Thuận Hóa ở Huế công bố dưới nhan đề *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* (15 tập) (7).

Phần tục biên (61 quyển), gồm một bản in, một bản chép tay (4.700 trang) đã được dịch và chưa xuất bản, hiện tàng trữ tại Viện Sử Học, Viện Hán Nôm (Hà Nội).

Phần tục biên hậu thứ (28 quyển), một bản in (1917) hiện tàng trữ tại Thư Viện Học Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (BEFEO) tại Paris, đang chờ được dịch và xuất bản.

Lần đầu tiên *Hội điển* được in và đến tay người đọc ở Quốc Sử Quán, ở Lục Bộ và ở các tỉnh là vào năm 1868. phần chính biên đã được in lại năm 1886. Lần cuối cùng *Hội điển* được in là vào những năm 1917, 1921.

Tầm quan trọng của Hội điển

Tại sao một bộ sách chữ Hán như Hội điển triều Nguyễn được biên soạn trong hơn 70 năm trời, đã được in đi chép lại nhiều lần ?

Tại sao *Hội điển*, được dịch thuật và xuất bản muộn màng, vẫn không được quảng bá rộng rãi trong giới Việt Nam học, Đông Phương học ?

Mặc dù đã được không ít nhà nghiên cứu, nhà bác học như Trần Văn Giáp, Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Khê, Trần Nghĩa và François Gros, Philippe Langlet và các chuyên gia của Đông Dương Văn Khố (Nhật Bản), của Viện Sử Học, Viện Hán Nôm (Việt Nam) đề cao, hình như *Hội điển* vẫn chưa được đánh giá đúng mức là một công trình lịch sử - văn hóa có một không hai trong di sản tinh thần của ông cha ta.

Chúng ta đã có những bộ sách lớn từng được xem như những bách khoa thư về sử học, y dược học, văn hóa học như *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn, *Y tông tâm lĩnh* của Lê Hữu Trác, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy

Chú thời cuối Lê đầu Nguyễn (cuối thế kỷ 18-đầu thế kỷ 19). Đến giữa thế kỷ 19, ta lại có *Hội điển* của triều Nguyễn cũng đáng được xem là một bộ bách khoa thư vô cùng hấp dẫn vì dung lượng phong phú độc đáo của nó qua hơn 8.000 trang sách.

Giá trị lớn của bộ Hội điển triều Nguyễn

Đọc "Tổng mục lục" dày 57 trang của *Hội điển* (phần chính biên) đã được dịch và xuất bản năm 1993 (tập 1), người ta cảm thấy choáng ngợp về số lượng hàng ngàn tài liệu mà những nhà khoa học nhân văn thuộc các ngành khác nhau có thể sử dụng để biên soạn các sách chuyên đề hay một cuốn lịch sử văn hóa văn minh Việt Nam.

Những nhà nghiên cứu lịch sử chính trị, pháp lý, kinh tế, quân sự... cần đọc hàng trăm quyển mà *Hội điển* đã dành cho các điển chế và hoạt động của bộ Lại (quyển 7-35), bộ Hộ (quyển 36-68), bộ Binh (quyển 137-178), bộ Hình (quyển 179-204) từ đầu thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 19.

Những nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa, nghệ thuật, tư tưởng, tôn giáo... cần tham khảo ngót 100 quyển mà *Hội điển* đã dành cho bộ Lễ (quyển 69-136) và bộ Công (quyển 205-223). Hóa ra cái gọi là bộ Lễ thời quân chủ là một liên bộ rộng lớn bao gồm các ngành văn hóa, giáo dục, đào tạo, thông tin, tuyên truyền, nghi lễ, ngoại giao, tôn giáo, tín ngưỡng. Còn bộ Công là một liên bộ xây dựng, thủy lợi, trị thủy, giao thông, vận tải, hàng hải.

Những nhà địa lý học, kinh tế học, xã hội học... sẽ rất thích thú có được hình ảnh một nhân dân cần cù lao động sáng tạo, ở một đất nước Đại Nam giàu có của thịnh thời triều Nguyễn, qua danh mục hàng chục loại thuế đánh vào các hoạt động nông công thương lâm ngư nghiệp, qua danh mục hàng trăm sản vật mà bộ Hộ thu mua của nhân dân hay các địa phương phải dâng nạp cho vua : nào là gạo thơm, quả ngon ở Thừa Thiên ; dưa và chanh ở Phú Yên, Long Tường ; chanh và lòng boong ở Quảng Nam ; dưa hấu, bột hoàng linh, thịt cừu khổng, đậu tương, rượu dàu ở Quảng Bình ; nào là cam đường ở Thanh Hóa, Hải Dương ; rượu ở Ninh Bình, Nam Định ; sa lê, tuyết lê ở Cao Bằng, Tuyên Quang... và nhiều thứ khác nữa (quyển 64-67, quyển 100).

Nguồn tài liệu văn hóa có một không hai

Qua *Hội điển* triều Nguyễn, các nhà dân tộc học, âm nhạc học, ẩm thực học, văn hóa học tha hồ nghiên cứu lễ hội cung đình, ca múa nhạc cung đình, ẩm thực cung đình.

Cách nay nửa thế kỷ các học giả Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề đã dựa vào *Hội điển* để viết *Những đại lễ và Vũ khúc của vua chúa Việt Nam*. Giáo sư Trần Văn Khê đã khai thác các quyển 69-72, 86-89, 99... của *Hội điển* và viết nên những trang sinh động về ca múa nhạc triều Nguyễn, để rồi hôm nay tổ chức Unesco long trọng công nhận âm nhạc cung đình Huế là một di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (8) : tin vui này đã đến với chúng ta ngày 7-11-2003.



Những nhà nghiên cứu văn hóa ẩm thực Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử có thể dựng lại của một nền ẩm thực cung đình thời Nguyễn nhờ các tài liệu về yến lễ, tiệc tùng, cỗ bàn... được ghi chép chi tiết (quyển 59, 97-98, 130, 135, 237-238) qua đó ta biết triều Nguyễn có một cơ quan chuyên trách ẩm thực cung đình. Đó là Quang lộc tự, và đỉnh cao của nghệ thuật ẩm thực cung đình là tiệc yến chiêu đãi các sứ đoàn. Tiệc tiếp sứ gồm ba hạng cỗ : cỗ hạng 1 là hai mâm 60 món ; cỗ hạng 2 : 7 mâm 40 món ; cỗ hạng 3 : 30 mâm 30 món. Các món ăn vừa dân gian (chọn

lộc) vừa sơn hào hải vị (yến sào, gân hươu, bào ngư, vi cá...) được bày biện trong những chén kiếu, đĩa kiếu nhỏ xinh.

Hy vọng phần còn lại của *Hội điển* sẽ được dịch thuật và xuất bản trong nay mai và toàn bộ *Hội điển* sẽ được các nhà văn hóa học thừa nhận đúng mức giá trị lớn của nó.

Xin lưu ý : tất cả những người yêu mến và còn tha thiết với văn hóa văn minh Việt Nam có thể đọc bản dịch tiếng Việt của bộ *Hội điển* triều Nguyễn (phần chính biên) này tại Thư viện Học Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (Bibliothèque de l'Ecole Française d'Extrême Orient-BEFO), số 22 avenue du Président Wilson, 75016 Paris, ký hiệu VIET-HIST.791 (1-15).

Lê Văn Hảo (Paris)

Chú thích và tham khảo :

(1) Lê Văn Hảo, *Đồng Khánh địa dư chí*, công trình địa lý học lịch sử lớn cuối thế kỷ 19, *Thông Luận* số 177, tháng 1-2004.

(2) Nguyễn Xuân Hoa, *Di sản văn hóa cổ đô Huế*, trong "Phác thảo chân dung văn hóa Việt Nam", công trình tập thể, nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 395. Các tập *Ngự đề*... ấy là những tập thơ của Minh Mạng, Thiệu Trị được minh họa bằng tranh vẽ theo công thức "nhất thi nhất họa" đã được Quốc Sử Quán in vào thời Thiệu Trị. Thư viện Học Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp hiện nay đang tồn trữ bộ *Ngự đề Danh thắng đồ hội thi tập* của Minh Mạng, dày 910 trang, khổ 28cmx18cm, có đầy đủ hình vẽ đính kèm (ký hiệu MF/1/2/272).

(3) *Châu bản triều Tự Đức 1848-1883*, giáo sư Trần Nghĩa giới thiệu, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học và nhà xuất bản Văn Học, 2003, tr. 6-7.

(4) Trần Văn Khê, *La Musique Vietnamiennne Traditionnelle*, Presses Universitaires de France, Paris, 1962, tr. 36-37.

(5) Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập I, nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, 1984.

- Trần Nghĩa và François Gros (đồng chủ biên), *Di sản Hán Nôm Việt Nam, Thư mục đề yếu*, tập 1, 2, 3 (tiếng Việt và tiếng Pháp), nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.

(6) *Nhu viễn trong Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* (quyển 132-136) Bộ Quốc gia Giáo dục, Tủ sách Khảo cổ, tập I, II, Sài Gòn, 1965-1966.

- *Bang giao trong Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* (quyển 128-131), Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Tủ sách Khảo cổ, 1 tập, Sài Gòn, 1968.

(7) Nội các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ* (chủ tịch hội đồng xuất bản : Nguyễn Hồng Phong ; Ban dịch thuật, Ban hiệu đính, Ban biên tập : nhiều người), Viện Sử Học và nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1993, 15 tập, khổ 14,5x20,5 cm, khoảng 8.500 trang.

(8) Trần Văn Khê, *Nhã nhạc cung đình Huế, Di sản văn hóa của nhân loại*, tập san Doanh nhân Sài Gòn cuối tuần, số ra ngày 21-11-2003, tr. 18-19, kèm ảnh.

Trần Kiều Lại Thủy, *Âm nhạc cung đình triều Nguyễn*, giáo sư Trần Văn Khê giới thiệu, nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1997, 268 trang.

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Giá một năm báo là 35 Euros. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trường mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Giá một năm báo là 35 Euros. Xin chuyển vào trường mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Quan My Lan*. E-mail : qml@thongluan.org.

Tại Úc : Sơn Dương, 36 Clarence Street, Condell Park, NSW 2200. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (Báo Thông Luận).

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết
mục khác trên internet :

HTTP://WWW.THONGLUAN.ORG

"Trăng Ngục" những hạt ngọc kết tinh từ máu lệ

Nguyễn Minh Cần

Bạn đọc yêu thơ sắp có dịp được thưởng thức những vần thơ độc đáo của một nghệ sĩ tài ba bị đầy đoạ suốt

Sứ mệnh thơ ơi !
Trong sáng tuyệt vời !
(Phùng Cung)

bốn mươi năm trời dưới chế độ cộng sản toàn trị. Đó là tập thơ *Trăng Ngục* in trong cuốn "*Phùng Cung, Truyện và Thơ Chưa Hề Xuất Bản*" do Nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành.

Ở nước ta, còn quá ít người biết về nhà thơ Phùng Cung (1928-1997) ! May lắm là chỉ biết sơ sơ - anh đã tham gia trào lưu "Nhân Văn - Giai Phẩm" hồi giữa thập niên 50, đã cho đăng truyện ngắn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh* trên báo *Nhân Văn* số 4, tháng 10 năm 1956, sau đó bị đầu tởm bởi, rồi bị cầm tù ròng rã 12 năm, ra tù còn bị hành hạ, sách nhiễu cho đến ngày qua đời. Còn với tính cách một nhà thơ thì hầu như không ai biết !

Tập thơ *Xem Đêm* của anh, tuyển chọn những bài sáng tác vào các thời kỳ khác nhau, được xuất bản một cách thâm lặng ở trong nước cách đây không lâu, bị giới phê bình "cung đình" éo nhẹm, nên cũng ít ai được biết tới.

Vì thế lần này, tập thơ *Trăng Ngục* trong cuốn "*Phùng Cung, Truyện và Thơ Chưa Hề Xuất Bản*" chắc chắn sẽ đem lại một sự bất ngờ thú vị cho nhiều người yêu thơ. Tập *Trăng Ngục* gồm có 35 bài làm trong thời gian 12 năm bị giam cầm trong những nhà tù khét tiếng độc ác của chế độ cực quyền cộng sản Việt Nam, như Hỏa Lò, Bất Bạt, Yên Bái, Phong Quang... Có những bài được sáng tác ngay trong xà-lim biệt giam - dưới một số bài tác giả có ghi rõ những dòng chữ : "*Biệt giam Bất Bạt 61*", "*Biệt giam Yên Bái 65*", "*Biệt giam Lao Cai 71*", "*Biệt giam Bảo Thắng, Lao Cai 72*"... Chỉ có một bài làm khi mới ra tù - *Đêm Vô Ngự*.

Chính trong "ngục luyện" vô cùng ác độc đó của chế độ cộng sản, đã rèn đúc nên tính chất, ý chí, phong cách, bút pháp của nhà thơ, đã mài giũa ngòi bút của người nghệ sĩ thêm sắc bén, thêm sức mạnh tấn công vào chế độ tàn bạo lấy máu và nước mắt của những người dân vô tội. Vì nhận thức rõ "*sứ mệnh trong sáng tuyệt vời*" của thơ, nên Phùng Cung đã dùng ngòi bút của mình vạch trần những tội ác của chế độ đang đầy đoạ biết bao dân lành, trong đó có cá nhân anh. Chắc ai cũng đều biết là sáng tác trong tù ngục của chế độ độc tài Việt Nam, khi sự kiểm soát của đám cai tù - mệnh danh là "quản giáo" ! - vô cùng nghiêm ngặt, khi không có một tý giấy bút nào trong tay, đã là một điều rất khó. Mà sáng tác với nội dung như Phùng Cung tự đề ra cho mình đúng với quan niệm của anh về "*sứ mệnh*" thi ca, thì cái khó đó lại nhân lên hàng chục lần! Vì nó đòi hỏi tác giả phải có ý chí và dũng khí sắt đá, đòi hỏi nhà thơ phải kiên trì cao độ, phải học thuộc, ghi kỹ vào "*kho nhớ*", và khi ra tù thì phải khôi phục lại, chép ra giấy, rồi cất giấu kỹ... để có ngày, như hôm nay, bạn đọc được nâng

niều những sáng tác đó trong tay.

Qua tập *Trăng Ngục*, bạn đọc nghe rõ tiếng khóc da diết của một con tim chan chứa tình yêu quê hương, đất nước, yêu dân tộc lầm than, xót xa trước bi kịch của quê hương "*đường quan lầy nước mắt*", của "*xóm làng queo quắt*", đất nước bị lũ "*rắn rết đang hoành hành dữ dội, biết bao dân lành ngày đêm rên siết*", "*dối trá đè hèn Trùm muôn cửa ngõ*", cả nước tưởng như chìm đắm trong "*nhật thực triền miên, ngày tối hơn đêm*"... Nhà thơ khóc cho số phận bao người dân khốn khổ, nghèo nàn, bất hạnh - đó là những người vợ, người mẹ có chồng con bị bắt đi lính "*hòng hồng mong thư tuyến lửa*", "*văng vẳng nỉ non tiếng lòng chinh phụ*", những thiếu phụ khóc chồng tử trận "*hòng hồng đợi người chồng tử trận, mấy chục năm rồi, đã mỗi xanh ! Nước mắt hoa râm, Cầm trôi duyên phận*", là bà mẹ khóc con mới mười sáu tuổi đầu bị lấy đi chiến tranh, chết bỏ xác ở Khe Sanh - Dốc Miếu, là những cụ già cô đơn "*dờ dật sức già - gãi đất*" vì "*tuổi trẻ - gái trai, bị lôi đi - đi hết*" để ném vào cuộc chiến tranh ở miền Nam, là những người dân khốn khổ bị "*cái đói lấn kén bốn mùa*", là những oan hồn ngày đêm "*thồn thức dưới mồ*", là những trí thức, văn nhân, nghệ sĩ "*bơ vơ một nẻo*", bị Đảng "*hết móc ruột moi gan, lại réo tên chỉ mặt*", "*nửa thế kỷ bị lưu đầy, trong cũi tung hô*", là "*Em Quỳnh*", em bé gái 12-13 tuổi, lần lượt bị "*đồng chí chủ nhiệm, đảng viên cốt cán*", "*chú bí thư đảng ủy mới bầu*" lợi dụng thoả mãn tình dục, rồi tống vào trại tù để "*giáo dưỡng*", ở đây em lại bị "*bác cảnh binh, chánh giám thị, quê làng Sen trọ trọ*", "*tự xưng danh chức, đại diện bác Hồ, đại diện đủ ba lực lượng, đảng tiền phong - chính quyền - quốc hội*" giở trò cường hiếp, em "*dại dột khóc to*", chánh giám thị sợ tai tiếng tìm cách lấp liếm, buộc tội cho em rồi đẩy em đến toán lao động cực nhọc cho em chết thảm trong tù, v.v... Triệu triệu giọt nước mắt của những con người bất hạnh đó trên đất nước đau thương lã chã nhỏ xuống và nhà thơ cảm thấy dường như chúng rúng động cả thiên cầu làm muôn vàn sao băng xao xuyên rơi.

Tôi đứng trong đêm
Ngứng đầu nhìn cao xa
Vọng hồi

Có phải nước mắt con người
Đằm đằm dội xuống
Mà trên thiên cầu

Bao vì sao xao xuyên đổi ngôi.

Lòng ái quốc, tinh thần nhân bản sáng ngời trên mỗi vần thơ !

Đất nước ơi
Tôi mến người
Như khi nhìn em bé ngủ



Tôi thương người
Như thương mẹ ốm
Vì đau
Người khoác manh áo đỏ
Thừa sai - cùn cùn
Tủi nhục tháng ngày
Long đong chiều sớm
Ồi ! có bao giờ

Người đau đớn như thế này không.

Trong 12 năm tù ngục, tiếng thổn thức của nhà thơ cho số phận đất nước, quê hương không ngớt vang lên : *"Tổ quốc kính yêu ơi ! Văn hiến - thuần phong mỹ tục, phút chốc bàn tay cộng sản dập vùi"* ; *"Quê hương ơi ! Đường quan lầy nước mắt"*, *"Ơi đất nước sa cơ ! Già - trẻ bơ vơ nheo nhóc"* ; *"Ơi quê hương ! Hồi những ngày xưa ! Thủy chung - nhân ái, tất cả chìm - ngâm, trong lửa đối cuồng điên"* ; *"Quê nội" ơi ! Đối trá đê hèn, trùm muôn cửa ngõ"*...

Đọc *"Trăng Ngục"*, đồng thời chúng ta cũng nghe được tiếng thét căm hờn đối với chế độ cường bạo, độc tài chuyên chế, đầy sắt máu. Bạn đọc nhận thấy Phùng Cung, vốn là một người cộng sản - do *"lòng cả tin - nhẹ dạ"* thời niên thiếu - đã tự "lột xác" triệt để như thế nào. Nhà thơ tuyên bố dứt khoát *"quyết khước từ bước chân cộng sản, lợi máu dân lành, hàng thế kỷ chưa ngơi"*. Không chút kiêng nể, e sợ, anh dám chĩa thẳng mũi nhọn tố cáo vào chính những "vật thờ thiêng liêng nhất" của chế độ cộng sản toàn trị, như *"thò lò muôn mặt lê-mác-mác-lê"*, *"mạ màu mao-ít"*, *"đảng tiên phong - chính quyền - quốc hội"*, *"bác Hồ"*. Anh *"vả mạnh tim đen quyền lực"*, vả mạnh vào chính những biểu tượng của quyền lực độc tôn - *"tàn bạo lên ngôi"*, *"sừng sững dựng khải hoàn môn máu"*, *"cờ máu rợp trời, lợm gió !"*, *"máu cờ đỏ phấp phới hờn ghen"*, *"bóng cờ ma"*, *"nghênh ngáo quốc huy"*, *"Thề phan thây uống máu !..."* - *"có quốc thiều nào man rợ thế không"*, *"dài phát thanh Bắc Việt, vắn tối ngày bốn lần leo lẻo"*... Anh dám lớn tiếng tố cáo thẳng thừng sự lừa dối bịp bợm và độc ác của đảng cộng sản cầm quyền, vạch rõ bộ mặt thật của giai cấp thống trị, *"bản chất nó là cuồng bạo"* lại *"huênh hoang lấp biển vá trời"*, *"Kiến tạo địa đàng - hạnh phúc"*, v.v... Có một điều đáng nói là ngay từ cuối thập niên 50, đầu thập niên 60, nhà thơ đã âm thầm lo lắng trước âm mưu của tập đoàn thống trị chuẩn bị nội chiến. Anh *"đã ưu tư"* về điều đó trong bài *"Sông Thương - Sao Thương"* sáng tác năm 1964 :

Ồi ! lòng đã ưu tư
Lại thai nghén chiến tranh
Họa cơn áo !
Vẫn giăng cơ sừng gươm oan trái
Chấn viện trợ phủ kín biên thù...

Và trong nhiều bài khác cái tinh thần chống chiến tranh, chống cảnh huynh đệ tương tàn cũng thường bật lên một cách mãnh liệt :

Chính chúng nó
Phường cộng sản
Lái buôn binh lửa
Ồi ! Binh lửa triền miên

Tuổi trẻ gái - trai
Bị lôi đi - đi hết...
Quan hà lộng gió chinh phu
Rừng thu tắm máu
Máu thu gọi chiều
Tơ vàng nhỏ giọt lệ điều
Đăm đăm tay vẫn chiều chiều quay xa...
Khe Sanh - Đốc Miếu là đâu
Vắng con nhớ đến bạc đầu cô đơn
Máu chiều gọi đỏ hoàng hôn
Nghĩa trang mồ giả, nấm xương không mồ
Đồng chiều gió tìm mấp mô
Nén hương đèn khói, mấy mùa khóc vầy...
Tôi biết em khóc nhiều
Vì chồng em tử trận
Em khóc lúc hùng đông
Nước mắt cử hành
Mặt nạ tay hèn
Lén vào đông đếm...
Em khóc lúc hoàng hôn
Thì quanh em
Lộng gió cô đơn
Từng giọt rục rịch
Trong nhiều thế giới...
Não lòng thay !
Mảnh đất bán khai
Tình nguyện tiền đồn
Đặng cai binh lửa...
Tổ quốc kính yêu ơi !
Khói lửa ngút trời
Cháy gia phả
Cháy tình bằng hữu
Cháy cõi trần bách niên giai lão
Cháy tia trắng thơm
Trên làn tóc trẻ thơ
Hiếu chiến thừa sai
Ruối cờ dẫn lộ
Giàn cầu lửa
Di lãn - bách hại
Ngập máu !

Lời thơ Phùng Cung nhẹ nhàng, thanh thoát, trang nhã, ý nhị, sâu thẳm và giàu hình tượng, với những ngôn từ chất lọc, sắc cạnh, đặt đúng nơi đúng chỗ, đem lại cho người yêu thơ nỗi xúc động bằng hoàng và nhiều khoái cảm mê mê.

Bài *Trăng Ngục* - mà tác giả dùng làm nhan đề cho tập thơ - chỉ có hai mươi tám chữ, mà vô cùng xúc động. Bài thơ ghi lại một hoạt cảnh nhỏ của cuộc sống trong xà lim chật chội, tối tăm, lạnh lẽo, hôi hám - giữa đêm khuya tĩnh mịch, ánh trăng lọt qua song sắt vào tận ngục thăm nhà thơ, lúc đó đang lơ mơ ngủ, bỗng anh chợt tỉnh và lặng người đi vì xúc động: anh cảm thấy trắng thương xót cảnh tù biệt giam cô đơn, đã nhẹ nhàng *"vá lụa"* trên vai áo sờn rách của anh. Và tác giả thốt lên vô cùng ai oán : *"Ồi, cái ngày tự do xưa kia, sao mà cứ xa mãi, biết bao giờ quay trở lại !"*. Bài này, theo tôi, đáng coi là một tuyệt tác !

Trắng qua song sắt
Trắng thăm ngục
Bỗng ta chợt tỉnh - sống sờ
Trên vai áo tù
Trắng vá lụa
Ngày xưa ơi !

Xa mãi đến bao giờ.

Mà không chỉ một bài *Trắng Ngục* đó ! Còn bao nhiêu bài hay nữa, như *Biển Cả*, *Em Quỳnh*, *Tổ Quốc*, *Quê Hương*, *Nước Mắt*, *Cung Trời*, *Thu Xa*, *Dòng Sông*, *Quê Xa*, *Mỗi Xanh*, *Mẹ*, *Sông Thương* - *Sao Thương*, *Sống Chết*, *Bước Vô Định*, *Tội Nghiệp*...

Về thơ Phùng Cung, còn có thể viết nhiều nữa, nhưng ở đây tôi chỉ xin giới thiệu vài đoạn để thấy rõ cái tình cảnh bi thảm của nhà thơ, cũng như ý chí bất khuất của anh.

Ta một con người
Nạn nhân đang vòng tù ngục
Đêm ngày chân rỉ máu cùm lim
Linh hồn bất khuất
Trên đầu là thượng đế
Dưới chân là mặt đất hiếu sinh
Bức xúc lương tri
Ta phải xuống đường...
Còng sắt cùm lim ngấy máu tù
Văng dưng mãi bỏ quên ta
Bóng du nguyệt chưa qua đã khuất
Thâu ngày đêm
Bị sự im lặng quấy rầy
Tóc mủn trọt vai chờ di chúc
Trái tim vẫn đều đặn
Mơ phỏng nhịp trữ tình...

Trong cảnh đạo đầy khủng khiếp như vậy, "*đêm ngày chân rỉ máu cùm lim*" đến nỗi "*còng sắt cùm lim ngấy máu tù*", bản thân anh thì bị lao phổi, viêm loét dạ dày mạn tính do bị tù ngục, lại phải sống trong những điều kiện khủng khiếp - hoàn toàn thiếu ánh nắng, ánh trắng thì chỉ thoáng qua trong giây lát, "*đêm xà lim lạnh buốt*", bị sự im lặng giày vò, tóc đã mủn ra rồi chỉ chờ ngày chủ của chúng vĩnh biệt cõi trần, nhưng... lương tri của nhà thơ vẫn giục giã xuống đường, trái tim của anh vẫn đập theo nhịp trữ tình của Nàng Thơ. Thật là đẹp biết bao! Một tâm hồn cao thượng biết bao! Chính vì thế anh đứng trên cao khinh bỉ nhìn xuống bọn thống trị - "*tụi mặt dày*", "*tim rắn*" - và xót xa vì đất nước bị lọt vào tay chúng.

Đất nước tôi
Triền miên bất hạnh
Tụi mặt dày - tay bẩn
Tim rắn - lời cầu
Văn hóa lớp hai
Điều hành cuộc sống
Tránh làm sao

Khởi nát ngọc nhân quyền...

Ngay cả lúc chúng thét gào dữ tợn thì thái độ nhà thơ vẫn ung dung, tự tại, không chút khiếp sợ :

Ôi ! Bao yên lặng thanh cao
Đang chìm lặn

Trong thét gào man rợ
Thì nhắm mắt
Thì bưng tai
Phải đau khiếp sợ
Chỉ điếc dui vừa đủ
Để làm ngơ...

Và anh suy tư, suy tư rất nhiều, "*nghiêm nhiên thành triệu phú trăm tư*", vất vả "*lặn lội*" để kiếm tìm "*sứ mệnh trong sáng tuyệt vời*" của thi ca !

Nhà thơ chân đất
Đầy vãi - gió đưa
Kiếm tìm sứ mệnh
Mỗi ý nghĩ trong ta
Đều trải qua lặn lội
Như phận chiếc cò
Lặn lội trong phong dao...

Bài *Xuống Đường*, làm trong xà lim biệt giam Lao Cai hồi năm 1971, là một trong những bài thơ vừa có sức mạnh tố cáo, vừa nêu bật ý chí mãnh liệt của nhà thơ.

Lãnh thổ mến yêu ơi !
Nai lưng trần dưới vòm trời nhiệt đới
Xứ sở của thi ca
Của lòng căm giận - nhẹ dạ
Của đói nghèo nhẩn nhệ
Úp mặt - rủ mây - đắp đổi
Khóc mếu tối ngày...

Thế rồi, cái "học thuyết Rắn-hổ-mang-vua" (tôi đoán nghĩa của chữ lạ trong bài như thế) đội lốt công nông từ trời Tây du nhập vào, lúc đầu - khi chưa nắm được chính quyền - nó làm ra vẻ ngoan ngoãn, hiền lành lắm, thậm chí còn tình nguyện làm ngựa làm trâu cho người dân. (Cái ý này có xuất xứ của nó : tôi còn nhớ trong một cuộc kỷ niệm của Đảng Cộng Sản Việt Nam - hồi còn đội lốt Đảng Lao Động - ông Hồ có đọc hai câu thơ của một tác giả Trung Quốc để ví với Đảng Lao Động, không sợ bất kỳ kẻ địch nào, nhưng lại nguyện làm trâu ngựa cho nhân dân : "Liếc mắt xem khinh nghìn lực sĩ, Cúi đầu làm ngựa đừa nhi đồng"):

Học thuyết King-cô-bra
Đội lốt công nông - rình rập
Từ trời tây ập tới
Lúc thoát thai
Nó vờ xin rửa tội
Trộm cắp ánh tà dương
Trước mọi người
Nó khoanh tay - quỳ gối - cúi đầu
Tình nguyện đời đời
Làm ngựa làm trâu
Khi gấp khúc nó ngoan ngoãn
Giành hoàn thiện chức năng gia cẩu
Hầu hạ phần sơn
Len lỏi trong lãng hoa
Trong đồ chơi em bé...

Thế nhưng, khi nắm được chính quyền rồi thì nó gây biết bao thảm họa cho nhân dân :

Mong hiện nguyên hình
Như dưới vòm trời bất hạnh - hôm đây

Bản chất nó là cuồng bạo
Huênh hoang lấp biển vá trời
"Kiến tạo địa đàng - hạnh phúc".

Tiếc thay, những người thường dân ngây thơ, mộc mạc
đã trót lỗ chìa tay cho nó, nên nó càng mặc sức gây ra
muôn vàn đau thương cho dân chúng. Có những đoạn trong
thơ làm người đọc liên tưởng đến cuộc cải cách ruộng đất
đầy tội ác ở miền Bắc :

Khốn nạn thay !
Chân đất đầu trần chót chìa tay
Đã lỗ !
Thảm họa triền miên
Ôi ! tay chúng cầm lê
Đâm người - dẫu mặt
Lại vội lau tay - vu cáo - gây thù
Cha con nghi ngờ
Vợ chồng cảnh giác
Già trẻ xóm giềng
Nhìn nhau len lén
Di họa đứng rình
Trong tối lửa tắt đèn
Ngột ngạt - tối tăm - quần quai
Vô phương khả đảo...

Bắt chước "thiên triều" đỏ ở Liên Xô và Trung Quốc,
tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam đã làm biết bao điều
bạo ngược.

Nhịp bước thiên triều
Giày xéo thuần phong mỹ tục
Lãng nhục miếu đền
Sùng sùng dựng khải hoàn môn máu
Quay quắt đổi đầu
Thò lò muôn mặt Lê-mác-mác-lê...
Còn người dân Việt Nam khốn khổ thì
Lầm than bụng bưng vác cờ
Tung hô bổng hòng...
Thiên triều tiếp sức
Ổng ẹo điệu ương ca
Mạ màu mao-ít
Ma thuật ngoan tay
Tạt độc được vào tâm - vào não...

Và khi người dân "trúng độc" rồi, chúng lại càng thêm
bạo ngược :

Cờ máu ngợp trời
Lợm gió !
Tiếng quốc thiều
Tăng âm cực đại thét gào...
Thề phan thây uống máu !"
Ta lòng trong kho nhớ
Nhắm biên niên sử
Xin hỏi loài người
Có quốc thiều nào man rợ thế không
Trước mặt sau lưng
Ngàn trùng khóc lóc
Ôi ! mỗi tiếng chim kêu
Đếm từng giọt máu
Sóng máu ào ào

Trần bở thế kỷ...

Trong tình cảnh đó, nhà thơ dù đang trong vòng tù ngục
cũng thấy lương tri giục giã phải xuống đường tranh đấu,
cái ý chí đó vô cùng mạnh mẽ, quyết hy sinh mình vì sự
sống của muôn dân. Hình ảnh "mài gươm dưới nguyệt" của
Đặng Dung trong bài "Cầm Hoài" hồi đầu thế kỷ 15, đã
được Phùng Cung khéo dùng lại để tạo nên một tứ thơ mới
nói lên ý chí của mình - "nước mắt mài gươm", vừa hợp với
hoàn cảnh của nhà thơ, lại gây ấn tượng mạnh.

Phải xuống đường
Tìm sinh trong tử
Nước mắt mài gươm
Gươm bén dân lành
Ta chấp tay - ngửa mặt
Cầu xin các đấng linh thần
Cho ta sức mạnh phi trần
Đủ tung hoành, xông xáo
Tận cùng hang ổ
Băm xả vào đầu con rắn đỏ
Cây cỏ vươn reo
Mượn gió nhấc bốn phương
Con rắn đỏ tử thương - rẫy giũa
Nó lí nhí van xin chôn cất...

Còn có thể nói rất nhiều nữa về thơ Phùng Cung, nhưng
thiết tưởng với chừng ấy cũng đủ để bạn đọc thấy chúng
ta đang có trong tay những di sản quý báu của thi ca nước
nhà. Chỉ riêng việc những vần thơ này được trân quý, bảo
trọng còn lại cho đến ngày nay và tới tay bạn đọc đã là một
điều kỳ diệu ! Chắc điều đó đáp ứng được phần nào ước
nguyện thầm kín mà nhà thơ hằng ấp ủ mấy chục năm
trưởng khi còn ở côi trần.

Hy vọng rằng những "hạt ngọc" quý mà người nghệ sĩ
Phùng Cung chiết ra từ máu và nước mắt của mình để hiến
cho đời, sẽ càng thêm phô sắc, thêm rực rỡ dưới ánh mặt
trời và đem lại cho bạn đọc Việt Nam nhiều xúc động và
khoái cảm, đồng thời cũng đem lại những suy tư về trách
nhiệm và hành động của mỗi người trong sự nghiệp cứu
nước, cứu dân.

Nguyễn Minh Cần
(Hà Moskva, 03-08-2003)

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là kết hợp của
những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng
một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một
nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể
chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của **Tập Hợp
Dân Chủ Đa Nguyên** là đấu tranh thiết lập một thể chế
dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân
tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, **Tập
Hợp Dân Chủ Đa Nguyên** qui tụ những người Việt Nam
thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị,
trong cũng như ngoài nước.

JOHN KERRY đối thủ của Georges W. Bush ?

Từ nhiều tháng nay, cựu thống đốc Howard Dean vẫn được coi là *front runner* (người dẫn đầu) trong cuộc tranh cử để được đại diện đảng Dân Chủ, đương đầu với tổng thống George W. Bush. Bất ngờ, John Kerry, thượng nghị sĩ tiểu bang Massachussets, đã về đầu trong hai cuộc tuyển cử sơ bộ đầu tiên tại Iowa và New Hampshire. Howard Dean vẫn còn tiếp tục tranh cử nhưng kể như đã hết hy vọng. Đối thủ nguy hiểm nhất của John Kerry hiện nay là John Edwards, cũng là thượng nghị sĩ Massachussets. Trừ một đảo ngược tình thế ngoạn mục, John Kerry sẽ là đối thủ của đương kim tổng thống George W. Bush.

Kerry có thể đánh bại Bush được không ? Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy Kerry nghiêng ngả với Bush, nhưng điều này có lẽ chỉ là do hiệu ứng ban đầu do tổng thắng lợi đột ngột và ngoạn mục của Kerry hơn là một phản ứng trung thực của người dân Mỹ.

Kerry sẽ gặp những khó khăn lớn. Trước hết là Bush chưa làm điều gì sai lầm. Một phần dư luận Mỹ phản đối việc Bush tấn công Iraq, nhưng Kerry cũng ủng hộ quyết định này nên không thể khác. Mặt khác, Kerry cũng sẽ bối rối vì ông có quan hệ phức tạp với sự thật. Ông trình bày một cách không thuần nhất quá khứ của mình và sẽ bị đặt nhiều câu hỏi nhức nhối.

Trong chiến tranh Việt Nam, Kerry là một sĩ quan biệt kích và đã được nhiều huy chương. Sau đó, ông trở thành phản chiến vào lúc phong trào phản chiến lên cao, từng đốt huân chương để phản đối chiến tranh. Gần đây ông lại tự nhận là một chiến binh có công trạng, hãnh diện về những huân chương này và đem treo tại văn phòng. Ông giải thích là đã chỉ đốt huân chương của một người bạn nhờ mình đốt hộ. Ngoài ra Kerry không có một chủ trương đặc biệt nào cho nước Mỹ. Kerry khó thắng Bush, ngay cả khi ông thắng John Howards trong cuộc bầu cử sơ bộ, một điều chưa chắc chắn.

IRAN chế độ độc tài tôn giáo chao đảo

Theo dự trù, Iran sẽ có bầu cử quốc hội trong hai tuần nữa. Tuy vậy, chưa chắc cuộc bầu cử này sẽ diễn ra suôn sẻ. Hội Đồng Bảo Hiến Hồi Giáo, cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc loại bỏ các ứng cử viên đã loại hơn 2.000 ứng cử viên, trong đó có gần 100 dân biểu đang tại chức, vì lý do họ không hội đủ những "tiêu chuẩn Hồi Giáo" để được làm dân biểu.

Quyết định này đã gây ra một phản ứng chống đối đồng loạt từ phía những người cởi mở. Bốn bộ trưởng đã từ chức để phản đối, tổng thống Khatami, một giáo sĩ Hồi Giáo, cũng tuyên bố không chấp nhận quyết định này, đại đa số dân biểu cho biết sẽ không tham dự cuộc bầu cử này nếu

THỜI SỰ QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

Hội Đồng Bảo Hiến Hồi Giáo vẫn giữ nguyên quyết định. Dư luận thế giới đồng thanh lên án, dư luận trong nước Iran cũng phẫn nộ. Sau nhiều ngày gây cản, Hội Đồng Bảo Hiến Hồi Giáo đã nhượng bộ, chấp nhận một số ứng cử viên mà họ đã loại bỏ,

nhưng vẫn từ khước đa số dân biểu tại chức mà họ không muốn cho ra ứng cử. Phe cải tổ tiếp tục phản đối. Chế độ độc tài Hồi Giáo Iran tiếp tục khủng hoảng. Không ai có thể dự đoán tương lai sẽ ra sao.

Iran, tiếng Việt thường gọi là Ba Tư, là một nước có lịch sử rất lâu đời. Vào thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch, họ đã làm bá chủ vùng Trung Á và đã cứu dân Do Thái khỏi họa vong quốc. Iran cũng nổi tiếng về sự quá đáng. Năm 1969, họ làm lễ kỷ niệm 2.500 năm lập quốc và đã dùng toàn bộ tổng sản lượng quốc gia để ăn mừng trong vòng một tuần lễ. Lúc đó Iran do vua Palevi cai trị. Năm 1979 lực lượng Hồi Giáo lật đổ vua Palevi và thành lập một cộng hòa Hồi Giáo, ban hành một hiến pháp theo đó hàng giáo phẩm Hồi Giáo không cầm quyền nhưng có toàn quyền về tư pháp, nghĩa là có quyền xét xử và tuyên án bất cứ ai, kể cả tổng thống. Hàng giáo phẩm cũng có quyền cấm bất cứ ai giữ những chức vụ công cử nếu xét thấy không đủ "tiêu chuẩn Hồi Giáo". Quyền này hiện đang bị phản bác.

PHÁP "nằm rạp" trước một nhà độc tài ?

Tết Nguyên Đán chưa bao giờ tương bừng như năm nay. Đại lộ nổi tiếng nhất thế giới Champs Elysées đã treo cờ và trưng đèn suốt ba ngày, và cả ngày mùng 3 Tết đã được dành riêng cho múa lân và văn nghệ ngoài trời. Lý do là vì Hồ Cẩm Đào, chủ tịch đảng cộng sản và nhà nước Trung Quốc, thăm viếng chính thức nước Pháp trong bốn ngày kể từ mùng 4 Tết (25-1-2004). Hồ Cẩm Đào đã được dành mọi vinh dự : được tổng thống Pháp Chirac ra phi trường tiếp đón, dự nhiều cuộc tiếp tân long trọng và nhất là được đọc diễn văn trước quốc hội Pháp.

Sự trọng vọng quá đáng đối với Hồ Cẩm Đào đã gây nhiều bất bình trong chính giới Pháp. Quá 1/3 dân biểu Pháp, trong đó có một số thuộc đảng UMP của tổng thống Chirac, đã tẩy chay phiên họp này. Một số dân biểu tham dự đã từ chối ngồi xuống, họ đứng như tư thế của những người biểu tình chung quanh một người tự bịt miệng để nói lên rằng tại Trung Quốc những người dân chủ bị bịt miệng.

Cựu bộ trưởng giáo dục Jacques Lang, một người nhiều uy tín trong đảng Xã Hội Pháp, đã tuyên bố : "*Thật đáng buồn khi nước Pháp nằm rạp trước một nhà độc tài*".

Phần thưởng cho Pháp là đã ký được nhiều hợp đồng thương mại với Trung Quốc, đáng kể nhất là việc Trung Quốc đặt mua 21 máy bay Airbus.

Dưới sự lãnh đạo của tổng thống Chirac, Pháp càng ngày càng tỏ ra coi thường các giá trị dân chủ và nhân quyền. Cuối năm ngoái, tổng thống Chirac đã sang tận Tunisie để yểm trợ tổng thống Ali, một nhà độc tài thô

bạo. Ông nhắc lại điều mà ông đã từng nói tại châu Phi hơn một thập niên trước là dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước chưa phát triển. Tiếp theo việc Pháp tận tình bảo vệ Saddam Hussein viện cố tôn trọng "chủ quyền quốc gia" và "công pháp quốc tế", và những lời tuyên bố của ông, việc Jacques Chirac trải thảm đỏ đón Hồ Cẩm Đào chứng tỏ ông vẫn thuộc một văn hóa thuộc địa, coi các dân tộc Á Phi là không đáng được có dân chủ, một điều dành riêng cho người da trắng.

Chính phủ Pháp còn đẩy sự trắng trợn tới mức khó tưởng tượng : ông Cao Hành Kiện, một người Hoa đối lập có quốc tịch Pháp được giải Nobel về văn chương năm 2001, đã không được mời tham dự ngày triển lãm sách để làm vừa lòng Trung Quốc.

DỊCH CÚM GÀ đe dọa trầm trọng các nước Đông Á

Một dịch cúm gà mới vừa xuất hiện và đang lan tràn tại Đông Nam Á, do một vi khuẩn rất lạ được gọi là H5N1. Vì là một vi khuẩn mới nên, theo các nhà nghiên cứu, nó có khả năng chuyển hóa (mutation) cao và cũng có thể kết hợp với các vi khuẩn khác để tạo ra những vi khuẩn nguy hiểm hơn. Hiện tại nó đã có khả năng truyền từ gà vịt sang người và gây thiệt mạng. Đáng sợ hơn là vi khuẩn này có khả năng lây từ người sang người như vừa xảy ra tại Việt Nam làm thiệt mạng 3 chị em trong cùng một gia đình. Hiện đã có 9 người chết tại Việt Nam và 3 người chết tại Thái Lan. Cơ quan Y Tế Thế Giới (OMS) cảnh báo nếu dịch cúm gà không bị vô hiệu hóa kịp thời có thể gây thiệt mạng cho hàng triệu người. Nhiều trường hợp nhiễm trùng đã được phát hiện tại 10 quốc gia châu Á : Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Hàn Quốc... và Hồi Quốc.

Điều nguy hiểm của dịch cúm này là nó rất khó ngăn chặn. Các chính quyền Đông Nam Á đã ra lệnh giết bỏ toàn bộ gà vịt và các loài chim được nuôi. Hàng trăm triệu gà vịt đã bị giết bỏ, các trại chăn nuôi đã phá sản, nhưng đàn gà vịt được nuôi lẻ tẻ hầu như trong mọi gia đình ở nông thôn không có gì bảo đảm là sẽ bị giết bỏ. Mặt khác quần chúng cũng không hiểu lý do tại sao phải giết bỏ những gà vịt không mắc bệnh. Hơn nữa một véc-tơ truyền bệnh khác là chim trong thiên nhiên không thể nào tiêu diệt hết được.

Hậu quả kinh tế của dịch cúm gà này chưa lường được, nhưng chắc chắn là rất quan trọng. Các trại chăn nuôi Đông Nam Á lại không có bảo hiểm nên sự phá sản là chắc chắn. Hậu quả về sức khỏe lại càng đáng lo ngại hơn. Theo các chuyên viên về y tế thì dịch cúm này đã xuất phát tại tỉnh Quảng Đông, miền Nam Trung Quốc, từ mùa hè 2003 nhưng đã bị giấu nhem, cũng như dịch hô hấp ác tính (SARS) trước đây. Trung Quốc cải chính điều này nhưng điều không ai có thể chối cãi là các nước bị bệnh dịch này đều nằm trong một vòng tròn mà trung tâm là Quảng Đông và bán kính là tầm bay của chim.

CAMPUCHIA khủng hoảng lớn

Ít ai còn quan tâm đến những gì xảy ra tại Campuchia. Quốc gia láng giềng này đang thoát ra một cách khó khăn khỏi chế độ cộng sản, hiện đang gặp khủng hoảng lớn và kết cục có thể ảnh hưởng tới Việt Nam.

Cuộc bầu cử quốc hội ngày 27-7-2003 đã đem lại thắng lợi cho Đảng Nhân Dân Campuchia của Hun Sen với 73 ghế trên tổng số 123 ghế dân biểu quốc hội. Tuy nhiên đa số này không đủ vì theo hiến pháp kỳ cục do chính quyền Hun Sen đòi hỏi năm 1993, một chính phủ phải được 2/3 quốc hội tán phong. Như vậy là Campuchia không còn chính phủ nữa, chính phủ Hun Sen chỉ là chính phủ "xử lý thường vụ", trong khi chờ đợi một thỏa hiệp với hai đảng đối lập Funcipec của Ranariddh và đảng Sam Rainsy (trước kia là đảng Dân Tộc Khmer) của Sam Rainsy. Các cuộc mặc cả kéo dài và vua Sihanouk nổi giận, mắng cả ba đảng là thiếu thiện chí và bỏ đi nghỉ tại Bắc Kinh.

Sự dằng dằng này diễn ra trong bối cảnh gây căng và hung bạo. Ngay sau cuộc bầu cử, giám đốc đài phát thanh của đảng Funcipec đã bị ám sát cùng với một nữ ca sĩ đã vận động cho đảng này. Cho tới nay các cuộc "điều tra" không đem lại kết quả nào. Ranariddh bỏ ra nước ngoài (vì sợ ?) và tổ giác Hun Sen là chủ mưu vụ ám sát này. Hun Sen truy tố Ranariddh ra tòa về tội vu cáo. Ranariddh (con trai vua Sihanouk) chưa dám về nước.

Ngày 22-1-2004 vừa qua đến lượt ông Chea Vichea, thành viên sáng lập của đảng Sam Rainsy đồng thời cũng là lãnh tụ nghiệp đoàn, bị bắn chết giữa ban ngày và giữa đường phố Phnom Penh. Sam Rainsy tuyên bố rằng nhóm Hun Sen đứng sau vụ ám sát này và cũng bị Hun Sen truy tố ra tòa về tội vu cáo. Không ai biết tình hình Campuchia sẽ chuyển biến như thế nào.

Nhắc lại, sau cuộc tấn công và chiếm đóng của Việt Nam (1979-1992), Campuchia đã đi tới một giải pháp thỏa hiệp. Cuộc bầu cử năm 1993 đem lại thắng lợi cho đảng Funcipec của Ranadiddh nhưng chính quyền Hun Sen, do chế độ cộng sản Việt Nam lập ra và đỡ đầu, từ chối chuyển giao quyền hành. Sau một thời gian dằng dằng đẫm máu, một thỏa hiệp kỳ cục được đạt tới : Campuchia có hai thủ tướng (Ranariddh và Hun Sen) và mỗi bộ có hai bộ trưởng. Ít lâu sau Hun Sen dùng võ lực loại Ranariddh. Sau đó Hun Sen và Ranariddh hòa giải qua trung gian của vua Sihanouk. Năm 1998 bầu cử lại quốc hội, Hun Sen thắng nhưng vẫn phải thỏa hiệp với Ranariddh để thành lập chính phủ vì không đủ đa số 2/3 trong quốc hội.

Trong thời gian giằng co này, năm 1995 một đảng mới xuất hiện, do Sam Rainsy thành lập và lãnh đạo, lấy tên là Đảng Dân Tộc Khmer và đổi tên thành đảng Sam Rainsy năm 1998 cho tiện việc sổ sách. Đảng này được đa số trí thức dân chủ Campuchia ủng hộ và ngày càng gia tăng ảnh hưởng. Trong cuộc bầu cử quốc hội ngày 27-7-2003 vừa qua, đảng Sam Rainsy được 24 ghế trong quốc hội, chỉ thua đảng Funcipec 2 ghế. Đảng Sam Rainsy tuyên bố không thỏa hiệp với Hun Sen.

NGUYỄN CAO KỲ gây sôi nổi

Năm nay ông Nguyễn Cao Kỳ về nước ăn Tết. Ngay khi về Việt Nam, ông Kỳ đã gây sôi nổi và phẫn nộ vì ông tuyên bố ủng hộ chế độ cộng sản Việt Nam. Ông Kỳ nói rằng chế độ độc tài đảng trị có lợi vì nó cho nhà nước thế mạnh để bảo đảm trật tự an ninh ; nhiều nước như Nam Hàn, Đài Loan và Singapore đã phát triển nhờ độc tài. Ông cũng nói rằng ưu tiên của Việt Nam trong lúc này là phát triển kinh tế, sau đó mới có thể nói đến dân chủ. Về chế độ cộng sản Việt Nam, ông Kỳ nói rằng không thể chối cãi là nó đã đem lại tiến bộ và ông ủng hộ. Ông Kỳ tự coi là một người yêu nước mong muốn «hòa hợp hòa giải dân tộc».

Những lời tuyên bố của ông Kỳ đã gây phẫn nộ lớn trong dư luận người Việt hải ngoại và trong những người đấu tranh cho dân chủ. Trong nước, hai ông Nguyễn Thanh Giang và Hoàng Minh Chính đã lên tiếng cực lực bác bỏ lập trường của ông Kỳ, coi nó vừa sai lầm vừa thách thức đối với những người dân chủ.

Tại hải ngoại, ông Nguyễn Gia Kiểng, thành viên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, tổ chức đã kiên trì kêu gọi Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc trong hơn 20 năm qua, đã nhân khi được hỏi về ông Kỳ qua năm cuộc phỏng vấn về phong trào dân chủ Việt Nam của các đài BBC, Châu Á Tự Do, Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại, Little Saigon, Radio Bolsa, lên án thái độ của ông Kỳ. Ông Kiểng nói ông Kỳ vừa chứng tỏ sự thiếu hiểu biết trầm trọng về các vấn đề kinh tế và chính trị vừa phản bội lại lý tưởng tự do dân chủ mà nhiều người đã hy sinh tính mạng, và nhiều người khác trong nước đang chấp nhận mọi hiểm nghèo để bảo vệ. Những lời tuyên bố của ông Kỳ càng tồi tệ vì tự do dân chủ cũng là lý tưởng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà ông Kỳ đã từng giữ những trách nhiệm quan trọng. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng đã ủy nhiệm ông Nguyễn Văn Hiệp lên tiếng.

Ông Nguyễn Cao Kỳ sinh năm 1930, học đến lớp 10 thì gia nhập quân đội quốc gia, tốt nghiệp trường sĩ quan Nam Định năm 1952 và chọn binh chủng không quân. Vì chế độ Việt Nam Cộng Hòa mới thành lập binh chủng này và không quân phát triển nhanh chóng nên ông Kỳ cũng được thăng chức nhanh. Ông được gửi sang Pháp huấn luyện, tốt nghiệp phi công vận tải và năm 1963 lên tới chức đại tá. Ít lâu sau cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, ông được phong chức tư lệnh không quân và được thăng thiếu tướng. Những cuộc đảo chính liên tiếp xảy ra tại miền Nam trong ba năm, từ 1963 đến 1966. Nhờ luôn luôn khôn ngoan đứng vào phe thắng, và cũng nhờ vai trò quyết định của không quân trong các cuộc đảo chính này, ông Kỳ dần dần có trọng lượng lớn hơn. Ngày 19-6-1966, ông trở thành thủ tướng. Trong cuộc bầu cử tổng thống năm kế tiếp, ông ra ứng cử tổng thống và có nhiều hy vọng đắc cử, nhưng sau cùng đã nhượng bộ, chấp nhận làm phó tổng thống cho ông Nguyễn Văn Thiệu, rồi bị ông Thiệu loại bỏ trong nhiệm

kỳ kế tiếp. Vài tháng trước thắng lợi của phe cộng sản, ông Kỳ xuất hiện trở lại với sự ủng hộ của một số tướng lãnh kêu gọi chiến đấu tới cùng, nhưng rồi cũng bỏ chạy. Sang Mỹ ông mở tiệm bán rượu nhưng thất bại.

Ông Kỳ là người ăn nói hoạt bát và có khả năng thu hút. Mặc dầu chỉ là một phi công vận tải, ông được coi như là một người liều lĩnh. Sự liều lĩnh của ông thực ra chỉ là ẩu tả chứ không phải là can đảm. Ngay khi làm thủ tướng ông đã gọi một số thương gia người Hoa lại và yêu cầu họ rút thăm. Một trong những người này là Tạ Vinh đã trúng thăm và bị đem xử bắn, mặc dầu ông chỉ là một thương gia buôn bán sắt vụn và do đó không có trách nhiệm gì trong việc làm vật giá leo thang. Hai công việc chiếm gần hết thời giờ của ông Kỳ là đánh bài và đá gà. Ông Kỳ tự hào là người không làm chính trị và ít học. Điều này chắc chắn là đúng bởi vì khi còn làm phó tổng thống và trước khi lên đường dự hội nghị Paris, có ghé ngang Do Thái, ông tuyên bố rằng thần tượng của ông là Hitler. Lời tuyên bố bậy bạ này đã làm mất uy tín của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và đã đóng góp rất nhiều làm cô lập miền Nam và tiếp tay cho tuyên truyền của phe ủng hộ cộng sản trên thế giới. Lần này ông Kỳ cũng đã nổi tiếng sau khi tuyên bố ủng hộ chế độ cộng sản. Năm nay ông Kỳ đã 74 tuổi, sự nghiệp của ông có thể tóm tắt là ông đã nổi tiếng vì những hành động và lời nói xằng bậy gây thiệt hại lớn cho hàng ngũ của ông. Điều khác biệt là lần này ông đối hàng ngũ.

Từ mới : "KỶ LUẬT CHÍNH QUYỀN"

Hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam họp đầu tháng 1-2004 đã đi tới quyết định kỷ luật bốn ủy viên trung ương đảng vì thiếu sót và sai phạm. Những người này bị "kỷ luật chính quyền", nghĩa là bị kỷ luật nhấm vào những chức vụ mà họ đã giữ trong chính quyền. Nói một cách giản dị là cách chức hoặc giáng chức. Chính quyền cộng sản hay phát minh ra những cụm từ vừa rườm rà vừa tối nghĩa, thí dụ như phòng nhân viên được gọi là phòng "lao động tiền lương".

Bốn người bị kỷ luật là :

- Lê Huy Ngọ, ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng nông nghiệp, về tội lem nhem với Lã Thị Kim Oanh, một tay áp phe nhà đất đã bị kết án tử hình. Hai thứ trưởng của Ngọ đã bị phạt tù.

- Nguyễn Tuấn Minh, ủy viên trung ương đảng, cựu giám đốc tài chính Bà Rịa - Vũng tàu, về tội tham nhũng.

- Vũ Trung Kim, ủy viên trung ương đảng, vì đã "làm mất đoàn kết nội bộ". Tội này quả thực là khó hiểu. Tháng 8 năm ngoái Vũ Trọng Kim, bí thư tỉnh ủy Quảng Trị, tố giác chủ tịch ủy ban nhân dân Nguyễn Minh Kỳ về tội tham nhũng, Kỳ bị cách chức. Bây giờ Kim cũng bị "kỷ luật chính quyền" về tội đã làm mất đoàn kết nội bộ khi tố cáo Kỳ.

- Ksor Phước, ủy viên trung ương đảng, bí thư tỉnh ủy Gia Lai, bị kỷ luật vì "có trách nhiệm" trong các vụ biểu tình chống chính quyền của đồng bào sắc tộc. Không biết

Ksor Phước bị phạt vì đã quá dễ dãi hay đã quá hung bạo với đồng bào của ông.

NGÂN SÁCH cho NĂM 2004

Ngày 20-1-2004, bộ tài chính Việt Nam đã công bố dự toán ngân sách cho năm 2004. Thu : 149.320 tỷ VND (10 tỷ USD). Chi : 187.670 tỷ VND (12,5 tỷ USD). Số bội chi ngân sách 2,5 tỷ USD tương đương với 10% tổng sản lượng nội địa quốc gia sẽ được trang trải bằng cách vay nợ dân chúng (78%) và nước ngoài (22%).

Cũng nên biết là việc công bố ngân sách là một nhượng bộ của Hà Nội đối với các định chế tiền tệ thế giới. Từ trước Hà Nội vẫn coi ngân sách là một bí mật quốc gia.

HÀNH QUYẾT hay THỦ TIÊU ?

Văn hóa khủng bố vẫn là nền tảng và chế độ cộng sản Việt Nam. Ngày 5-1-2004, như để chào mừng năm mới, thủ tướng Phan Văn Khải đã ký một nghị định cực kỳ man rợ. Nghị định này cấm tuyệt đối thông tin về việc hành quyết các phạm nhân bị kết án tử hình. Theo nghị định này, các thống kê về hành quyết được coi là bí mật quốc gia.

Hiện nay tất cả các nước văn minh trên thế giới, trừ Mỹ, đều đã bãi bỏ án tử hình, coi nó như là một hình phạt man rợ, hạ thấp luật pháp xuống ngang hàng với kẻ sát nhân. Các nhà xã hội học cũng đã đồng thanh nhận định rằng án tử hình không có tác dụng ngăn ngừa tội ác. Lập luận duy nhất được đưa ra để bênh vực sự duy trì của án tử hình là sự công khai của nó có tác dụng răn đe với những kẻ có ý định giết người. Nhưng nếu ngày nay chính quyền cộng sản Việt Nam hành quyết một cách âm thầm thì án tử hình không còn tác dụng nào cả, hành quyết chỉ còn là thủ tiêu, nghĩa là tội ác mà thôi.

Trong vòng một năm qua các tòa án Việt Nam đã tuyên hơn 100 án tử hình và hành quyết 62 người. Đây là một kỷ lục trên thế giới. Tại Trung Quốc con số thường được đưa ra là 500, nhưng Trung Quốc có dân số gần bằng 20 lần Việt Nam. 62 vụ hành quyết tương đương với 1.200 vụ tại Trung Quốc. Ngoài ra Việt Nam cũng như Trung Quốc hành quyết bằng phương pháp rất ghê rợn là xử bắn. Can phạm chết không được toàn thân, thi thể cũng không được trả cho gia đình. Trong nhiều trường hợp, như với Tăng Minh Phụng, thân nhân phải hối lộ để được đem xác người bị bắn về chôn cất.

Nghị định này không chỉ dừng lại ở sự ác độc. Nó cũng là một biện pháp đàn áp chính trị mà thôi. Từ nay các vụ án xử kín hoặc được coi là "có liên hệ tới an ninh quốc gia" cũng bị cấm tường thuật. Những người dân chủ Việt Nam thường bị buộc tội phá hoại an ninh quốc gia, thí dụ như tội gián điệp. Nghị định này có nghĩa là từ nay báo chí không được loan tin về các vụ án chính trị nữa.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã từ lâu chủ trương bỏ án tử hình. Một lần nữa Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên lên án việc chính quyền cộng sản Việt Nam xử tử và hành quyết.

Sự lên án này càng quyết liệt khi các tòa án Việt Nam xử tử một cách quá dễ dàng, ngay cả đối với những người chỉ phạm tội kinh tế và ở mức độ vài chục ngàn đô-la Mỹ. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên coi việc hành quyết bí mật các phạm nhân là một tội ác. Mặt khác, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cực lực phản bác việc cấm loan báo các vụ án chính trị. Đây chỉ là một biện pháp thô bỉ của một chính quyền bạo ngược, bối rối trước sự chống đối ngày càng lên cao.

TÔM

Nhiều nước xuất cảng tôm sang Mỹ sắp gặp khó khăn. Hai liên hiệp sản xuất tôm của Mỹ, Hiệp Hội Nuôi Tôm bang Louisiana và Hiệp Hội Nuôi Tôm Miền Nam, đã phối hợp với nhau nộp đơn kiện các nước xuất cảng tôm sang Mỹ vì đã bán phá giá gây thiệt hại cho họ. Hai hiệp hội này yêu cầu bộ thương mại Mỹ đánh thuế một đô-la Mỹ (1 USD) trên mỗi ký tôm nhập cảng vào Mỹ để bồi thường thiệt hại cho họ.

Các nước xuất cảng tôm sang Mỹ đang dự trù để đối phó với vụ kiện này. Việt Nam dự trù một ngân khoản 1,5 triệu USD cho vụ kiện ; Ấn Độ 1,5 triệu USD ; Brazil : 1 triệu ; Thái Lan : 1,25 triệu. Chi phí này bao gồm tiền trả luật sư cũng như tiền vận động (lobby).

Về phía hai hiệp hội nguyên đơn của Mỹ, họ dự định chi 6,5 triệu USD cho vụ kiện. Họ cũng đã thu thập được hơn 1.000 chữ ký yểm trợ và được sự yểm trợ các chính quyền các bang miền Nam nước Mỹ. Bang Alabama đã quyết định tăng giá dầu diesel lên 1 cent mỗi gallon để tài trợ chi phí cho họ.

Vụ kiện này, có lẽ sẽ bắt đầu vào tháng 6 sắp tới, sẽ rất phức tạp vì đòi hỏi phải tính giá thành để kết luận có phá giá hay không, và giá thành ở mỗi nước rất khác nhau.

VIỆT KIỀU Hơn 110.000 về nước ăn Tết

Theo báo chí trong nước thì số người Việt sinh sống ở nước ngoài về Việt Nam ăn Tết năm nay vượt quá 110.000 người, phần lớn về Sài Gòn qua phi cảng Tân Sơn Nhất.

Nhà cầm quyền cộng sản tổ chức nhiều buổi "gặp gỡ thân mật" để khuyến khích các "khúc ruột ngàn dặm" về thăm quê hương vì đây là một nguồn ngoại tệ quan trọng. Tuy vậy, trong bất cứ trường hợp nào chính quyền muốn, việc tiếp xúc với người Việt ở nước ngoài có thể bị ghép vào tội gián điệp, như người ta đã thấy qua các vụ án Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình.

Người về thăm Sài Gòn năm nay gặp một điều không may : nước sông Sài Gòn lên cao làm ngập nhiều nơi và ứ đọng hệ thống cống rãnh thoát nước. Hệ thống thoát nước Sài Gòn được xây dựng trên một thế kỷ nay, dự trù cho một thành phố 100.000 dân. Nhiều cố gắng cải tiến hệ thống thoát nước đã được thực hiện dưới mọi chế độ nhưng vẫn không thể đáp ứng nhu cầu của một thành phố 8 triệu dân.

Thật và ảo

Anh bạn trẻ tuổi cười như vừa trúng số : "May quá không bị kẹt xe, suýt nữa làm anh chị phải đợi thì vô lẽ quá. Em làm việc tới tấp suốt cả buổi chiều nay. Phải cấp mấy trăm thông hành".

Bạn tôi tốt nghiệp trường kỹ sư danh tiếng nhất nước Mỹ và là một chuyên viên kiệt xuất về tin học. Anh cũng là quốc trưởng Omely, một nước mới thành lập trên mạng Internet. Nước này có tất cả những gì mà mọi quốc gia có thể mơ ước, núi đồi hùng vĩ, bờ biển tuyệt vời, những khu rừng lớn với tất cả các loài thảo mộc và động vật mà thế giới có thể có, kể cả những loài thú đã biến mất, như những con khủng long. Và dĩ nhiên những thành phố huy hoàng tráng lệ, ngân lãn lộng lẫy hơn Las Vegas, đầy đủ tất cả những tiện nghi về giải trí, văn học, nghệ thuật mà bạn có thể tưởng tượng. Bạn có thể đi khắp nơi, bằng phương tiện di chuyển mà bạn muốn, bằng ngựa, xe hơi, du thuyền, trực thăng, máy bay. Với điều kiện là bạn là một công dân. Bạn cũng có thể chọn bạn là ai, trai hay gái, bao nhiêu tuổi, mảnh mai hay lực lưỡng. Bạn có thể thay đổi y phục, tóc và râu, v.v. Với điều kiện bạn là một công dân, nghĩa là có xin và hội đủ điều kiện để được chấp nhận làm dân Omely. Đó là những gì tôi nhớ được sau nhiều lần nghe anh bạn trẻ giải thích.

Để tạo dựng ra quốc gia này, bạn tôi và một nhóm chuyên viên cao cấp đã bỏ ra gần mười năm. Riêng bản hiến pháp của quốc gia Omely cũng đã đòi hỏi hơn một năm nghiên cứu của các chuyên gia luật học và xã hội học thượng thặng.

Bạn tôi nói : "Thời gian dựng nước như thế là ngắn kỷ lục đấy. Anh biết có những nước tự hào là có cả ngàn năm văn hiến mà chẳng ra gì cả, cây rừng thì xơ xác, đường sá bẩn thỉu, bụi bặm, cống rãnh hôi thối, ra đường phải đeo khẩu trang, dân đói ăn thiếu mặc, bệnh truyền nhiễm lan tràn, quan chức thì tham nhũng, thô lỗ...".



- Tôi cũng biết một nước như vậy. Nhưng có những người nghĩ rằng thay vì chạy trốn trong mộng ảo, ta cần phấn đấu để dần dần biến mơ ước thành thực tại.

- Anh hiểu lầm rồi ! Omely không phải chỉ là mộng ảo. Nó có những quan hệ trực tiếp với tất cả mọi sinh hoạt của thế giới thật. Từ đó anh có thể làm tất cả những công việc của một người trong thế giới thật như mua sắm, chơi thị trường chứng khoán, đặt phòng khách sạn, đặt mua vé máy bay, v.v. Dĩ nhiên anh không cần đi du lịch đâu cả bởi vì mọi danh lam thắng cảnh trên thế

Mục lục

1. Thế giới an ninh hơn sau hòa giải Ấn Độ - Pakistan

Thông Luận

2. Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc : một chiến lược...

Nguyễn Văn Hiệp

3. Tiến tới một sự từ nhiệm của Mỹ ?

Nguyễn Gia Kiểng

5. Việt Nam và khả năng chuyển hóa

Gerhard Will

10. Thơ : Tình ca đa nguyên

Sông Lô

11. Hệ thống dọc, hệ thống ngang

Tôn Thất Thiện

15. Để chấm dứt chế độ độc tài đảng trị

Võ Xuân Minh

17. Giải quyết nạn thất nghiệp hay buôn bán nô lệ ?

Nguyễn Văn Huy

20. Huyền thoại Hoàn Kiếm

Trương Lương Trung

21. Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ

Lê Văn Hào

24. "Trăng Ngục", những hạt ngọc kết tinh từ máu lệ

Nguyễn Minh Cần

28. Thời sự quốc tế và Việt Nam

32. Thật và ảo

Đầy

giới thật đều đã có trong quốc gia Omely, kể cả những kỳ quan mà thế giới thật không có, anh cũng có thể gặp và trao đổi với những danh nhân xưa như Socrates, Plato, Lão Tử... Và lại, thật và ảo chỉ là những khái niệm không chính xác, biết cái gì là thật, biết cái gì là ảo ? Omely có vẻ ảo vì các công dân của nó ở tản mát khắp nơi và khắp mọi thời đại. Nhưng bây giờ khoảng cách và thời gian đâu còn ý nghĩa gì nữa. Mạng Internet cho phép những người ở bất cứ nơi nào làm việc toàn thời gian với nhau. Anh có thể ở Mỹ mà phục vụ Việt Nam và anh cũng có thể ở Hà Nội mà làm tay sai cho Bắc Kinh. Tất cả chỉ tùy ở lòng mình.

- Ít nhất, theo tôi hiểu có một sự khác biệt là cái thật cũng cần để có cái ảo. Thí dụ những software cậu dùng để chế tạo ra quốc gia Omely vẫn phải do con người làm ra.

- Lại một sự hiểu lầm nữa ! Khoa học Cybernetic đang ngày càng tiến và sẽ có ngày những program có khả năng để sáng tạo và tự biến hóa. Lúc đó vai trò của cái mà ta gọi là thế giới thực sẽ không cần thiết nữa. Càng hay anh ạ, con người cần ý thức được sự thách thức này thì mới khá hơn, chứ hiện nay thì phải nói là quá tệ. Gian trá, nịnh, xuyên tạc, anh nọ chèn ép bóc lột anh kia, có những anh ngu như chó mà cũng tự cho độc quyền quyết định đời sống của người khác, rồi những anh bị chà đạp cũng không dám chống lại. Có anh đã già đầu, sắp xuống lỗ rồi mà vẫn bợ đỡ bọn lưu manh đang cầm quyền. Chỉ khiến người ta khinh thời chứ ăn cái giải gì ?

Đầy